

5

M HOC TOÁN

LỚP NĂM



BỘ QUỐC-GIA
GIÀO-DỤC XUẤT-BẢN

Em học toán

CHÍNH-PHỦ TRUNG-HOÀ DÂN-QUỐC
KÍNH TẶNG

thuongmaitruongxua.vn

LỚP NĂM

SÁCH TOÁN BẬC TIỂU-HỌC
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

<https://tieulun.hopto.org>

Soạn-thảo dưới sự hướng-dẫn của

Ông LÝ-CHÁNH-ĐỨC

Giám-độc Sở Tu-thư, Dịch-thuật và Ấn-loát

Với sự tham gia ý kiến của

Cô ALICE H. PALMER

Phái-bộ Kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-Nam

và

Ông HAROLD H. LERCH, Ph. D.

Phái-đoàn Đại-học-đường Southern Illinois

thuongmaitruongxua.vn

BAN BIÊN-TẬP :

Soạn giả :

HÀ MAI ANH
THÊM VĂN ĐẤT

Họa-sĩ :

HUỲNH PHÚ NHIỀU

Chuyên-viên Tu-thư :

Cô TRẦN THỊ ĐÌNH
Bà NGUYỄN ĐĂNG HẢI

Chuyên-viên Hoa-kỳ :

ALICE H. PALMER
HAROLD H. LERCH, Ph. D.

thuongmaitruongxua.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Kính gọi Quý vị giáo-viên,

Dạy toán, chúng ta nhằm hai mục đích :

1. Chuẩn bị cho học-sinh học môn toán ở các lớp trên.
2. Chuẩn bị cho học-sinh biết cách dùng những điều hiểu biết về toán trong đời sống hàng ngày.

Chúng tôi thiết tưởng hai mục-dịch trên đều quan-trọng như nhau.

Sự hiểu biết về toán và khả-năng áp-dụng những điều hiểu biết ấy đều cần thiết cho mọi người. Học-sinh ở các trường Tiểu-học phải biết đếm, biết làm các phép toán, biết đo lường và biết dùng tiền tệ. Trẻ càng lớn thì những khả-năng trên của trẻ càng tiến-triển.

Trẻ con học toán giống như chúng học cách-trí. Chúng cầm các vật, quan-sát, đọc những bài về vật ấy, thảo luận về vật ấy với các bạn học cũng như với thầy cô của chúng. Vai trò của quyển sách và của giáo-viên là phải cung cấp vật-liệu hoặc học-cụ, và hướng-dẫn các cuộc thảo-luận để đi đến chủ-dịch của bài học. Nhưng dần dần, đứa trẻ phải biết cách tìm hiểu và tự giải-quyết những bài toán mà không cần xem lại sách hoặc cần đến sự chỉ-dẫn của giáo-viên.

Trẻ em có được học chu đáo về môn toán ở lớp Năm thì khi lên lớp trên mới lãnh hội được những bài mới và khó hơn. Vì thế chúng tôi đã cố gắng soạn quyển sách này bằng cách phối-hợp những phương-pháp giảng dạy tân tiến và những học-cụ lại thành một chương-trình học sắp đặt kỹ càng. Trước khi soạn bất luận một bài nào, chúng tôi suy nghĩ rất nhiều xem học-sinh cần phải hiểu biết những gì hầu giúp chúng hiểu một bài học, và những bài học nào về sau sẽ được dựa trên những điều chúng đã học trong bài ấy.

Vài đặc-tính của quyển sách

Khi xem hết quyển sách, quý vị sẽ nhận thấy những điểm sau đây :

1. Sách này dành riêng cho học-sinh. Mỗi học-sinh làm bài ngay trong sách của mình. Như thế, các em sẽ có nhiều thì giờ học toán hơn là theo thói quen : thấy giáo viết trên bảng rồi học-sinh chép vào vở.

2. Những đề-mục chính trong sách được chia thành từng chương. Học-sinh sẽ tập-trung sự học của chúng, trong một thời gian, vào một đề-mục và những ý-niệm liên-quan đến đề-mục ấy. Mỗi chương lại chia làm nhiều bài, vừa sức các em học mỗi kỳ một bài. Các bài của mỗi chương đều được soạn rất chu đáo theo thứ tự từ dễ đến khó. Các em sẽ học những ý-niệm dễ hiểu về toán cộng và trừ trước khi chúng học về những khía cạnh khác khó hơn. Mỗi bài học mới đều căn cứ trên những bài đã học trước.

3. Những bài tập để ôn lại những điều đã học được phân phối đều khắp quyển sách. Nếu không

cho ôn lại, đôi khi các em có thể quên những bài chúng đã học.

4. Những đề-nghị giảng dạy về những ý-niệm mới được ghi ngay ở phía dưới trang của mỗi bài học, vì thế không phải kèm theo một quyển Chỉ-nam.

5. Hình ảnh, màu sắc, nhiều chữ in khác biệt đều được dùng để cụ-thể-hóa cho bài học thêm rõ ràng, dễ hiểu và được học-sinh chú ý hơn. Mỗi hình ảnh đều liên-quan trực-tiếp với ý-niệm giảng dạy.

6. Phía sau quyển sách có phụ thêm phần bài tập. Những bài tập này được chia làm hai phần : toán cộng và toán trừ. Trong mỗi phần, các bài tập được sắp đặt từ dễ đến khó. Những đề-nghị cách dùng các bài tập ấy đã có ghi rõ.

Vài đề-nghị tổng-quát về cách giảng-dạy

Mặc dù hầu hết các bài trong quyển sách đều có lời đề-nghị về cách giảng dạy, nhưng giáo-viên cũng nên nhớ một vài nguyên-tắc đại-cương trong việc giảng dạy nêu dưới đây.

Việc dạy toán sẽ được hoàn hảo nếu giáo-viên :

1. Luôn luôn nhớ đến mục-tiêu của bài học. Hướng-dẫn mọi hoạt-động về mục-tiêu của bài học ấy.

2. Tiên dẫn những ý-niệm mới bằng những vật có thật ở hoàn-cảnh chung quanh. Giúp học-sinh hiểu rõ những ý-niệm ấy.

3. Dùng hình ảnh trong sách giải-thích cho học-sinh. Giúp học-sinh xem một tranh ảnh, biểu-đồ hoặc thí-dụ bằng hình ảnh để hiểu thêm về một ý-niệm.

4. Đi từ ý-niệm-giản-dị hoặc dễ đến ý-niệm phức tạp hoặc khó. Phải chắc chắn rằng học-sinh đã hiểu rõ ý-niệm giản-dị trước khi bước sang ý-niệm khó hơn.

5. Nên dùng bài tập và toán đồ khi học-sinh đã hiểu rõ ý-niệm liên-hệ đến những bài tập và toán đồ ấy. Không nên cho học-sinh làm bài tập về toán cộng khi chúng chưa hiểu toán cộng là gì. Nên cho làm nhiều bài tập về toán đồ. Nên nhớ rằng làm nhiều bài tập sẽ giúp học-sinh làm toán rất đúng. Cho học sinh làm bài tập phía sau quyển sách. Nếu thầy cần, giáo-viên nên đặt thêm nhiều bài tập khác cho học-sinh làm. Khuyến-khích học-sinh tự đặt những bài toán đồ.

6. Thỉnh thoảng cho ôn lại những ý-niệm đã học, nếu không, học-sinh sẽ quên đi.

7. Nên dùng học-cụ. Bắt luận khi nào nếu có thể, cho học-sinh cầm về sử-dụng các học-cụ ấy. Nên nhớ rằng hình ảnh vẽ trên bảng là những học-cụ rất hữu hiệu.

8. Nên kiểm-điểm luôn luôn sự học của học-sinh bằng cách cho chúng làm những bài trắc-nghiệm ngắn từng thời-gian và thường xuyên. Giáo-viên sẽ thấy sự học của chúng có kết quả như thế nào và sẽ biết những ý-niệm nào cần phải ôn hoặc dạy lại. Nên ghi sức học của mỗi trò.

9. Chú ý đến sự sai biệt về hiểu biết và khả năng của trẻ. Nên cho chúng làm những bài hợp với khả năng của chúng. Giải-thích thêm bằng những thí-dụ cụ-thể và ra bài tập thêm cho học-sinh kém. Đồng thời phát-triển khả-năng của các học-sinh giỏi bằng cách cho chúng làm những bài tập và toán đồ khó hơn.

MỤC LỤC

Chương I

SƠ SÁNH

		TRANG
Bài 1	— Vật nào lớn hơn ?	17
— 2	— Những vật nào cỡ bằng nhau ?	18
— 3	— Vật nào lớn nhất ? Vật nào nhỏ nhất ?	19
— 4	— Nhóm nào nhiều hơn ?	20
— 5	— Học ôn	21

Chương II

TỪ SỐ 0 ĐẾN SỐ 10

Bài 1	— Số 1	22
— 2	— Số 2	23
— 3	— Số 3	24
— 4	— Số 4	25
— 5	— Số 5	26
— 6	— Học ôn	27
— 7	— Học ôn (tiếp theo)	28
— 8	— Số 6	29
— 9	— Số 7	30
— 10	— Số 8	31
— 11	— Số 9	32
— 12	— Số 0	33
— 13	— Số 10	34
— 14	— Học ôn	35
— 15	— Học ôn (tiếp theo)	36

Chương III TOÁN CỘNG DỄ

Bài 1	— Toán cộng có tổng số là 2 và 3	37
— 2	— Toán cộng có tổng số là 4	38
— 3	— Toán cộng có tổng số là 5	39
— 4	— Học ôn	40
— 5	— Toán cộng có tổng số là 6	41
— 6	— Toán cộng có tổng số là 7	42
— 7	— Học ôn : các toán cộng dễ	43
— 8	— Toán cộng có tổng số là 8	44
— 9	— Toán cộng có tổng số là 9	45
— 10	— Toán cộng có tổng số là 10	46
— 11	— Học ôn : các toán cộng có tổng số là 8, 9 và 10	47
— 12	— Đếm nhảy 2	48
— 13	— Số từ 10 đến 30	49

Chương IV TOÁN TRỪ DỄ

Bài 1	— Ý niệm về lấy bớt ra	50
— 2	— Toán trừ có số lớn là 1, 2, 3	51
— 3	— Toán trừ có số lớn là 4, 5	52
— 4	— Toán trừ có số lớn là 6	53
— 5	— Học ôn	54
— 6	— Toán trừ có số lớn là 7	55
— 7	— Toán trừ có số lớn là 8	56
— 8	— Toán trừ có số lớn là 9	57
— 9	— Toán trừ có số lớn là 10	58
— 10	— Bài tập (ôn toán trừ có số lớn là 7 và 8)	59
— 11	— Bài tập (ôn toán trừ có số lớn là 9 và 10)	60

Chương V HỌC NHỮNG SỐ ĐẾN 100

Bài 1	— Học ôn	61
— 2	— Học ôn từ 0 đến 30	62

Bài 3	— Ý nghĩa những hàng chục và hàng đơn vị	63
— 4	— Đếm và đọc những số từ 1 đến 100	64
— 5	— Học ôn : toán cộng	65
— 6	— Đếm theo thứ tự	66
— 7	— Ý nghĩa những số từ 30 đến 99	67
— 8	— Đếm nhảy 5	68
— 9	— Học ôn : toán trừ dễ	69
— 10	— Học ôn	70

Chương VI TOÁN CỘNG KHÓ

Bài 1	— Toán cộng có tổng số là 11	71
— 2	— Toán cộng có tổng số là 12	72
— 3	— Toán cộng có tổng số là 13	73
— 4	— Toán cộng có tổng số là 14	74
— 5	— Học ôn : những toán cộng có tổng số là 11, 12, 13, 14	75
— 6	— Toán cộng có tổng số là 15 và 16	76
— 7	— Toán cộng có tổng số là 16 và 17	77
— 8	— Học ôn : toán cộng có tổng số là 15, 16, 17, 18	78
— 9	— Học ôn : toán cộng và toán trừ dễ	79
— 10	— Những toán cộng ba con số	80
— 11	— Những toán cộng ba con số (tiếp theo)	81
— 12	— Những toán cộng một và hai con số	82
— 13	— Bài tập	83
— 14	— Toán cộng hai con số	84

Chương VII TOÁN TRỪ KHÓ

Bài 1	— Toán trừ có số lớn là 11	85
— 2	— Toán trừ có số lớn là 12	86
— 3	— Toán trừ có số lớn là 13	87
— 4	— Toán trừ có số lớn là 14	88
— 5	— Học ôn	89
— 6	— Toán trừ có số lớn là 15 và 16	90
— 7	— Toán trừ có số lớn là 17 và 18	91

Bài 8	— Học ôn : toán cộng và toán trừ	92
— 9	— Toán trừ : ý niệm về so sánh	93
— 10	— Toán trừ hai con số	94
— 11	— Học ôn : toán cộng dễ	95
— 12	— Học ôn : toán trừ dễ	96
— 13	— Phép thử toán cộng và toán trừ	97

Chương VIII

PHÉP ĐO LƯỜNG

Bài 1	— Mét	98
— 2	— Đề-xi-mét	99
— 3	— Đề-xi-mét đôi	100
— 4	— Học ôn về mét	101
— 5	— Học ôn về đề-xi-mét và đề-xi-mét đôi	102

Chương IX

DÙNG TIỀN TỆ

Bài 1	— Đồng 1 cái, đồng 2 cái	103
— 2	— Đồng 5 cái	104
— 3	— Học ôn về tiền tệ	105
— 4	— Đồng 1 đồng và giấy 1 đồng	106
— 5	— Giấy bạc 2 đồng	107
— 6	— Giấy bạc 5 đồng	108
— 7	— Học ôn	109
— 8	— Giấy bạc 10 đồng	110
— 9	— Giấy bạc 20 đồng	111
— 10	— Trả tiền và thối tiền	112
— 11	— Học ôn cộng và trừ bằng tiền	113

Chương X

TOÁN CỘNG CÓ NHỚ

Bài 1	— Học ôn : Ý niệm về chục và đơn vị	114
— 2	— Học ôn : Toán cộng khó	115

Bài 3	— Toán cộng có nhớ	116
— 4	— Toán cộng có nhớ (tiếp theo)	117
— 5	— Bài tập và toán đố	118
— 6	— Bài tập và toán đố (tiếp theo)	119

Chương XI

Ý NIỆM VỀ TOÁN TRỪ CÓ ĐÔI 1 CHỤC RA ĐƠN VỊ

Bài 1	— Học ôn : toán trừ khó	120
— 2	— Bài tập	121
— 3	— Học ôn : Toán trừ có hàng chục	122
— 4	— Bài tập	123
— 5	— Toán trừ có nhớ	124
— 6	— Bài tập	125
— 7	— Học ôn : ý niệm về toán trừ có nhớ	126
— 8	— Bài tập	127

Chương XII

VỀ GẠCH

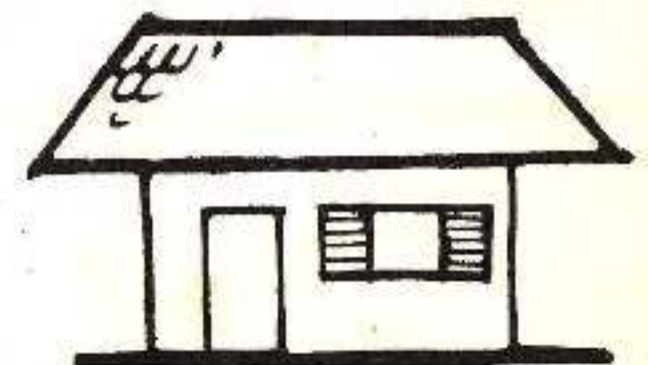
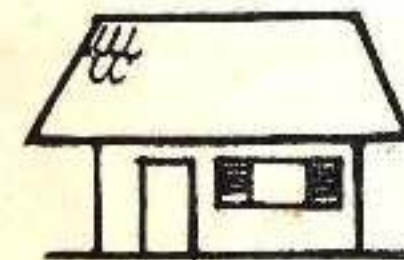
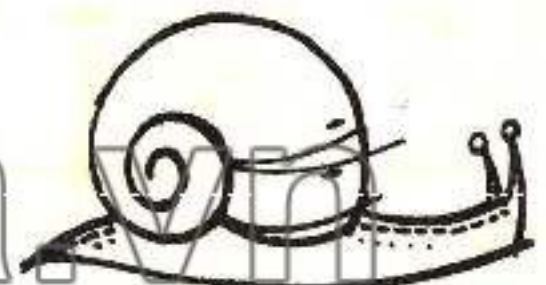
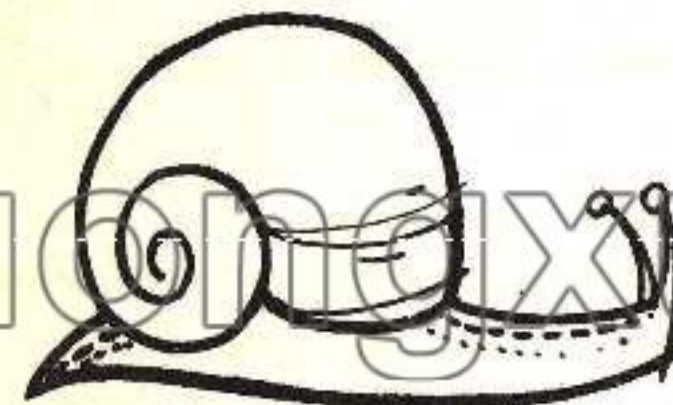
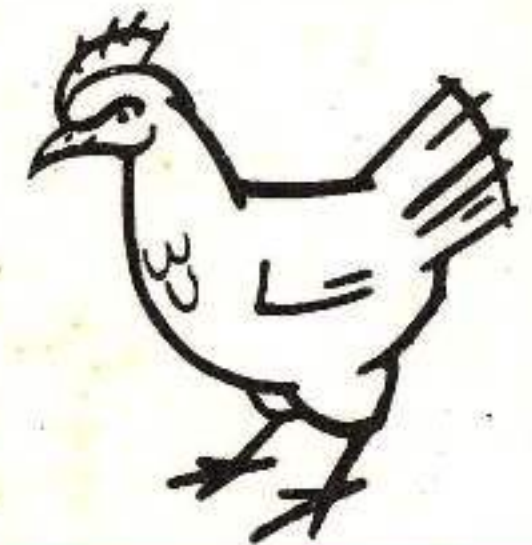
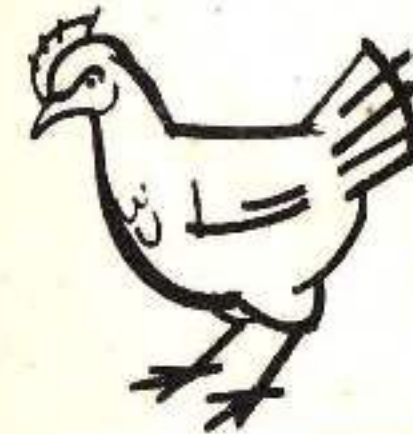
Bài 1	— Những đường thẳng	128
— 2	— Vẽ hình bằng những đường thẳng	129
— 3	— Vẽ chữ bằng đường thẳng	130
— 4	— Vẽ những vật bằng đường thẳng	131
— 5	— Đường gãy	132
— 6	— Vẽ hình bằng đường gãy	133
— 7	— Vẽ chữ bằng đường gãy	134
— 8	— Vẽ những vật bằng đường gãy	135
— 9	— Đường cong	136
— 10	— Vẽ chữ và vật bằng đường cong	137
— 11	— Bài tập	138
— 12	— Bài tập (tiếp theo)	139

PHỤ - LỤC

BÀI TẬP

Từ trang 140 đến trang 160

VẬT NÀO LỚN HƠN ?



PHẦN GIÁO-VIÊN

Mục-dịch : Đề tập cho trẻ em so-sánh cỡ của 2 vật : lớn nhỏ.

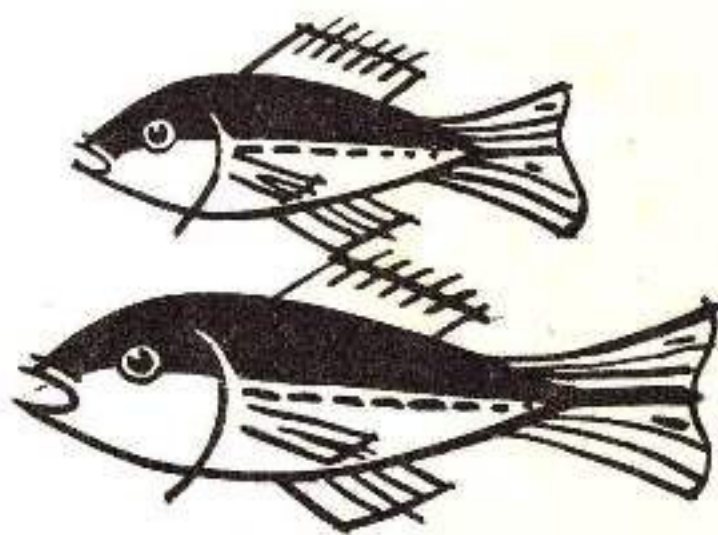
Hướng-dẫn : A. Giúp trẻ so-sánh 2 vật hoặc 2 con vật có thật (trong lớp học, ngoài sân trường...) và hỏi vật nào, con vật nào lớn hơn, nhỏ hơn.

B. Dùng hình vẽ trên cho chúng nhận ra vật nào, con vật nào lớn hơn và đánh dấu chéo (X) ở dưới hình lớn hơn và đánh dấu hình nhỏ hơn.

C. Cho học-trò tô màu (vật lớn màu đỏ, vật nhỏ màu xanh).

NHỮNG VẬT NÀO CỠ BẰNG NHAU ?

Vẽ một đường nối 2 vật cỡ bằng nhau



Theo dấu chấm, vẽ 1 đường bằng đường bên cạnh

.....

PHẦN GIÁO-VIÊN

Mục-dịch : Đề tập cho trẻ nhận ra 2 vật cỡ bằng nhau.

Hướng-dẫn : A. Giúp trẻ so-sánh 2 vật hoặc 2 con vật có thật (trong lớp học, ngoài sân trường...)

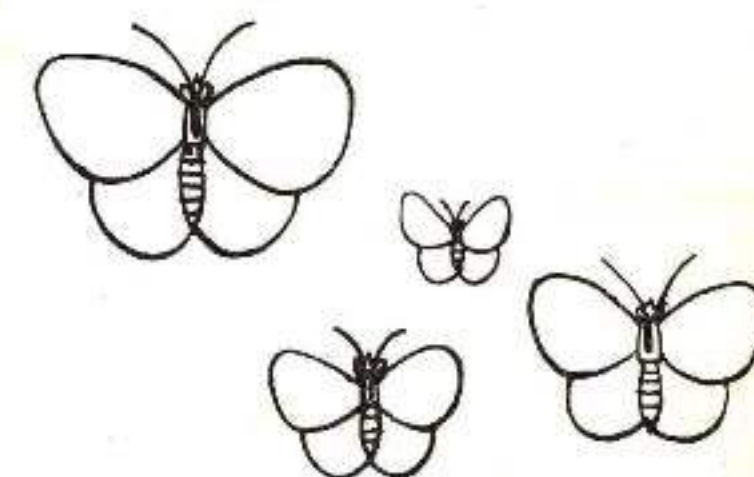
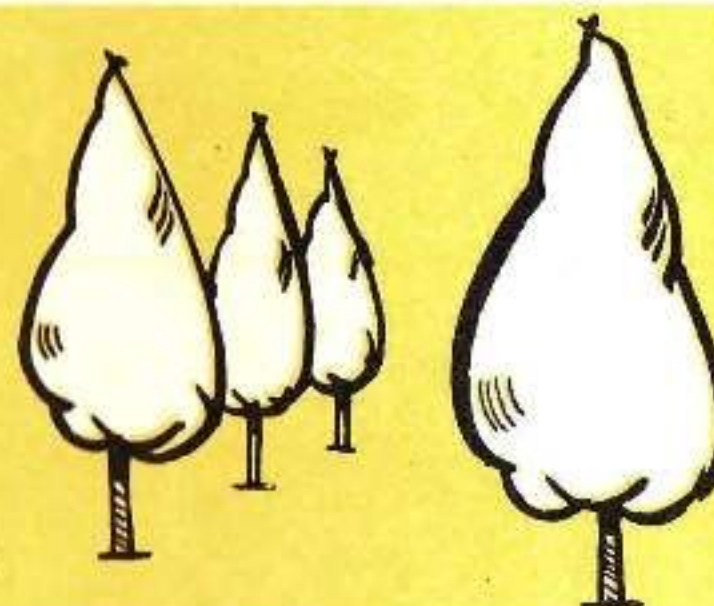
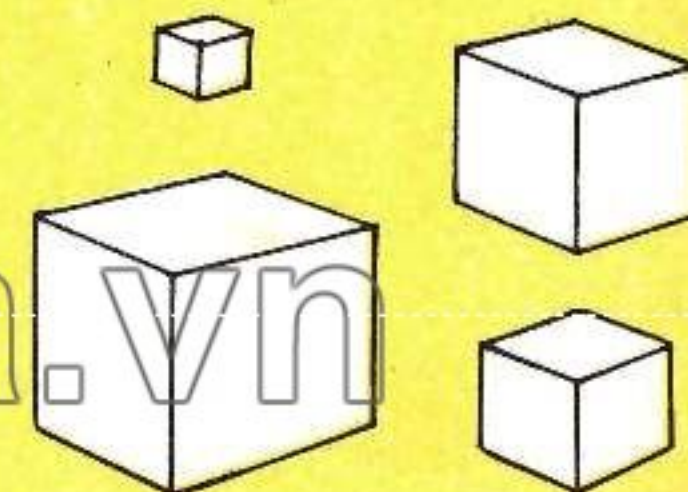
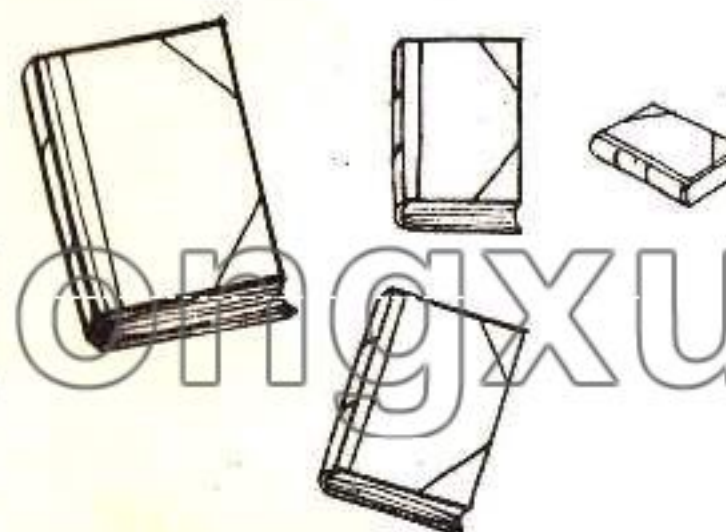
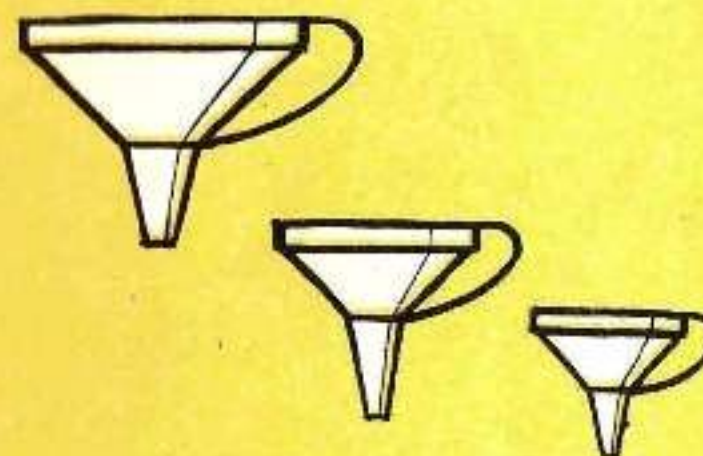
Hỏi : Những vật nào cỡ bằng nhau ?

B. Cho học-sinh làm bài tập trên.

C. Cho học-sinh tô màu 2 vật bằng nhau.

VẬT NÀO LỚN NHỨT ? VẬT NÀO NHỎ NHỨT ?

Gạch chéo (X) vật lớn nhất và khoanh tròn vật nhỏ nhất



PHẦN GIÁO-VIÊN

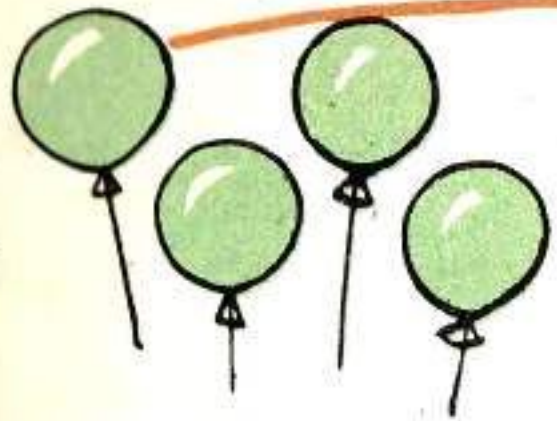
Mục-dịch : Đề tập cho trẻ so-sánh cỡ của các vật trong một nhóm.

Hướng-dẫn : A. Mang vào lớp nhiều hộp, nhiều chai, nhiều chén (bát) v.v... cỡ lớn nhỏ khác nhau, cho trẻ xem trong từng nhóm (hộp, chén, chai v.v... đã đem vào lớp học) vật nào lớn nhất, vật nào nhỏ nhất.

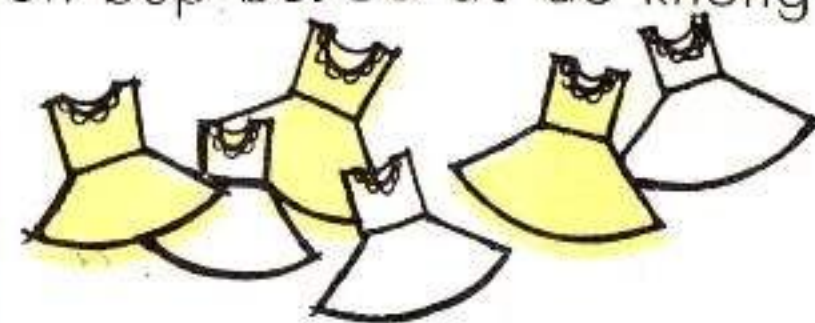
B. Cho học-sinh làm bài tập trên.

NHÓM NÀO NHIỀU HƠN ?

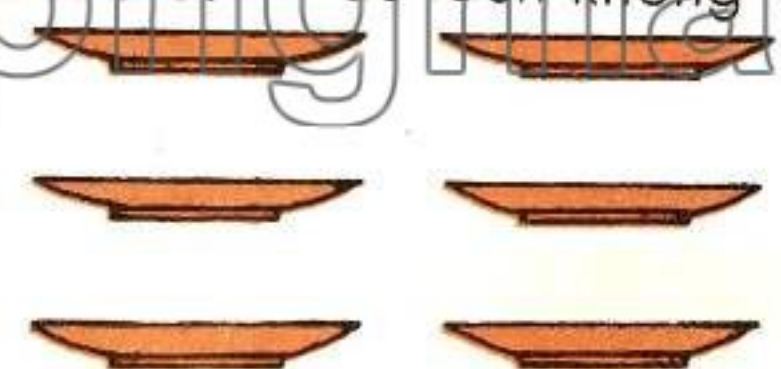
Vẽ một đường từ quả bóng đến đứa trẻ. Có đủ bóng không?



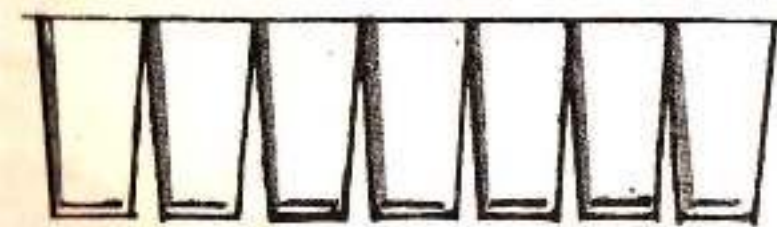
Vẽ một đường từ cái áo đến con búp-bê. Có đủ áo không?



Vẽ một đường từ cái tách đến cái đĩa. Có đủ tách không?

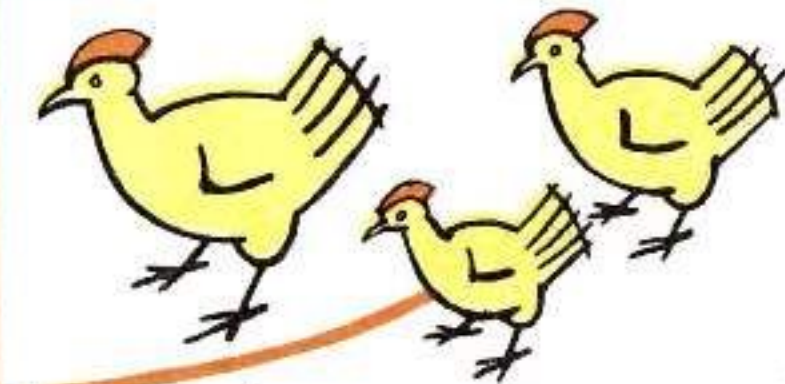
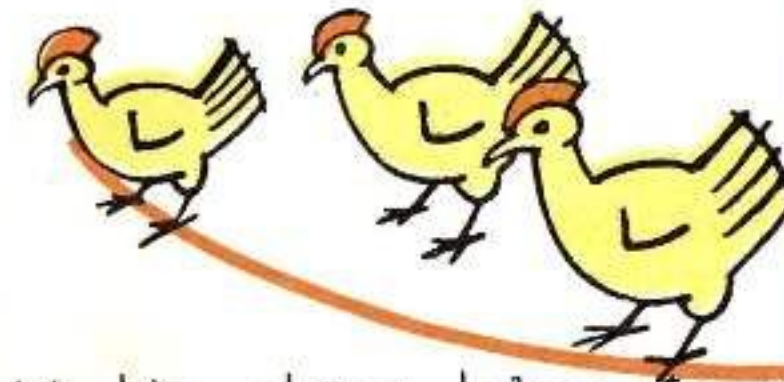


Vẽ đường nối tìm nhóm nhiều hơn. Khoanh tròn nhóm đó?

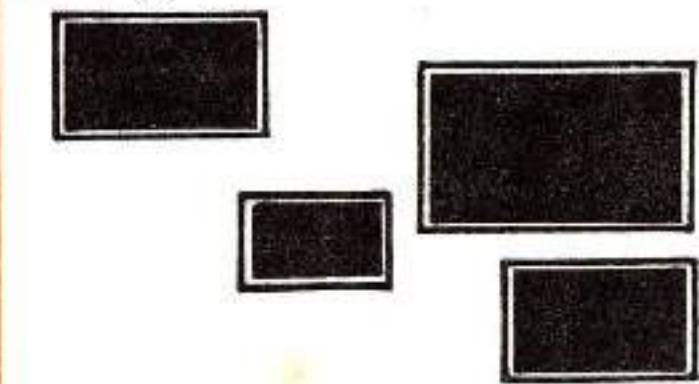
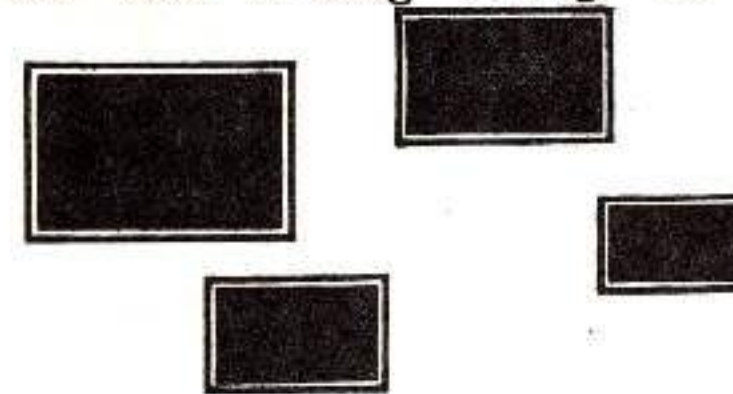


HỌC ÒN

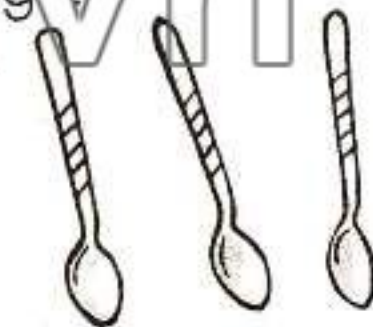
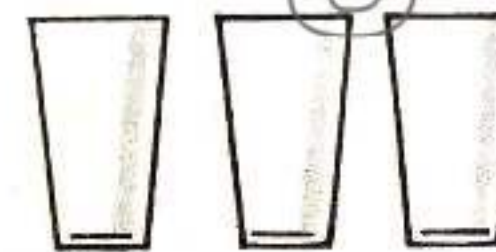
Nối liền những con gà cỡ bằng nhau



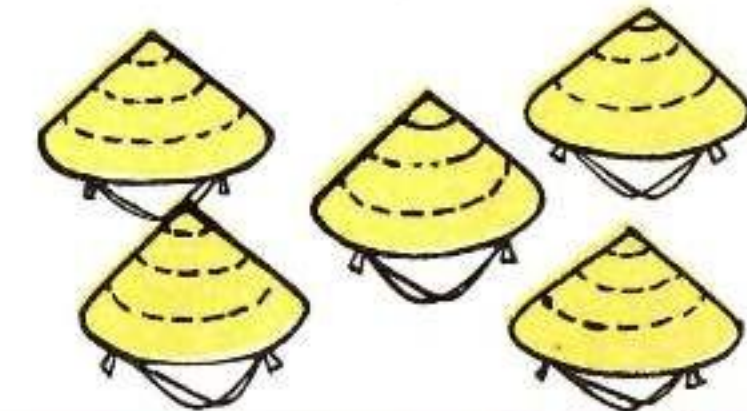
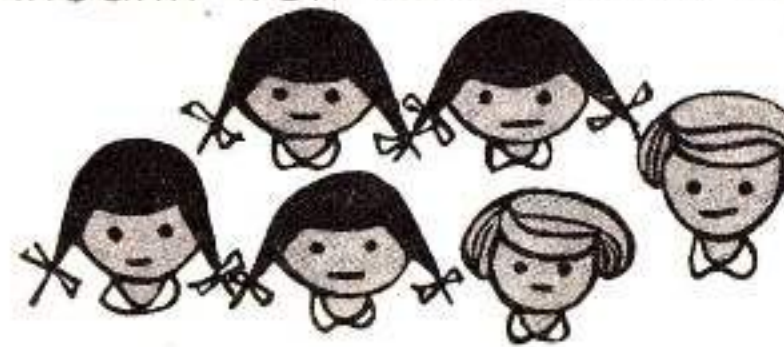
Nối liền những bảng đa có bằng nhau



2 nhóm này có bằng nhau không?



Nối liền nón với đầu xem nhóm nào nhiều hơn?
Khoanh tròn nhóm nhiều hơn



PHÂN GIÁO-VIÊN

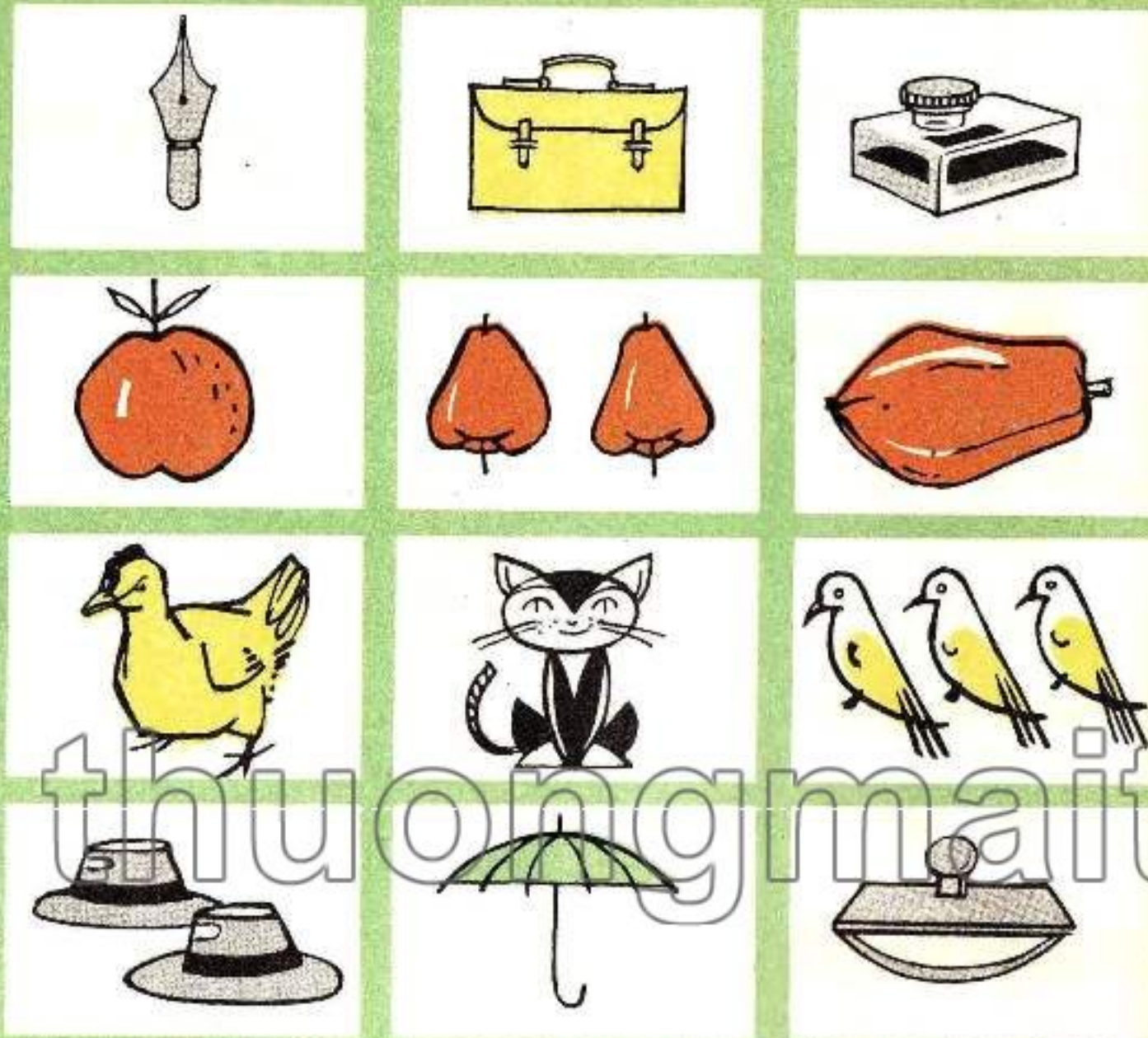
Mục đích : Để tập cho trẻ so-sánh các nhóm mà không cần đếm.

Hướng dẫn : Mang vào lớp một số chai không, nút chai v.v...

- Chia những vật nói trên ra từng nhóm nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau rồi giúp trẻ so-sánh các nhóm đó.
- Cho học-sinh làm bài tập trên.
- Bảo học-sinh khoanh tròn nhóm nhiều nhất.

SỐ 1

Những hình nào chỉ một vật ?



Viết số 1

1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

PHẦN GIÁO - VIÊN

Mục - đích : Ý-niệm về số 1. Tập đọc và viết số 1.

Hướng - dẫn :

Đưa một vật ra và nói đây là một cây viết, một viết chì, một viên phấn... Bảo học-sinh chỉ một cái nón, một cái bàn, một cái ghế... Bảo học sinh dùng viết chì gạch chéo X trên những hình có một vật.
Chỉ cho học-sinh biết cách viết số 1. Cho chúng viết số 1 trong ô vuông theo chiều mũi tên. Cho chúng tập viết số 1 vào vở hoặc trên bảng con.

Bài 1, Chương II

SỐ 2

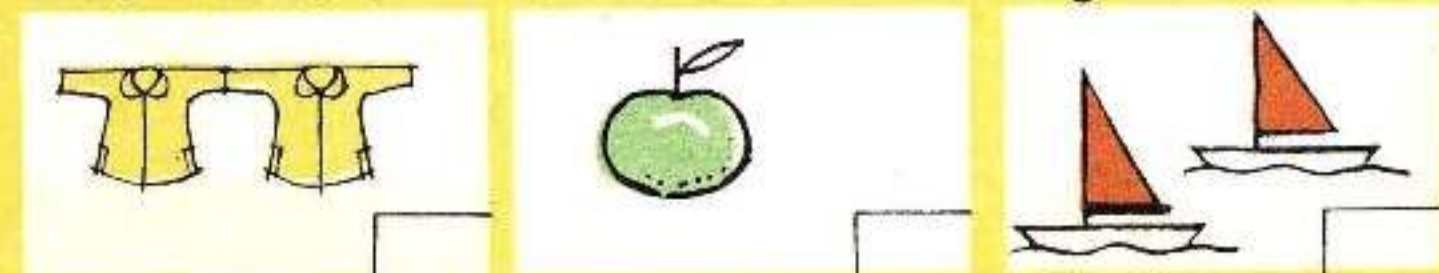
Những hình nào chỉ hai vật ?



Viết số 2:

2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Bao nhiêu ? Viết số vào ô vuông.



PHẦN GIÁO - VIÊN

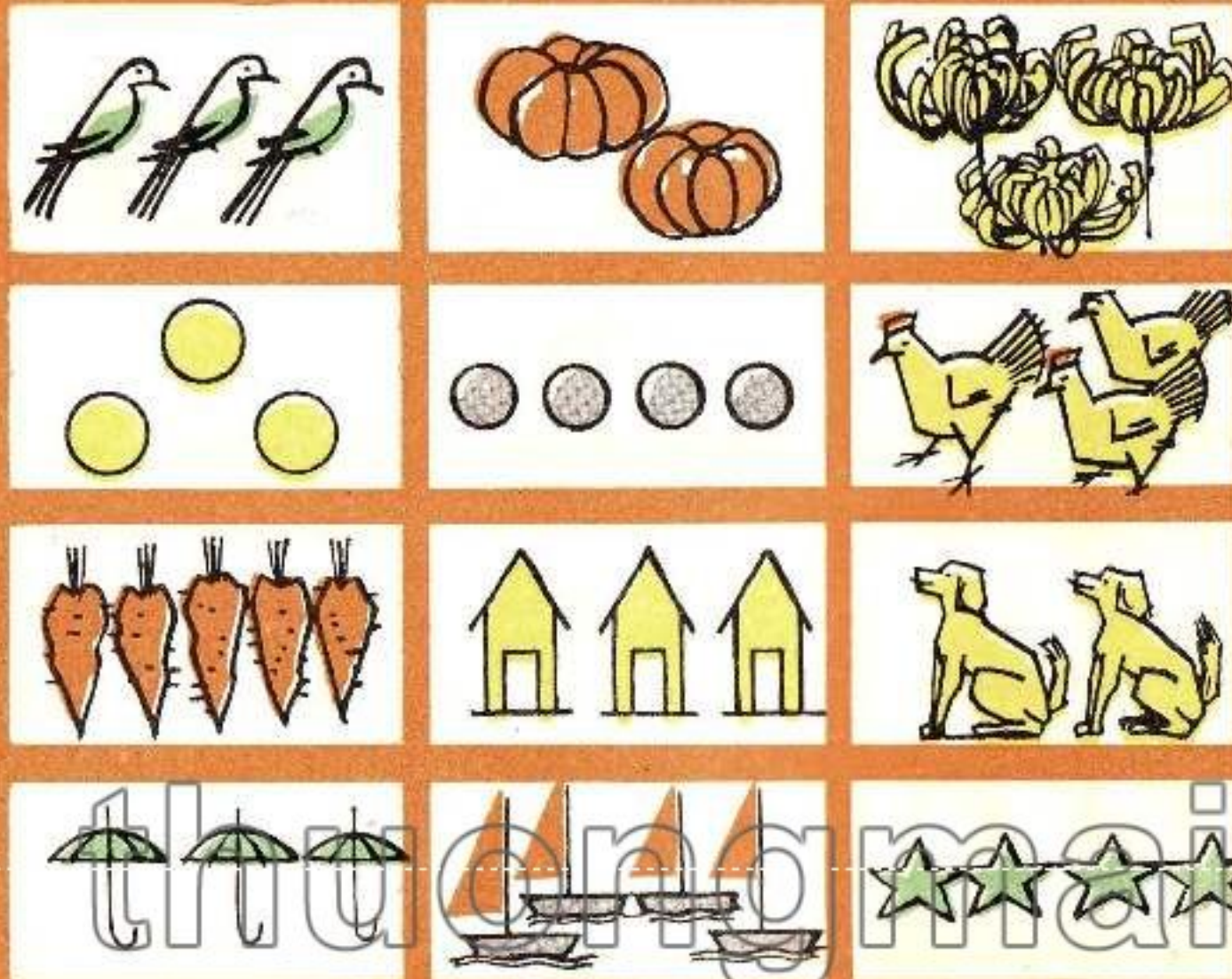
Mục - đích : Ý-niệm về số 2. Tập đọc và viết số 2.

Hướng - dẫn : Đưa 2 vật ra và nói: hai cái nón, hai quyển sách, hai cái thước kẻ... Bảo học sinh chỉ hai bình mực, hai cái cặp sách, hai chiếc dép... Bảo học sinh gạch chéo X dưới hình không phải là 2 vật.
Dạy cách viết số 2.
Ở hàng vẽ cuối cùng, bảo học-sinh xem mỗi hình có bao nhiêu vật thì ghi số vào ô vuông.

Bài 2, Chương II

SỐ 3

Những hình nào chỉ ba vật ?



Viết số 3 :

3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Theo số, vẽ thêm hình :

		
3	3	3

PHẦN GIÁO - VIÊN

Mục - đích : Ý niệm về số 3. Tập đọc và viết số 3.

Hướng - dẫn :

Đưa ba vật ra nói : ba trái banh, ba hòn sỏi, ba cái ly... Bảo học - sinh lấy ba cây viết, ba viên phấn, ba quyển vở...

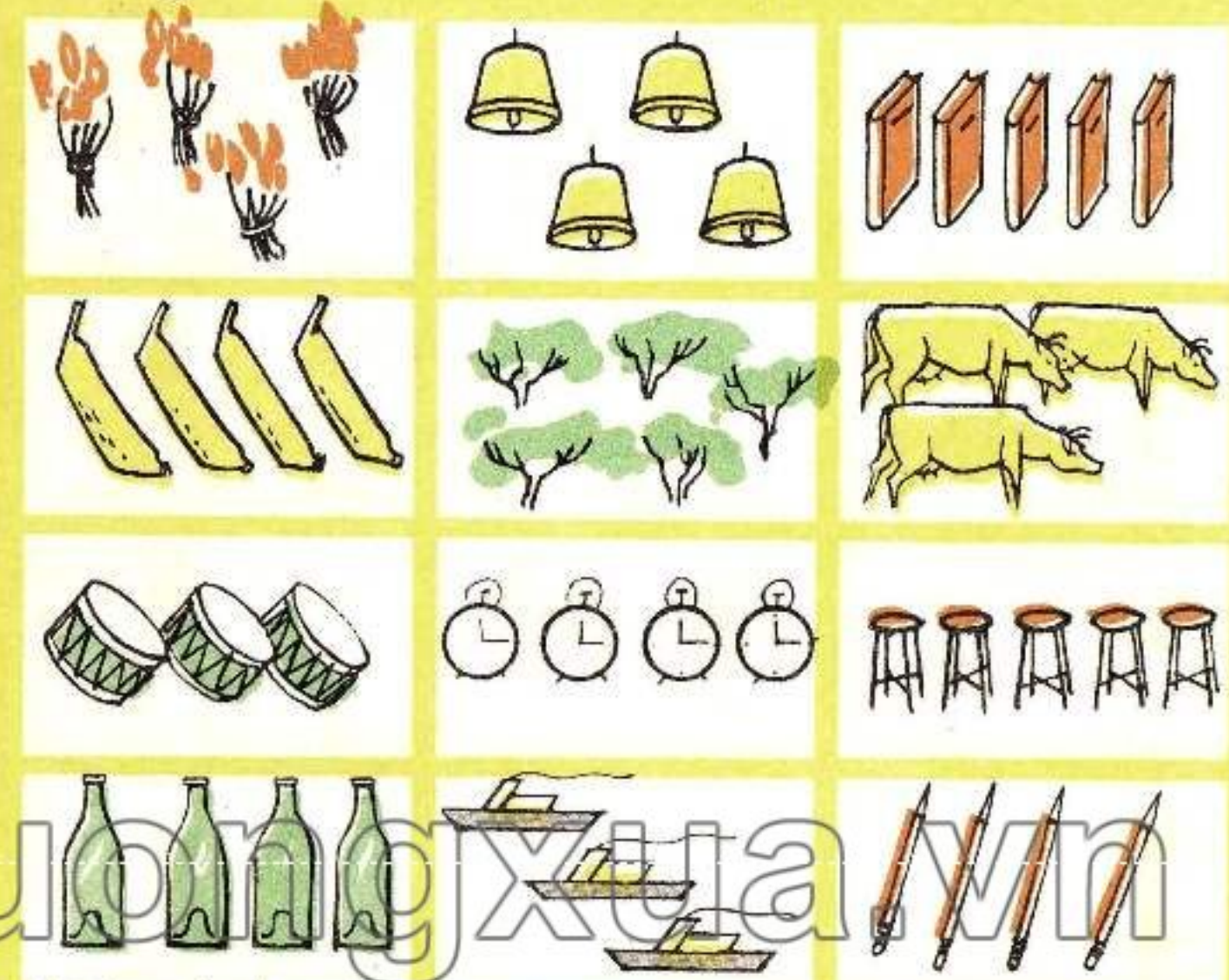
Bảo học - sinh gạch chéo X dưới những hình không phải ba vật.

Dạy cách viết số 3.

Ở hàng dưới cùng bảo học - sinh theo con số ở ô vuông, vẽ cho đủ số vật.

SỐ 4

Những hình nào chỉ bốn vật ?



Viết số 4 :

4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

Bao nhiêu ? Viết số vào ô vuông.

PHẦN GIÁO - VIÊN

Mục - đích : Ý - niệm về số 4. Tập đọc và tập viết số 4.

Hướng - dẫn : Đưa bốn vật ra cho học - sinh coi, bảo học - sinh chỉ bốn vật khác. Bảo học - sinh gạch chéo dưới hình có 4 vật.

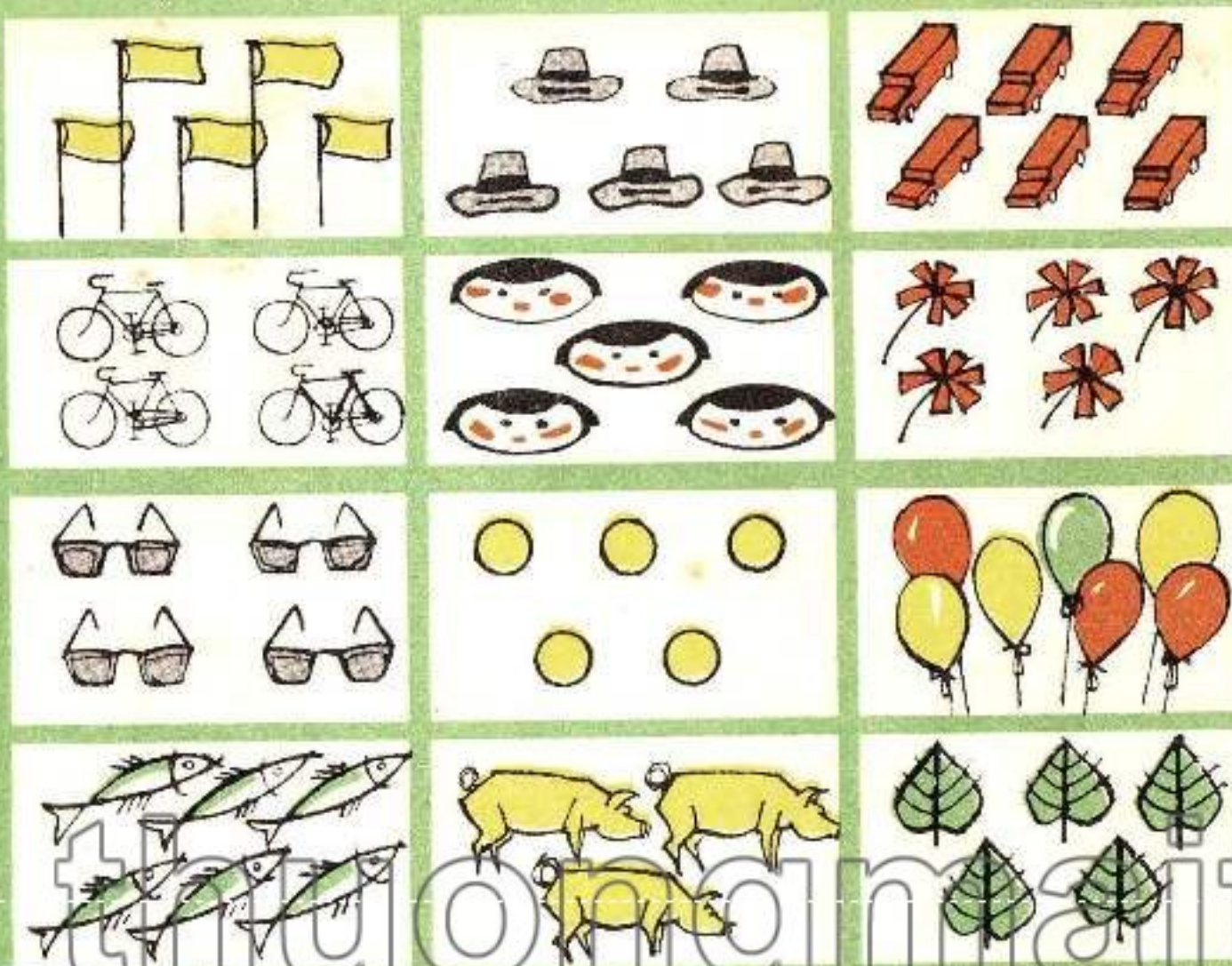
Dạy cách viết số 4.

Ở hàng cuối cùng, học - sinh xem mỗi hình có mấy vật thì ghi số vào ô vuông.

Tô màu : hai con bướm xanh, hai con bướm đỏ ; một trái banh xanh, ba trái banh đỏ.

SỐ 5

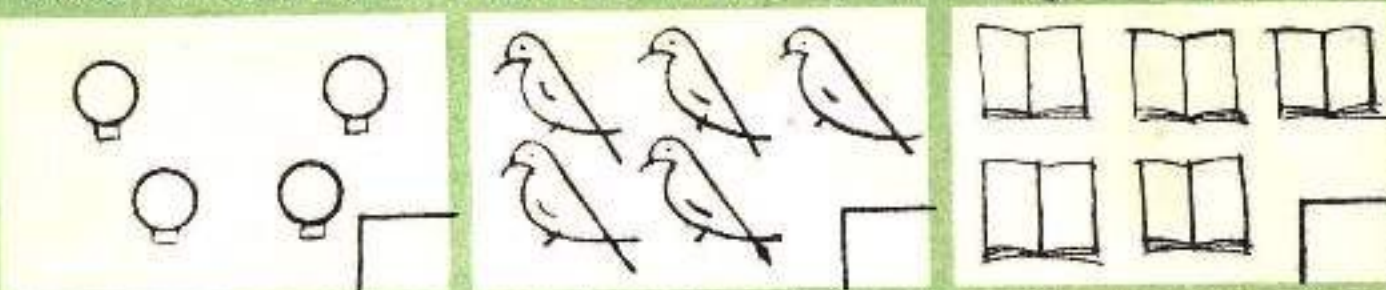
Những hình nào chỉ năm vật ?



Viết số 5 :

5 5 5 5 5 5 5 5 5 5 5

Bao nhiêu ? Viết số vào ô vuông.



PHẦN GIÁO - VIÊN

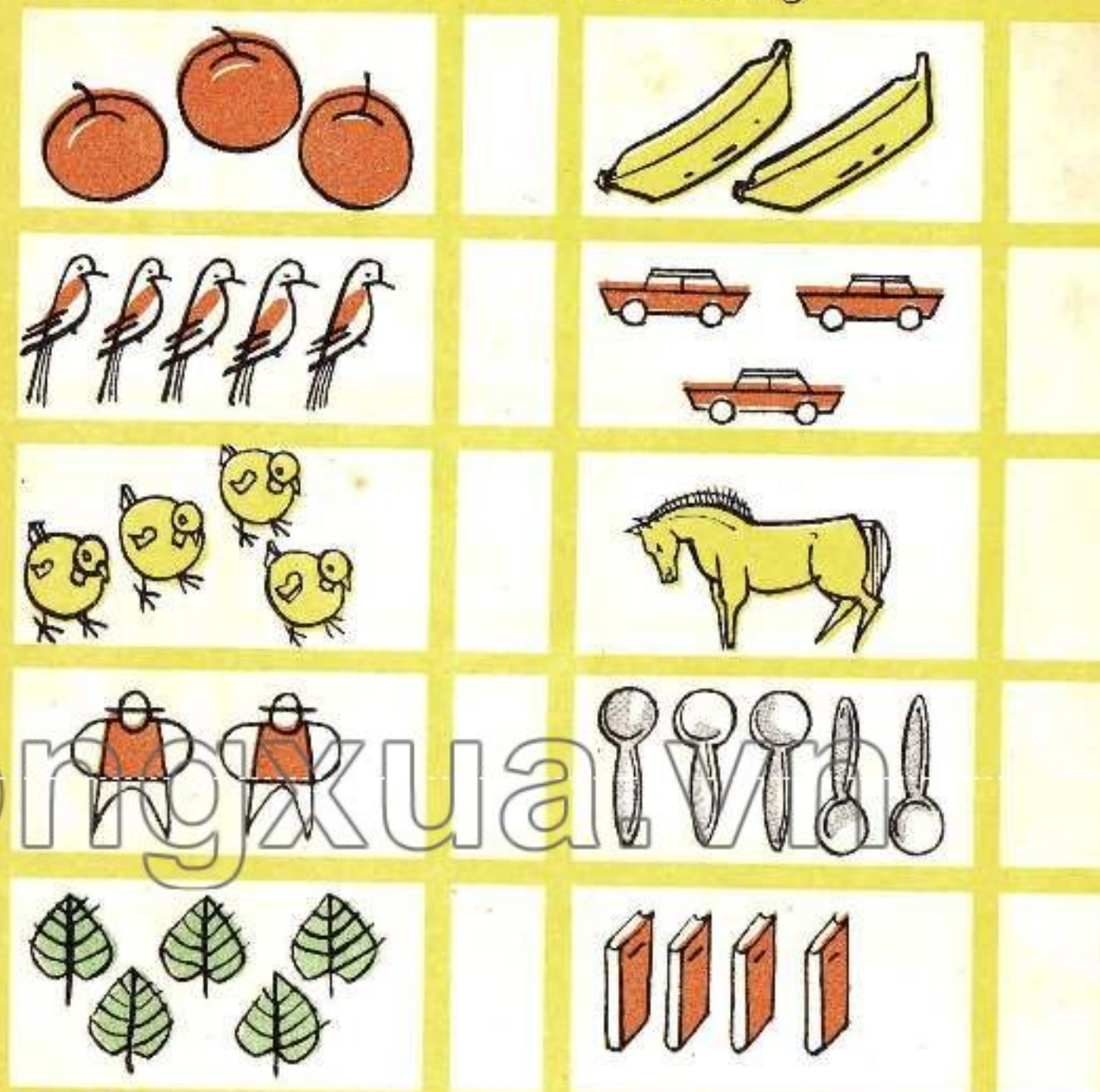
Mục - đích : Ý-niệm về số 5. Tập đọc và tập viết số 5.

Hướng - dẫn : Hướng-dẫn như các bài trên.

Tô mẫu : tô ba quyển sách xanh, hai quyển đỏ ;
tô bốn con chim xanh, một con chim đỏ ;
hai bóng đèn xanh, hai bóng đèn đỏ.

HỌC ÔN

Bao nhiêu ? Viết số vào ô vuông.



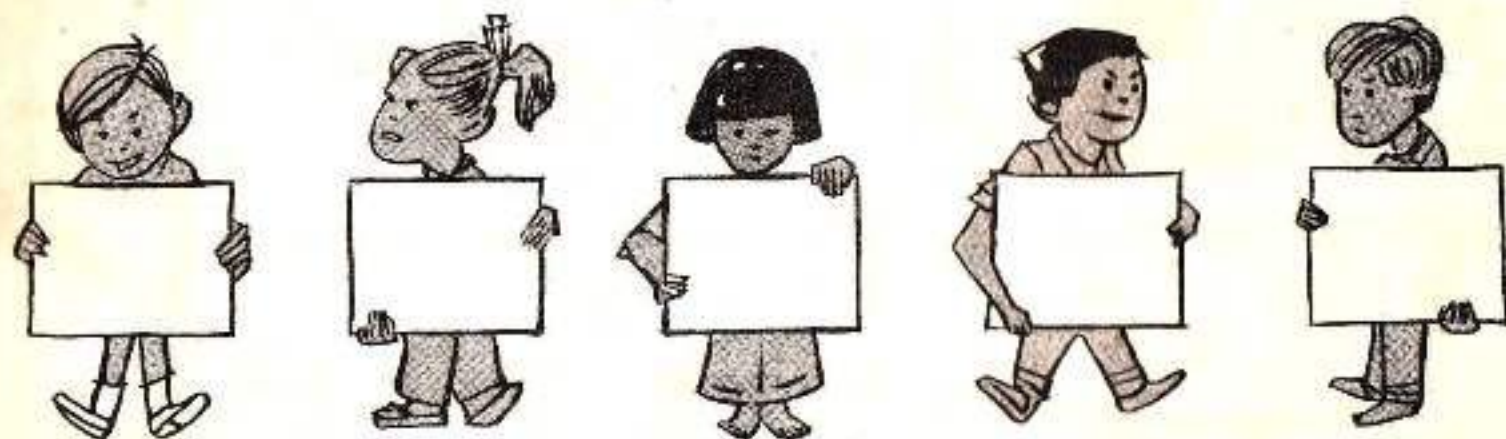
Nối liền người với những trái banh.



Dư mấy trái banh ?

HỌC ÒN

Viết số trên mỗi người từ 1 đến 5



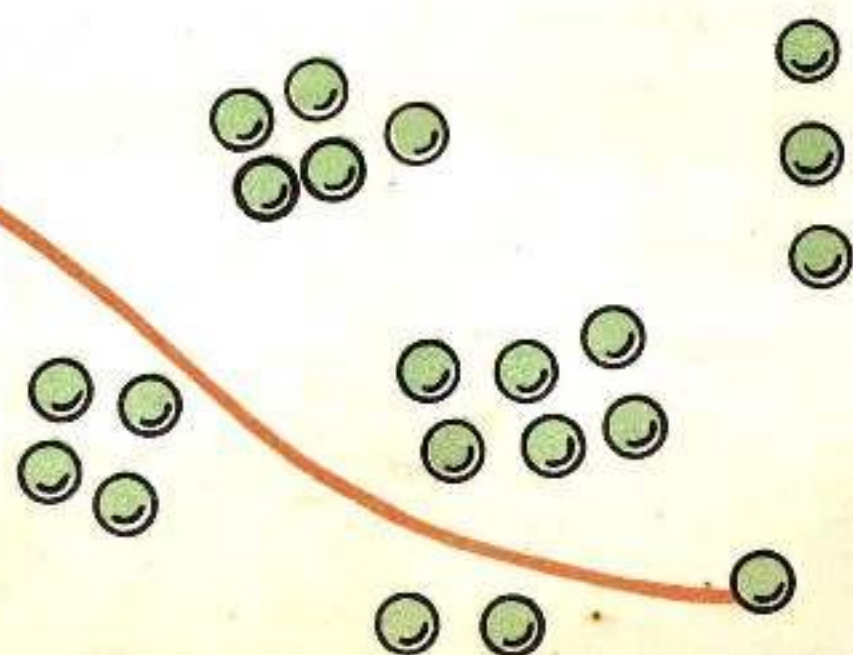
Viết thêm vào khoảng trống :

1			4	
	2	3		5
		3	4	
	2			
			4	

Viết số

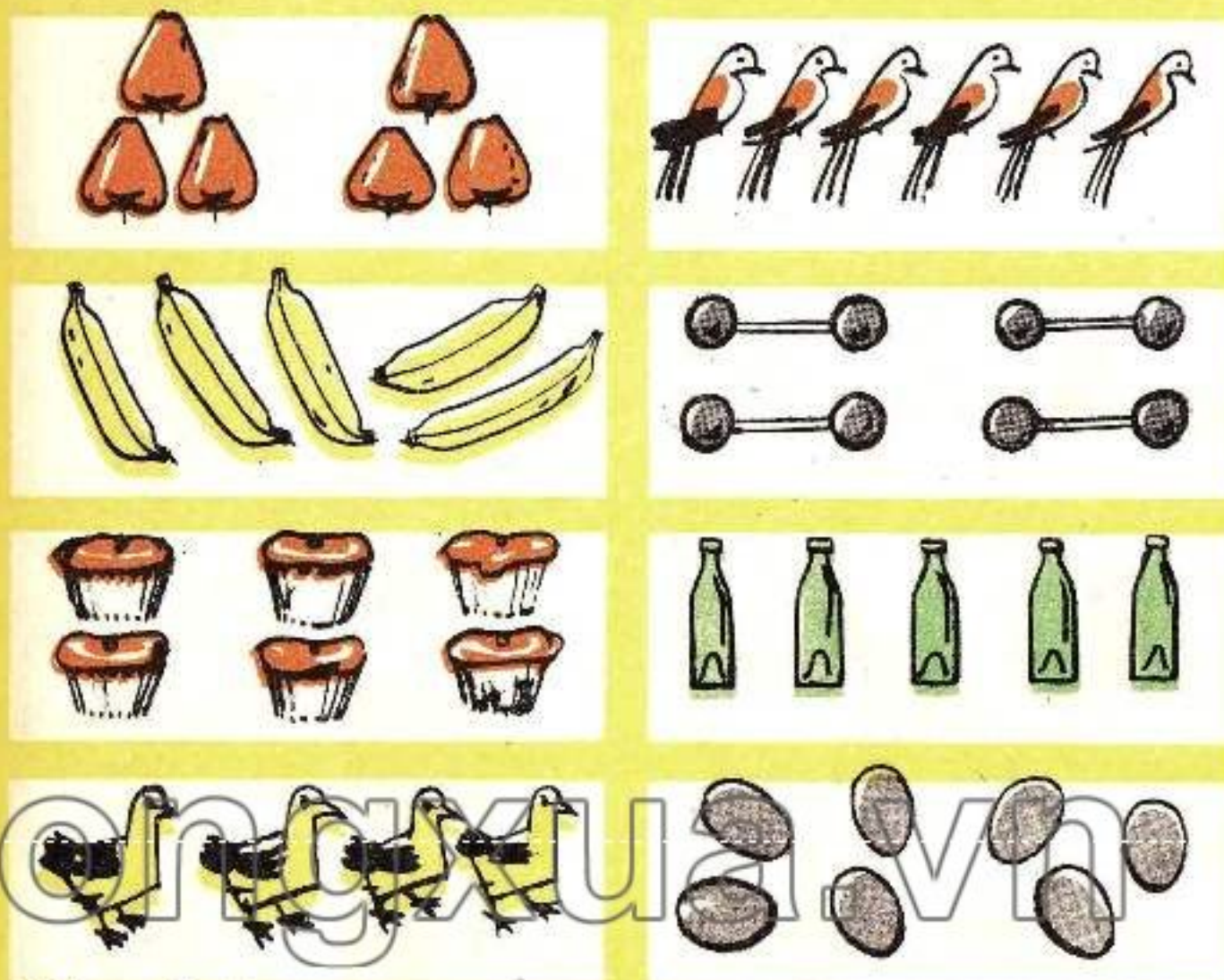
1	
2	
3	
4	
5	

Nối liền số với những nhóm bánh thích hợp.

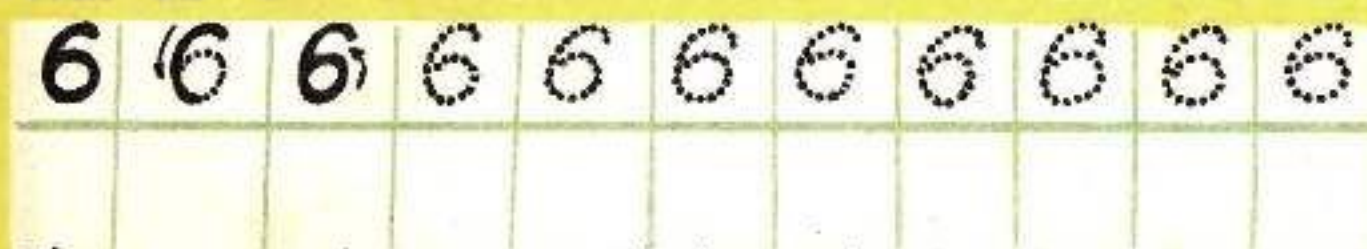


SỐ 6

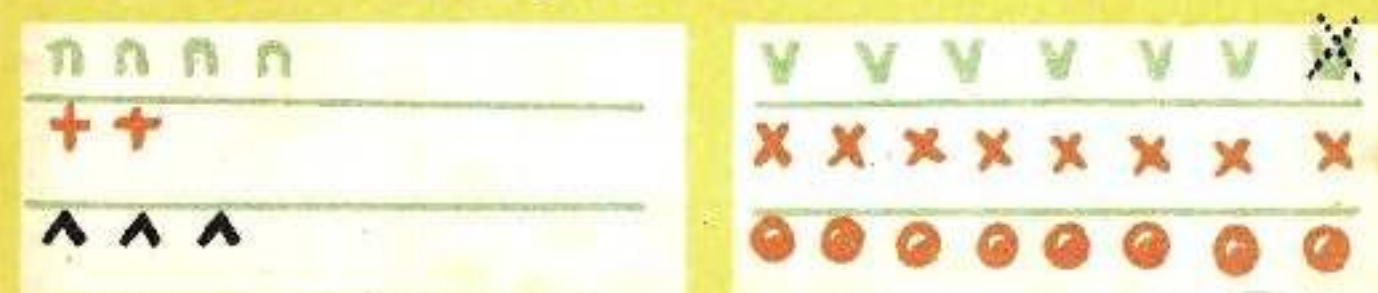
Những hình nào chỉ sáu vật ?



Viết số 6



Thêm vào hoặc gạch bớt đi thành 6.



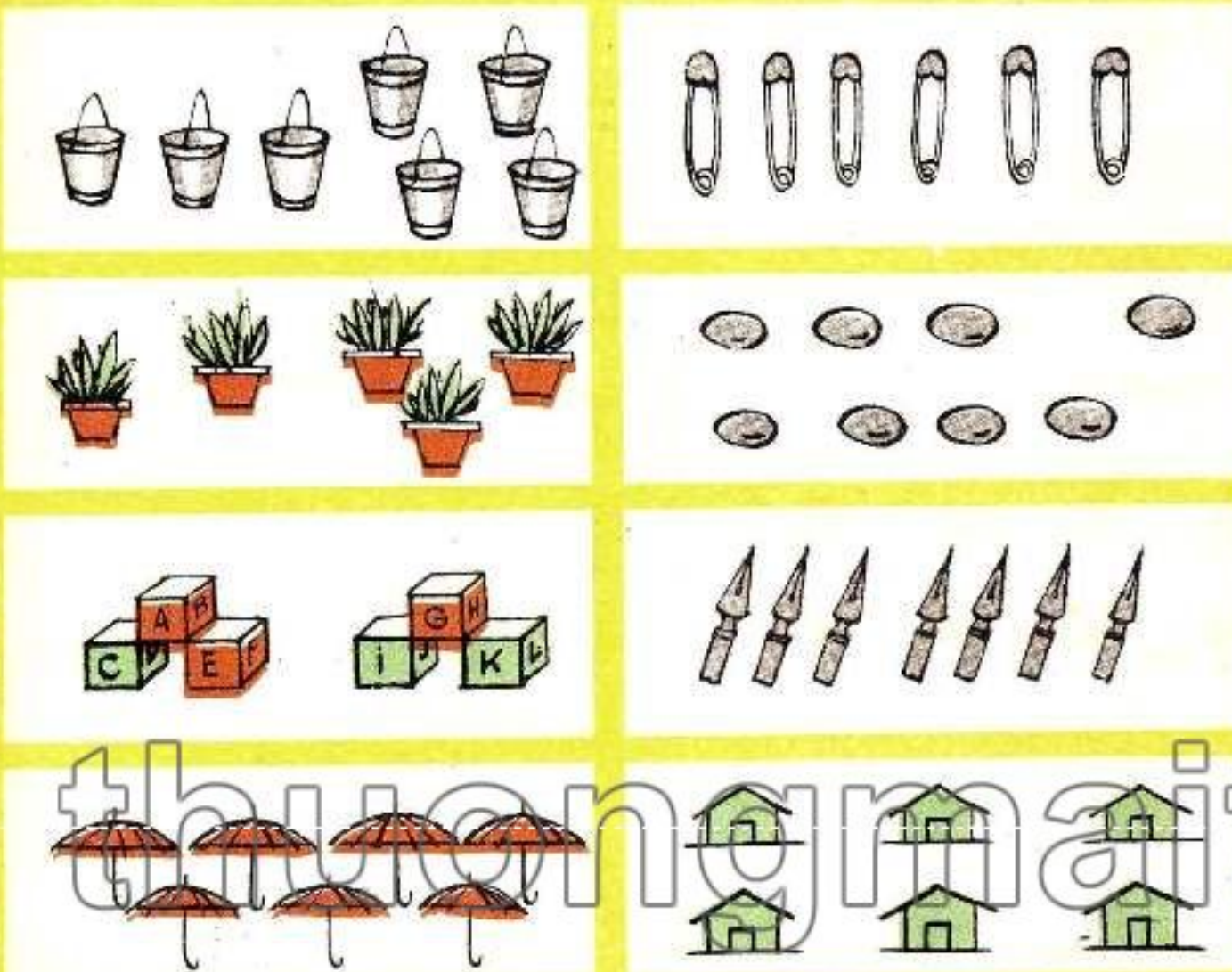
PHẦN GIÁO-VIÊN :

Mục-dích : Ý-niệm về số 6. Tập đọc và viết số 6.
Hướng-dẫn : như bài chương II.

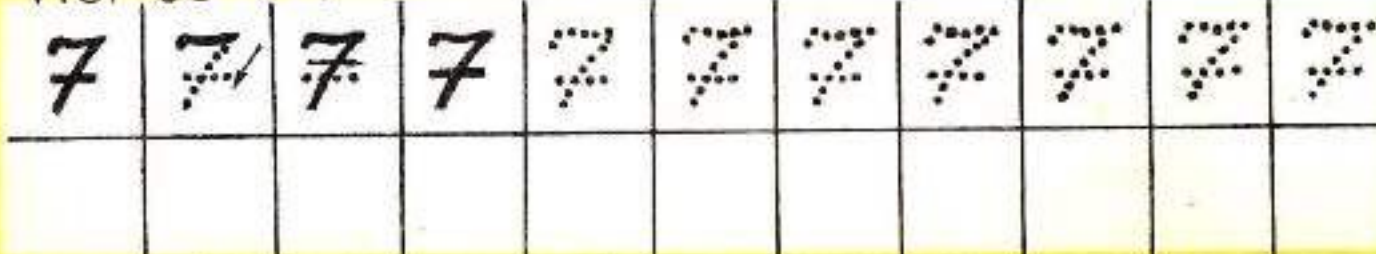


SỐ 7

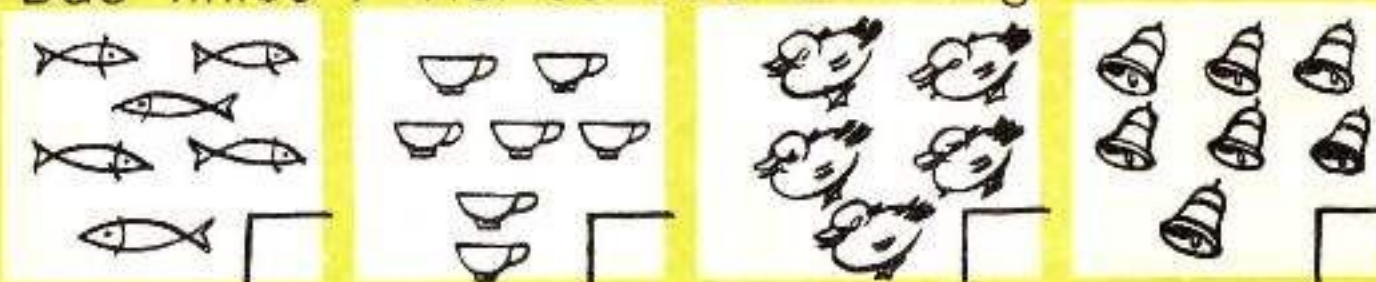
Những hình nào chỉ bảy vật ?



Viết số 7 :



Bao nhiêu ? Viết số vào ô vuông.

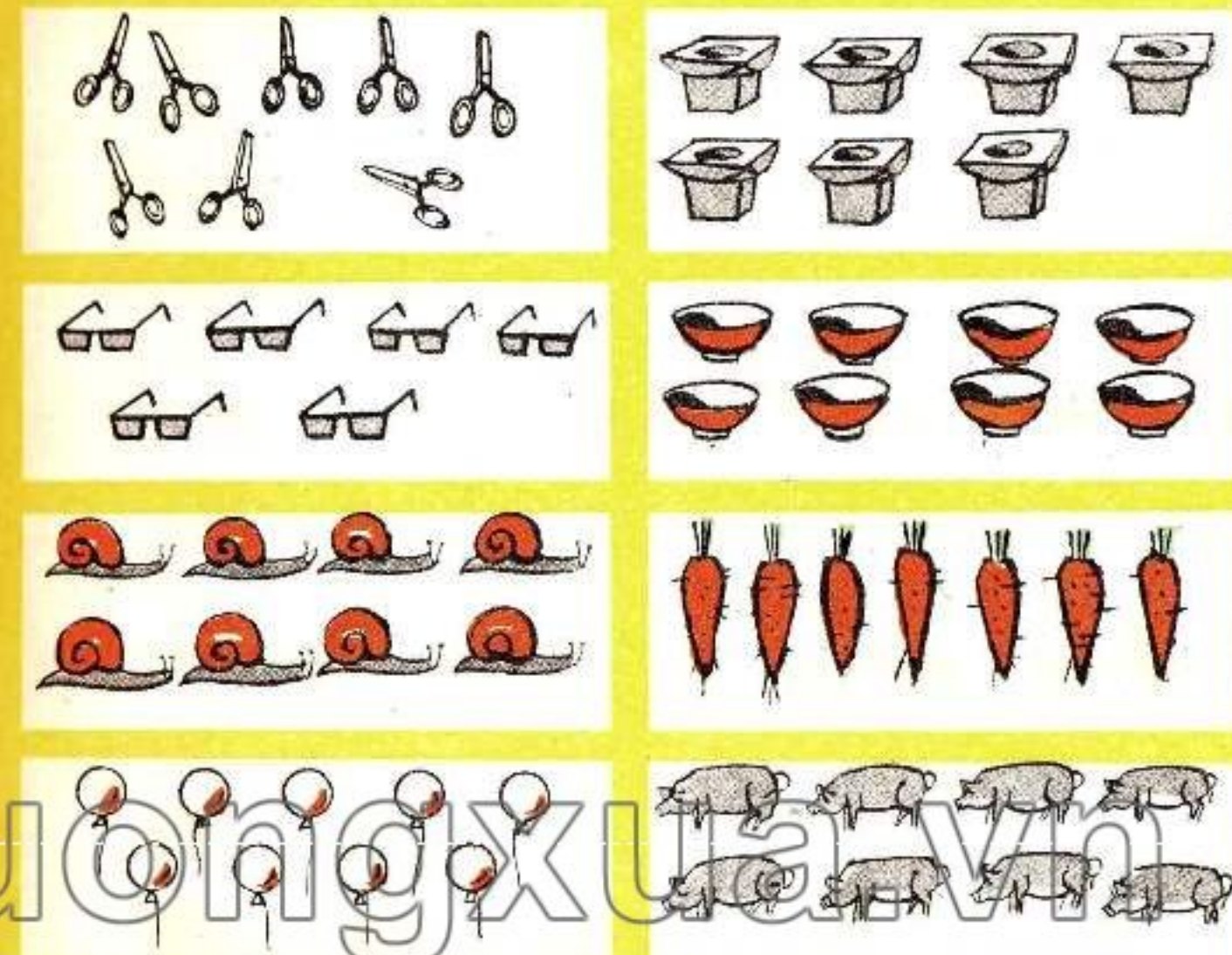


PHẦN GIÁO - VIÊN :

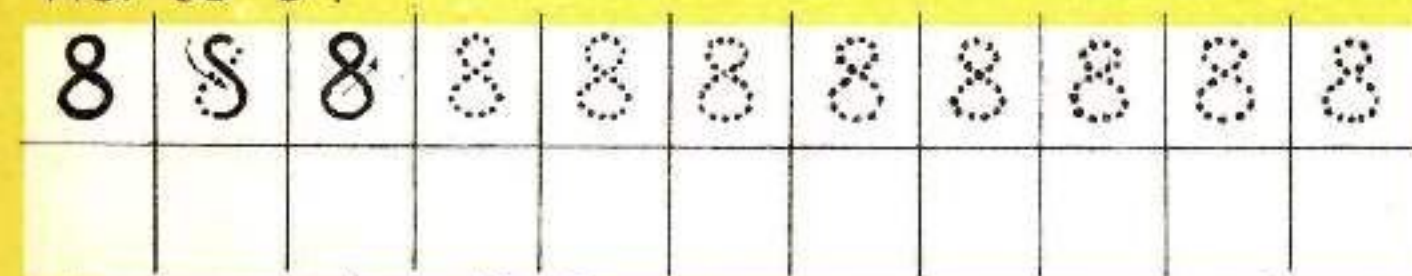
Mục - đích : Ý-niệm về số 7. Tập đọc và viết số 7.
 Hướng - dẫn : như các bài trước.

SỐ 8

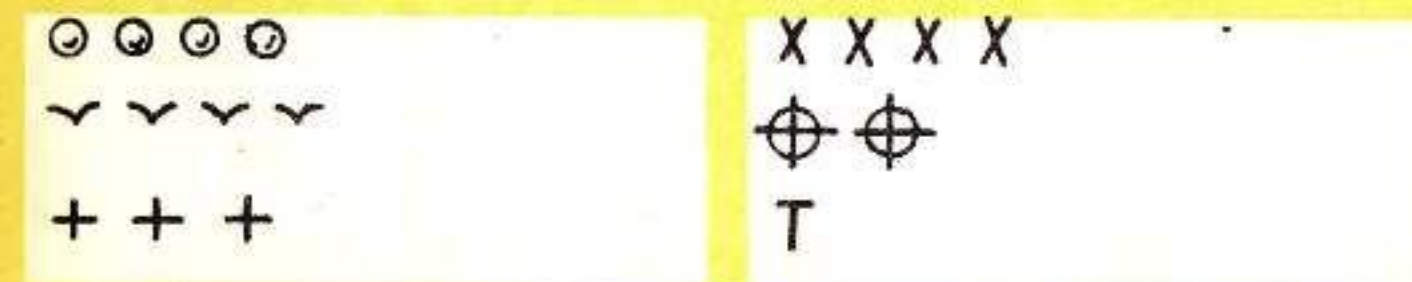
Những hình nào chỉ tám vật ?



Viết số 8 :



Vẽ thêm cho đủ 8.



PHẦN GIÁO - VIÊN :

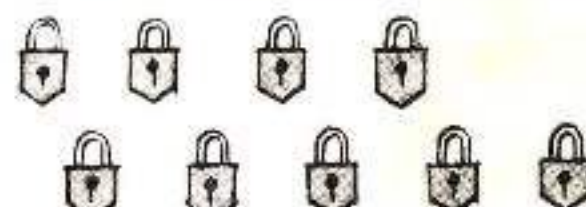
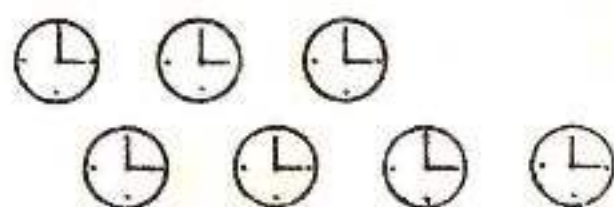
Mục - đích : Ý-niệm về số 8. Tập đọc và viết số 8.

Hướng - dẫn : như các bài trước.

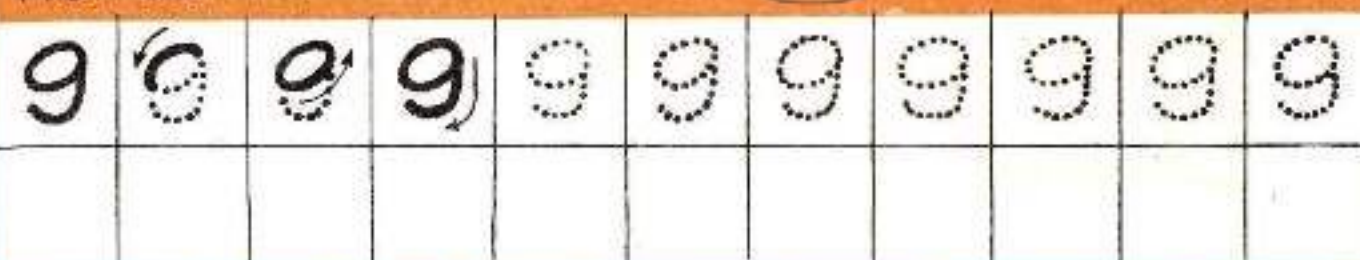
Viết tập những số đã học từ 1 đến 8 vào quyển tập hoặc vào bảng con.

SỐ 9

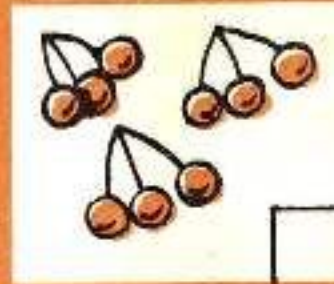
Những hình nào chỉ chín vật ?



Viết số 9 :



Bao nhiêu ? Viết số vào ô vuông.



PHẦN GIÁO - VIÊN

Mục - đích : Ý-niệm về số 9. Tập đọc và viết số 9.

Hướng - dẫn : như các bài trước.

SỐ 0

Dĩa nào không có cam ?



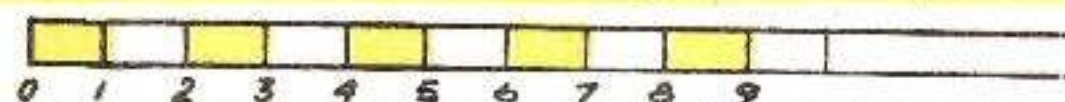
Lồng nào không có gà ?



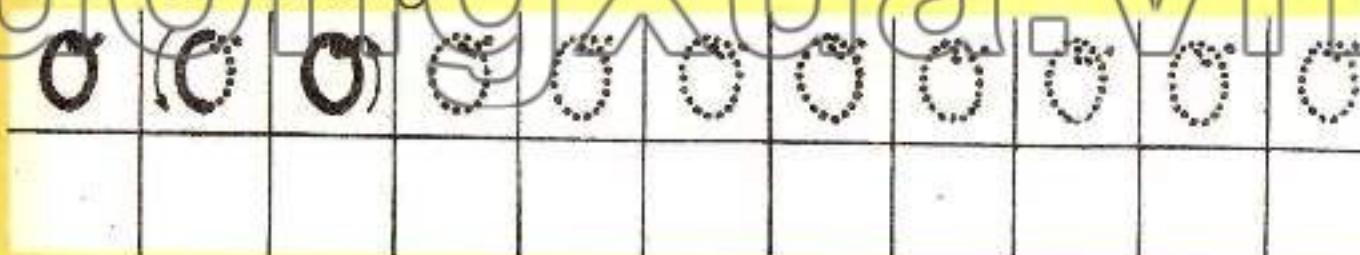
Em nào không có nơ ?



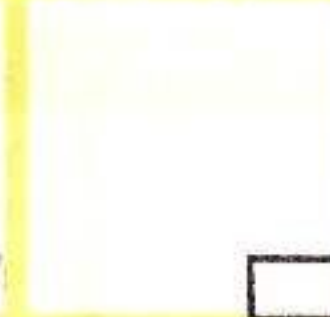
Đây là 1 hàng số. Chỉ từng số và đọc từ số 0 đến 9



Viết số không



Bao nhiêu ? Viết số vào ô vuông.

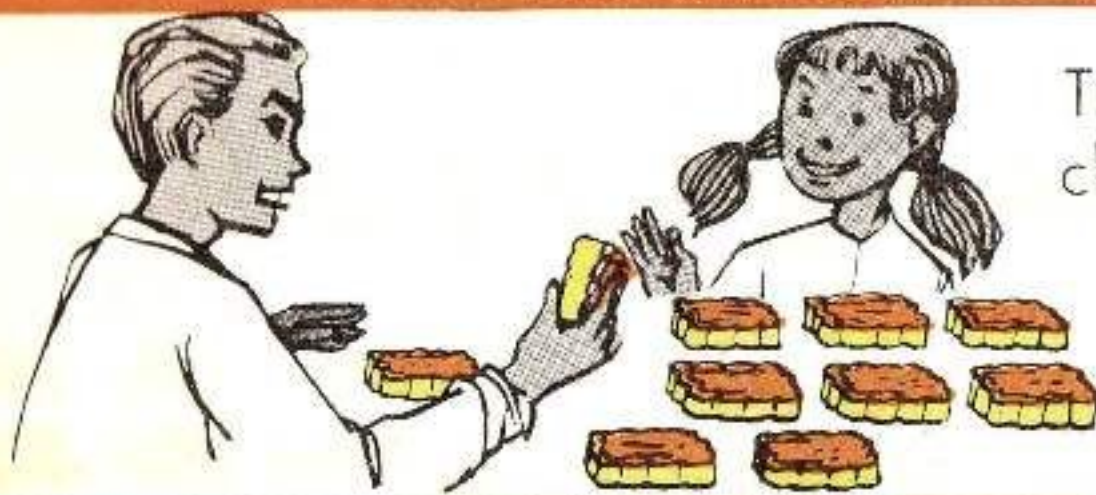


PHẦN GIÁO - VIÊN

Mục - đích : Ý-niệm về số không. Tập đọc và tập viết số không.

Hướng - dẫn :

Thầy có 4 ngôi viết phát cho 5 trò, một em không được ngôi nào. Bảo học sinh nói mỗi em được mấy ngôi viết. Bảo học sinh viết lên bảng số ngôi viết của mỗi em. Bây giờ thầy giảng « số không » dùng để chỉ không có vật nào. Thầy dùng những thí dụ tương tự dạy số 0. Cho học sinh làm 3 bài tập trên. Chép hàng số lên bảng, chỉ từng số, không theo thứ tự, cho học sinh đọc. Cho học sinh làm hết bài tập.



Yến có 8 bánh Trung Thu. Chú Yến cho thêm 2 cái nữa. Yến có tất cả là bao nhiêu?

Có tất cả mấy ngón tay?



Đếm coi có bao nhiêu?



CHỤC	ĐƠN VỊ
1	0



CHỤC	ĐƠN VỊ



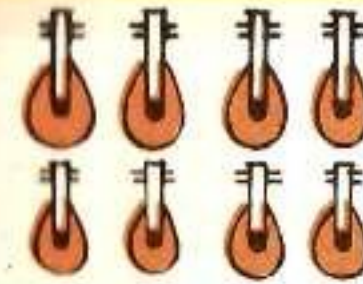
CHỤC	ĐƠN VỊ

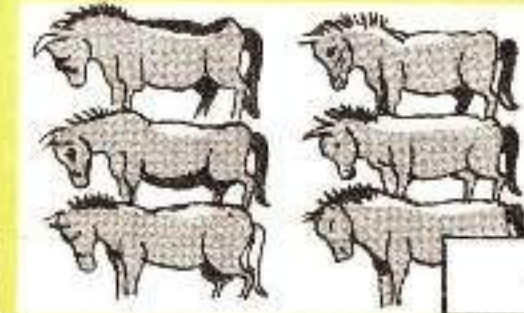
Vẽ thêm cho đủ 10.

										10
										10
										10
										10
										10
										10
										10
										10

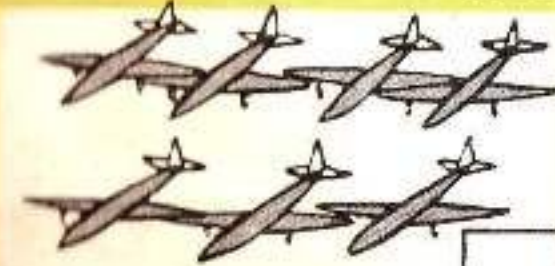
PHẦN GIÁO - VIÊN Xem cách dạy ở các bài trước.

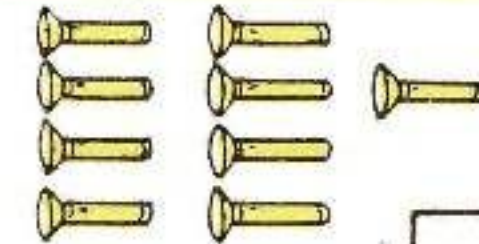
Có bao nhiêu? Viết số vào ô vuông



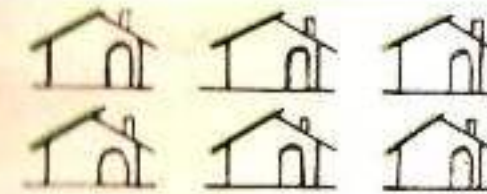


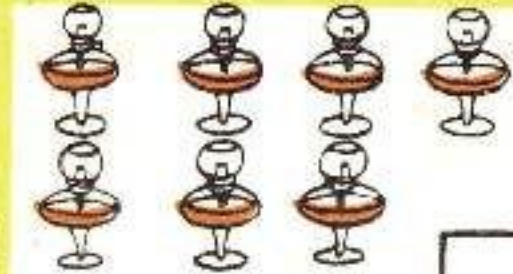


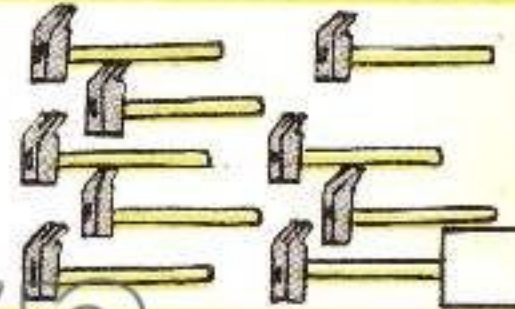


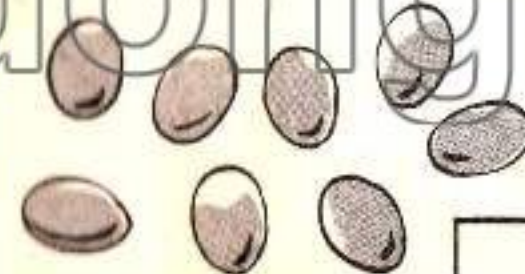


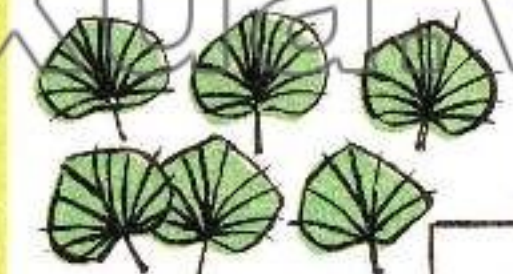
















HỌC ÔN (Tiếp theo)

Theo thứ tự, viết thêm số vào ô trống:

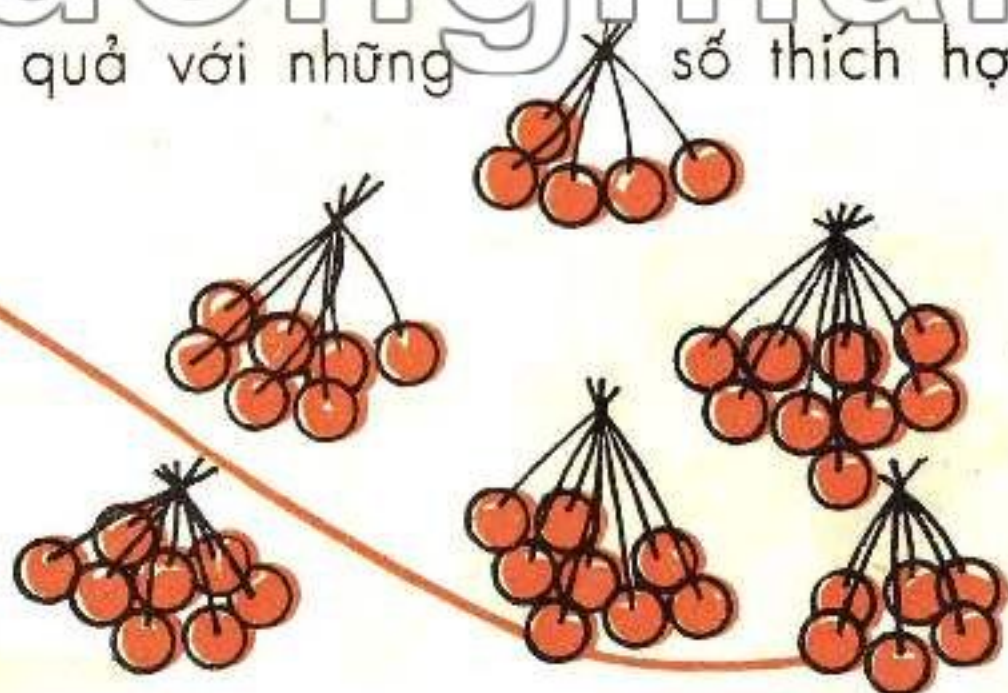
...	2			5		7	
-----	---	--	--	---	--	---	--

Giữa hai số này là số nào ?

1		3	0		2
3		5	2		4
5		7	4		6
7		9	6		8

Nối liền chùm quả với những số thích hợp:

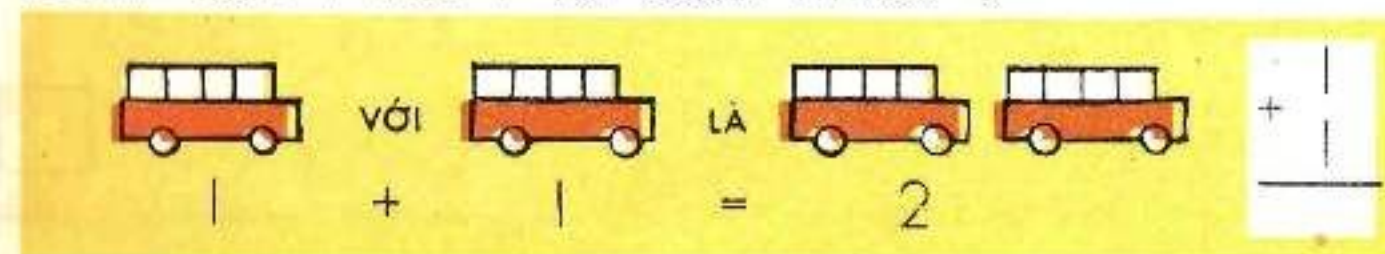
6
8
9
5
7



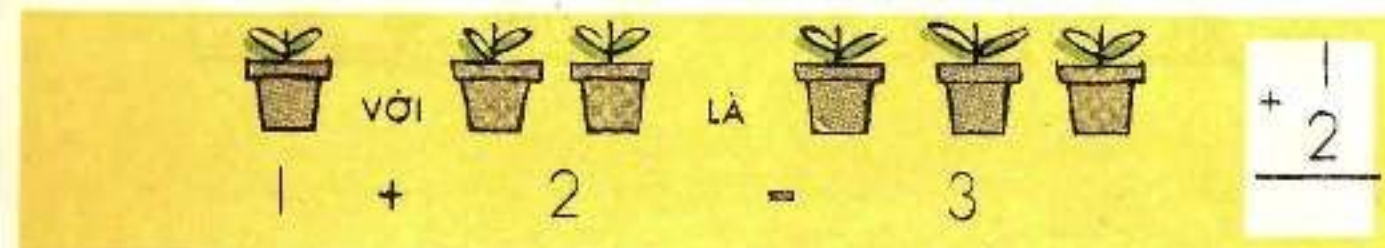
TOÁN CỘNG DỄ

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 2 VÀ 3

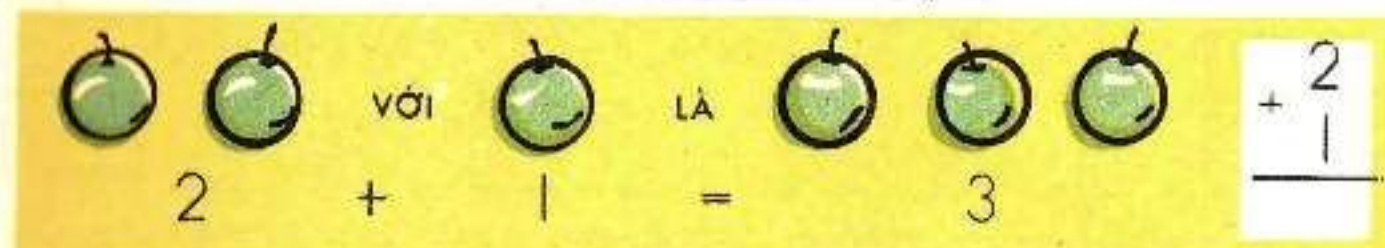
Đếm coi 1 với 1 là bao nhiêu ?



Đếm coi 1 với 2 là bao nhiêu ?



Đếm coi 2 với 1 là bao nhiêu ?



Vẽ thêm vật trong ô vuông để có đủ số.



Viết số vào ô trống:

2 1	3 1	1 1 2	1 1 1
3 1 1	2 1	1 1 1	1 1 1

Cộng

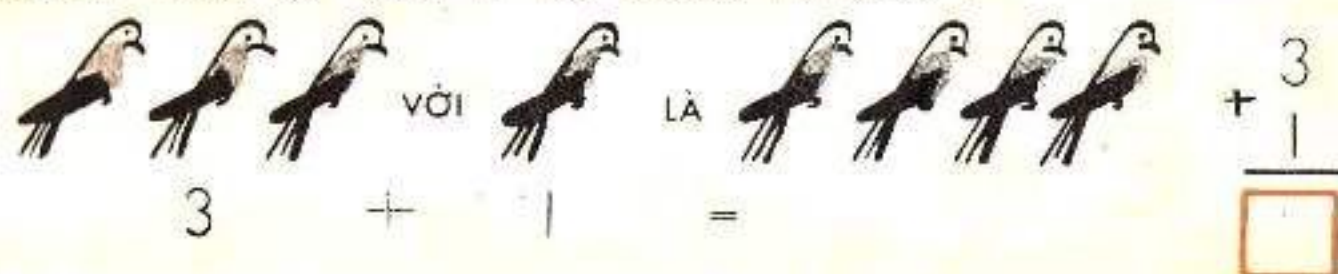
$\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$
---	---	---	---	---	---	---	---	---

PHÂN GIÁO - VIÊN

- 1) Thầy cầm ở mỗi tay một quyển sách. Đoạn gập lại và bảo học trò nói 1 quyển sách với 1 quyển sách là 2 quyển sách hay 1 quyển sách cộng 1 với 1 quyển sách bằng 2 quyển sách.
Cho học trò lặp lại thí dụ này trong lớp.
- 2) Bảo học trò làm toán cộng theo chiều ngang và chiều dọc.
- 3) Đếm coi trong hình 1 vật với 1 vật là bao nhiêu ?
- 4) Áp dụng phương-pháp dạy trên cho các bài tính 1 + 2 và 2 + 1.
- 5) Trong bài tập, vẽ thêm hình cho đủ số và thêm số vào các ô vuông cho đúng.

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 4

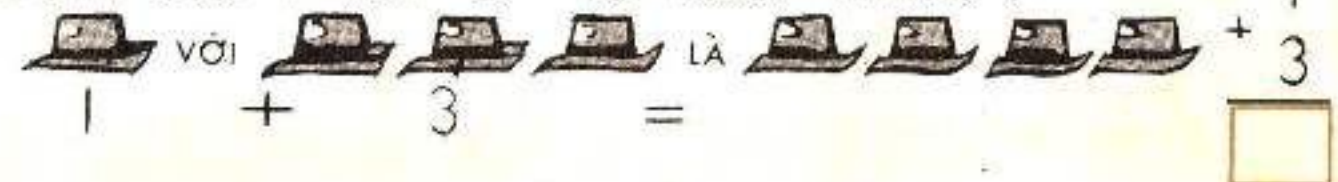
Đếm coi 3 với 1 là bao nhiêu ?



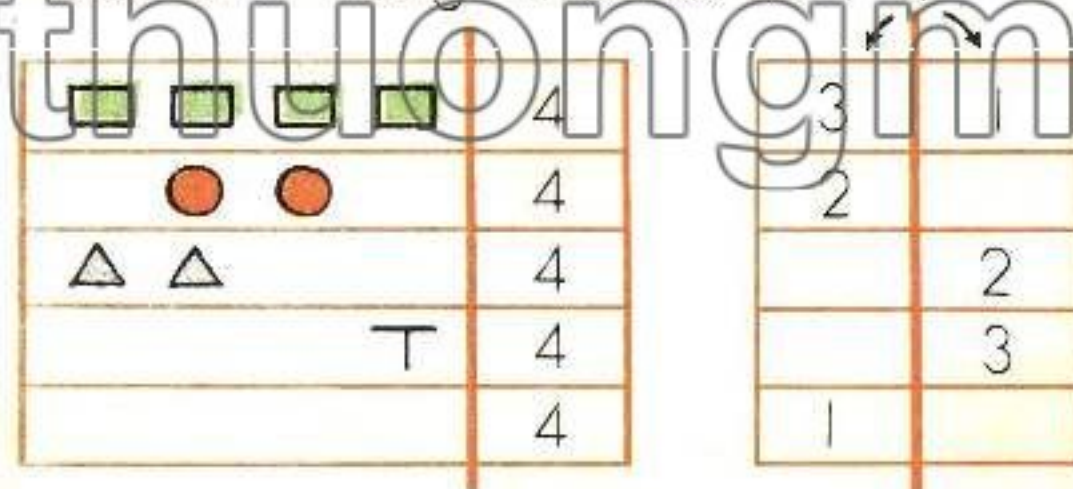
Đếm coi 2 với 2 là bao nhiêu ?



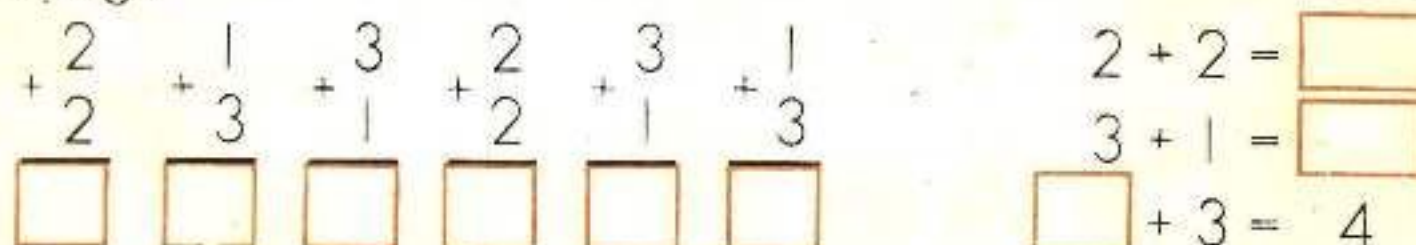
Đếm coi 1 với 3 là bao nhiêu ?



Thêm vào chỗ trống cho đủ số : 4



Cộng:



PHẦN GIÁO - VIÊN

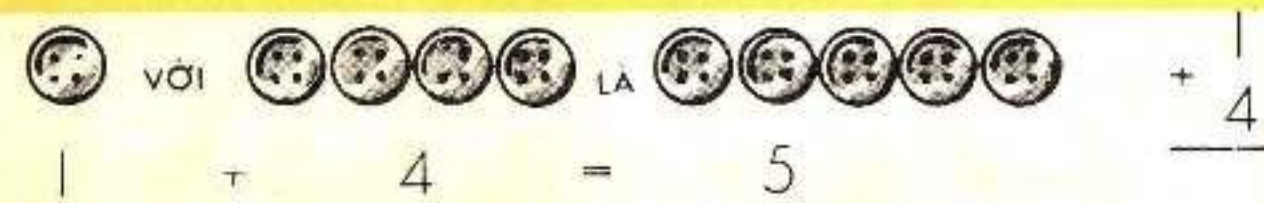
- 1) Cho một trò cầm 3 tập vở và một trò khác cầm 1 tập vở. Nhập số vở của 2 trò lại và bảo chúng nói 3 tập vở với 1 tập vở là 4 tập vở hay 3 tập vở cộng (+) với 1 tập vở bằng (=) 4 tập vở.
Lập lại thí-dụ này với vài vật khác ở trong lớp.
- 2) Cho học trò : làm toán cộng theo chiều ngang và chiều dọc.
- 3) Theo hình trong 3 bài tập đầu đếm coi 3 với 1, 2 với 2, 1 với 3 là bao nhiêu ?
- 4) Trong bài tập 4, vẽ thêm hình và thêm số vào các ô vuông cho đúng.

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 5

Đếm coi 4 với 1 là bao nhiêu ?



Đếm coi 1 với 4 là bao nhiêu ?



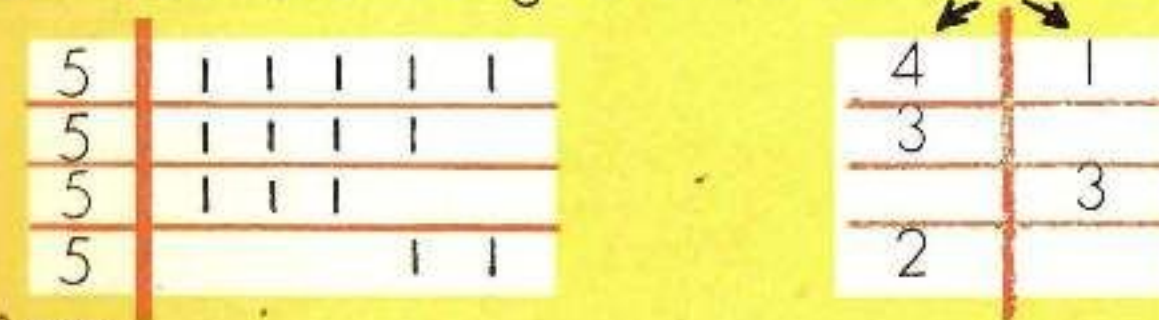
Đếm coi 2 với 3 là bao nhiêu ?



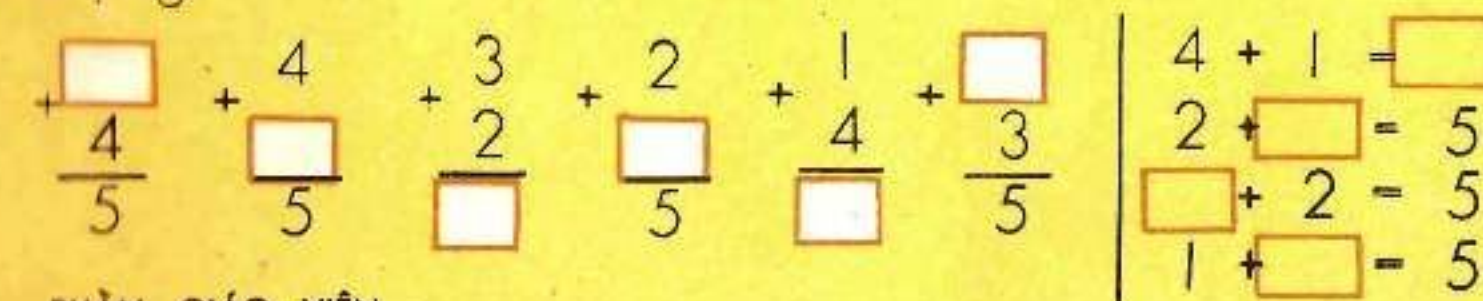
Đếm coi 3 với 2 là bao nhiêu ?



Thêm vào chỗ trống cho đủ số : 5



Cộng:



PHẦN GIÁO - VIÊN

- 1) Thầy đề trên bàn viết 1 bên 4 cái nón và 1 bên 1 cái nón. Gộp số nón 2 bên lại rồi bảo học trò nói 4 cái nón với 1 cái nón là 5 cái nón hay 4 cái nón cộng với 1 cái nón bằng 5 cái nón.
Cho học trò lập lại thí-dụ này với các vật khác.
- 2) Theo hình trong 4 bài tập đầu, đếm coi 4 với 1, 1 với 4, 2 với 3, 3 với 2 là bao nhiêu ?
- 3) Trong bài tập 5 vẽ thêm hình và viết thêm số vào các ô trống cho đúng.

HỌC ÒN

Có bao nhiêu trái banh màu xanh?

Có bao nhiêu trái banh màu cam?

Có bao nhiêu trái banh tất cả?



Có bao nhiêu người đội nón?

Có bao nhiêu người không đội nón?

Có bao nhiêu người tất cả?

Vẽ thêm vào khoảng trống cho đủ số:

	2		3	3	
1	2	1	3	3	
			3	3	
			3	3	

	4	5	5	1	1	1
	4	5	5	1	1	1
	4	5	5	1	1	1
	4	5	5	1	1	1

Viết thêm số vào ô trống cho đúng:

$1 + \square = 2$	$1 + 2 = \square$	$\square + 2 = 5$	$4 + \square = 5$	$\square + 2 = 3$
$1 + \square = 5$	$2 + \square = 4$	$1 + 4 = \square$	$\square + 3 = 5$	$1 + \square = 5$

Cộng:

$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 6

Đếm hình dưới đây và nói bao nhiêu?

		$1 + 5 = \square$
		$2 + 4 = \square$
		$3 + 3 = \square$
		$4 + 2 = \square$
		$5 + 1 = \square$



Có bao nhiêu viết chì màu cam?

Có bao nhiêu viết chì màu xanh?

Có bao nhiêu viết chì tất cả?

Vẽ thêm cho đủ số. Viết số vào ô trống:

1	1	1	1	1	6	$5 + \square = 6$
					6	$\square + 3 = 6$
					6	$\square + 4 = 6$
$+$	$+$	$+$	$+$	$+$	6	$\square + 5 = 6$
					6	$\square + 4 = 6$

Viết số vào ô trống:

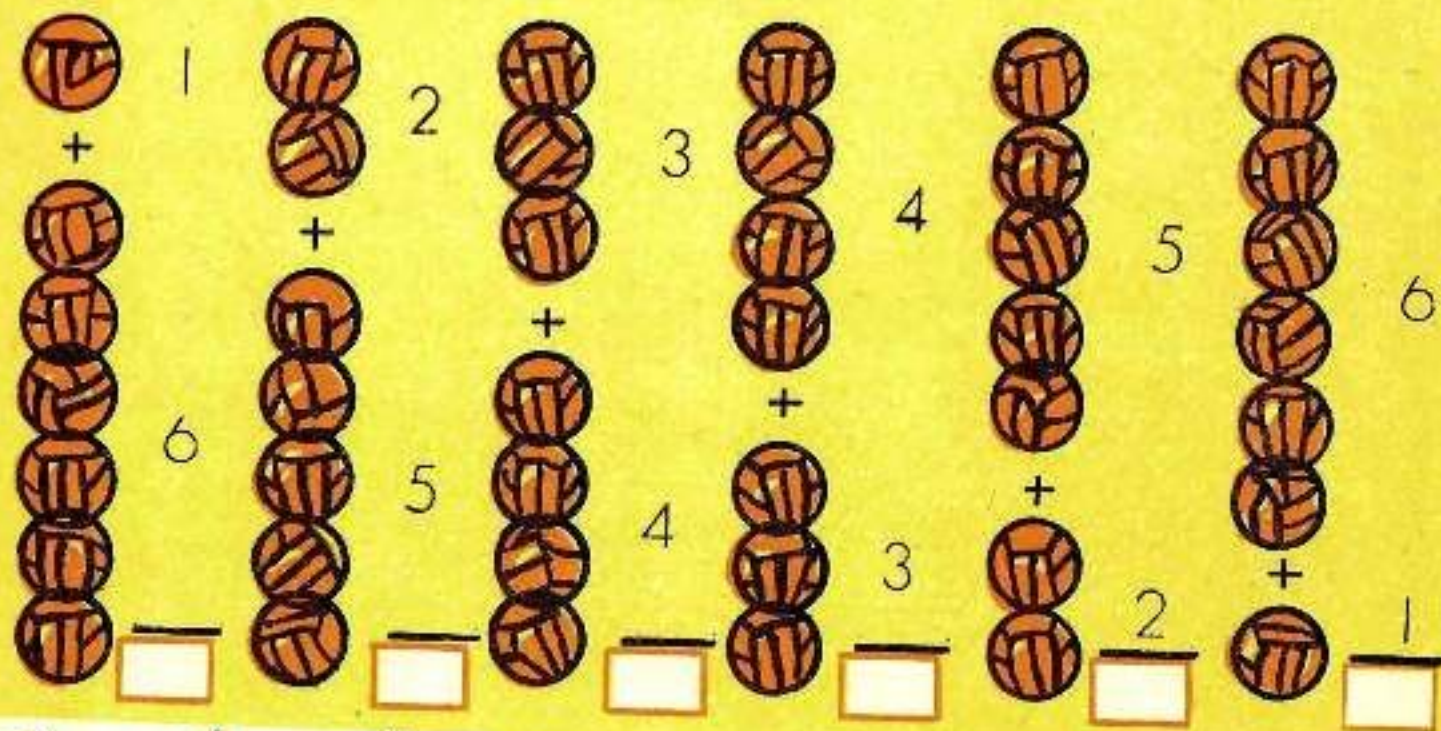
$\frac{5}{\square}$	$\frac{\square}{4}$	$\frac{3}{3}$	$\frac{4}{2}$	$\frac{\square}{5}$	$\frac{5}{1}$	$\frac{2}{\square}$	$\frac{\square}{2}$	$\frac{1}{\square}$	$\frac{3}{\square}$
6	6	$\square$	$\square$	6	$\square$	6	6	6	6

PHẦN GIÁO - VIÊN

- Thầy đề trên bàn 6 vật cùng một loại. Bảo học trò phân các vật đó làm 2 nhóm. Đếm số vật của mỗi nhóm. Gộp 2 nhóm lại, cho học trò đếm và đặt toán cộng trên bảng đen. Tìm xem có bao nhiêu cách chia 6 vật thành 2 nhóm.
- Bảo học trò đặt toán cộng theo chiều ngang và chiều dọc.
- Cho học-sinh làm các bài toán trên.

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 7

Đếm hình dưới đây và nói bao nhiêu ?



Có bao nhiêu ngôi sao màu cam ?

Có bao nhiêu ngôi sao màu xanh ?

Có tất cả bao nhiêu ngôi sao ?

Có bao nhiêu học trò gái ?

Có bao nhiêu học trò trai ?

Có tất cả bao nhiêu học trò ?

Viết thêm số vào ô trống :

$$\begin{array}{r} \square + 4 = 7 \\ 1 + \square = 7 \\ 5 + 2 = \square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 + 6 = \square \\ 3 + \square = 7 \\ \square + 5 = 7 \end{array}$$

Cộng:

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

HỌC ÔN : CÁC TOÁN CỘNG DỄ

Cộng :

$$\begin{array}{llll} 1 + 1 = \square & 2 + 1 = \square & 1 + 4 = \square & 3 + 1 = \square \\ 2 + 2 = \square & 3 + 3 = \square & 4 + 1 = \square & 3 + 2 = \square \\ 4 + 3 = \square & 1 + 3 = \square & 5 + 1 = \square & 3 + 3 = \square \\ 4 + 2 = \square & 2 + 1 = \square & 2 + 4 = \square & 2 + 5 = \square \\ 6 + 1 = \square & 4 + 2 = \square & 4 + 3 = \square & 3 + 3 = \square \\ 2 + 5 = \square & 1 + 4 = \square & 6 + 1 = \square & 4 + 2 = \square \end{array}$$

Cộng:

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 8



Có bao nhiêu con vịt
vàng?
Có bao nhiêu con vịt
xanh?
Có bao nhiêu con vịt
tất cả?

Có bao nhiêu trái banh màu cam?
Có bao nhiêu trái banh màu xanh?
Có bao nhiêu trái banh tất cả?



Đếm số tách của mỗi nhóm



Viết số vào ô vuông.

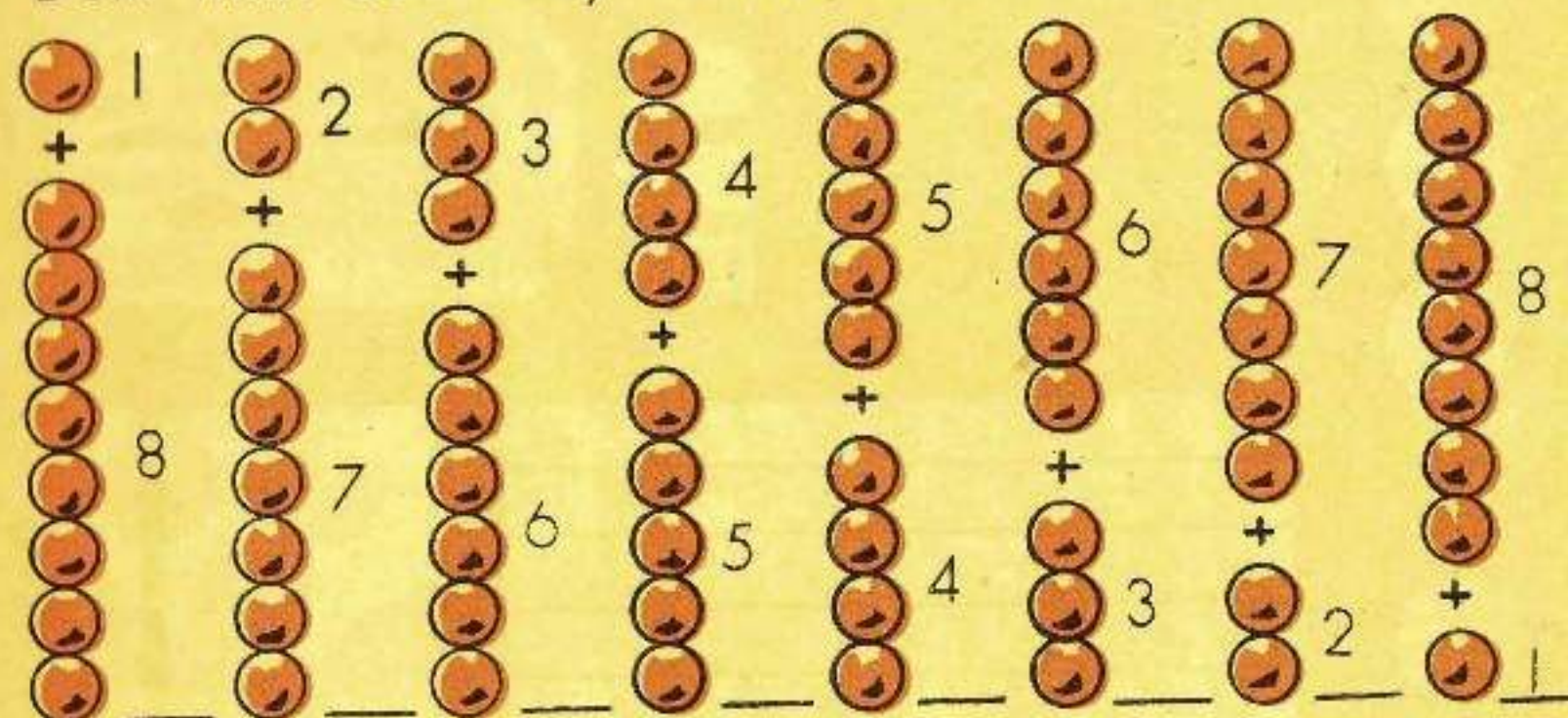
$8 = 4 + \square$	$8 = \square + 3$
$8 = 2 + \square$	$8 = 7 + \square$
$8 = \square + 5$	$\square = 4 + 4$
$\square = 6 + 2$	$8 = \square + 7$

Cộng :

$\begin{array}{r} 1 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 9

Đếm hình dưới đây và nói bao nhiêu ?



Có mấy con cá màu xanh?
Có mấy con cá màu cam?
Có mấy con cá tất cả?

Viết số vào ô trống :

$\square + 4 = 9$	$\square + 5 = 9$
$\square + 6 = 9$	$8 + \square = 9$
$3 + \square = 9$	$\square + 7 = 9$
$2 + \square = 9$	$1 + \square = 9$

Cộng :

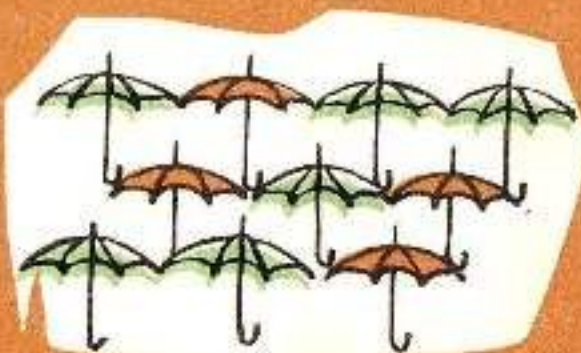
$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 3 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 10

Có bao nhiêu dù màu xanh ?

Có bao nhiêu dù màu cam ?

Có bao nhiêu dù tất cả ?



Viết số vào ô vuông.



9	+		=
	+	2	=
7	+		=
	+	4	=
5	+		=
	+	6	=
3	+		=
	+	8	=

Cộng :

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

PHẦN GIÁO - VIÊN

Cách dạy tương-tự như ở bài 5 chương III.

Dùng các vật thật để dạy, xong đếm hình vẽ trong sách; sau rồi cho học-sinh làm bài tập.

HỌC ÒN

CÁC TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 8, 9 VÀ 10

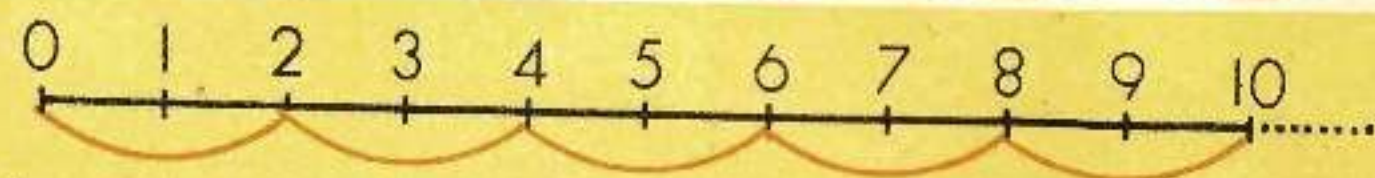
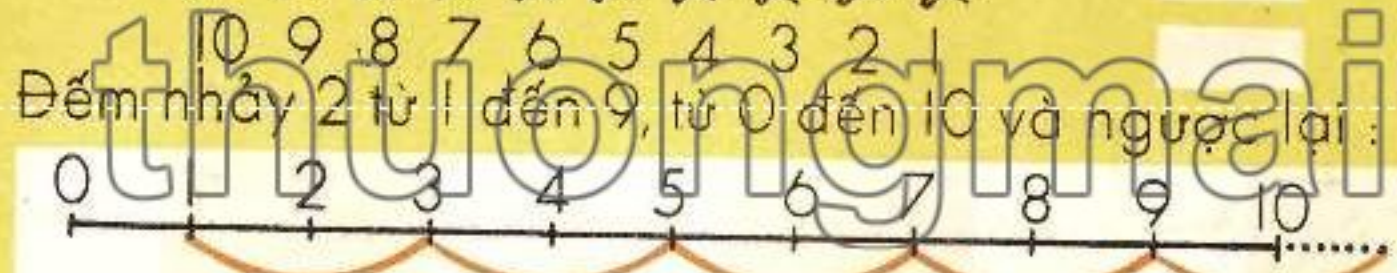
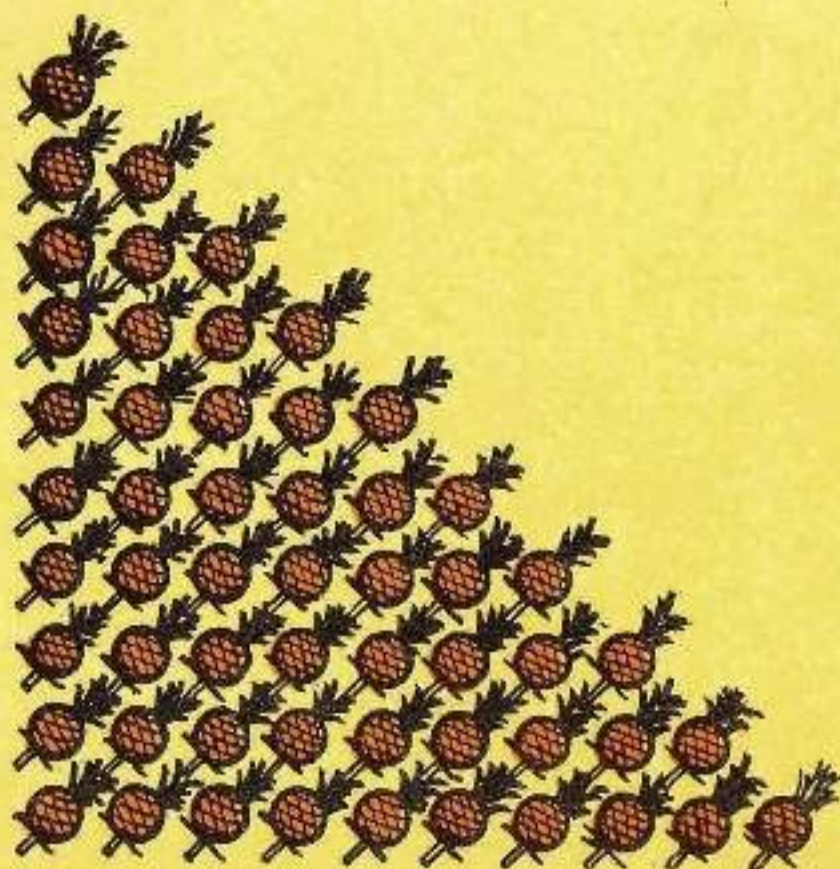
Cộng :

1 + 7 =	8 + 1 =	6 + 2 =
8 + 2 =	5 + 4 =	4 + 5 =
6 + 3 =	7 + 3 =	2 + 8 =
4 + 4 =	2 + 6 =	1 + 9 =
2 + 7 =	3 + 5 =	7 + 1 =
6 + 4 =	7 + 2 =	5 + 5 =
9 + 1 =	4 + 6 =	1 + 8 =
5 + 3 =	3 + 7 =	5 + 4 =

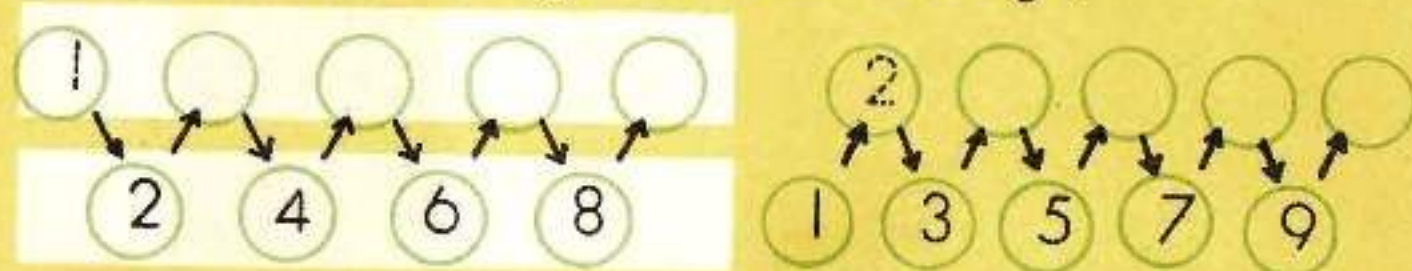
$\begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 3 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 1 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$

ĐẾM NHẢY 2

Đếm ngang những trái thơm.



Thêm số vào vòng tròn cho đúng:



PHẦN GIÁO - VIÊN

Mục - đích :

Đề trẻ em có ý thức về toán trừ, giáo-viên cho đếm từ 1 đến 10 và đếm ngược từ 10 trở lại 1 (bớt 1 mỗi lần) bằng những vật như hạt đậu, sỏi, hòn bi v.v... Cho đếm nhảy 2 theo hàng số từ 0 đến 10 (0, 2, 4, 6, 8, 10) và từ 1 đến 9 (1, 3, 5, 7, 9) và ngược lại.

SỐ TỪ 10 ĐẾN 30

Đếm từ số 10 đến 20

Đếm từ số 20 đến 30

10	0	...	10 + 1	:	10	10	0	...	20 + 1	:
10	00	...	10 + 2	:	10	10	00	...	20 + 2	:
10	000	...	10 + 3	:	10	10	000	...	20 + 3	:
10	0000	...	10 + 4	:	10	10	0000	...	20 + 4	:
10	00000	...	10 + 5	:	10	10	00000	...	20 + 5	:
10	000000	...	10 + 6	:	10	10	000000	...	20 + 6	:
10	0000000	...	10 + 7	:	10	10	0000000	...	20 + 7	:
10	00000000	...	10 + 8	:	10	10	00000000	...	20 + 8	:
10	000000000	...	10 + 9	:	10	10	000000000	...	20 + 9	:
10	0000000000	...	10 + 10	:	10	10	0000000000	...	20 + 10	:

Gạch đường kẻ để xem có mấy chục và mấy đơn-vị?

chục	đơn-vị	chục	đơn-vị	chục	đơn-vị
16	4	18	8	15	5
12	2	17	7	19	9
14	4	21	1	27	7

Có mấy chục và mấy đơn-vị? Viết số.

chục	đơn-vị	chục	đơn-vị	chục	đơn-vị
13	3	22	2	29	9
10	0	26	6	30	0
25	5	28	8	24	4

PHẦN GIÁO - VIÊN

Mục - đích : Cho trẻ có ý niệm về đơn-vị và chục.

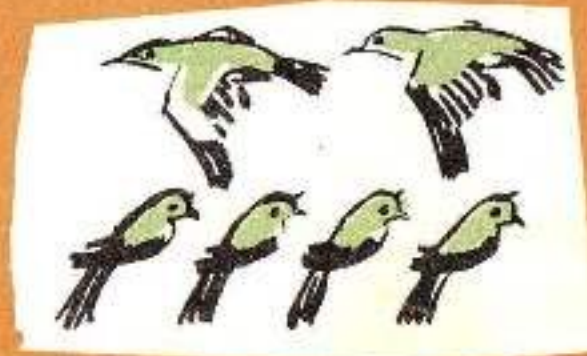
Chỉ cho học-sinh biết số 11 là 1 chục và 1 đơn-vị v.v...

TOÁN TRỪ DỄ Ý-NIỆM VỀ LẤY BỚT RA

Có tất cả bao nhiêu con chim ?

Bay đi hết mấy con ?

Còn lại bao nhiêu ?



Có tất cả bao nhiêu trái banh ?

Lấy ra bao nhiêu ?

Còn lại bao nhiêu ?



Có tất cả bao nhiêu tàu thủy ?

Bao nhiêu chiếc chạy đi ?

Còn lại bao nhiêu ?

Có tất cả bao nhiêu chai ?

Bao nhiêu chai bể ?

Còn lại bao nhiêu ?



PHẦN GIÁO - VIÊN :

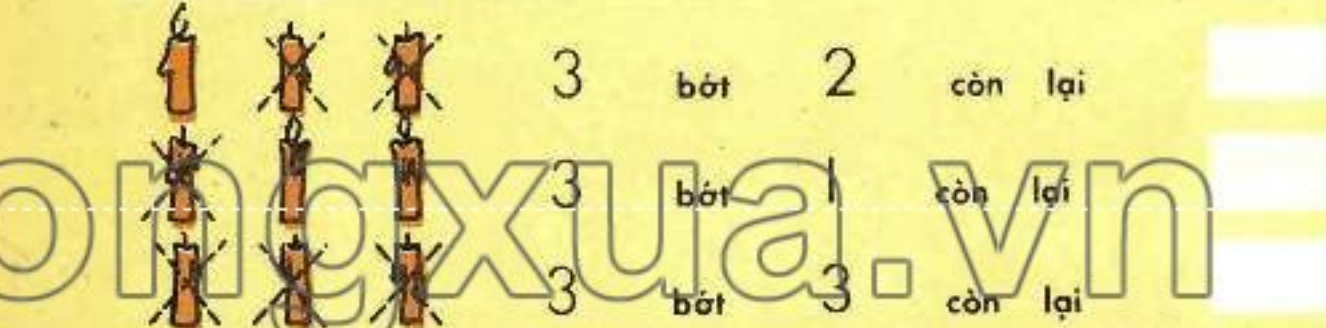
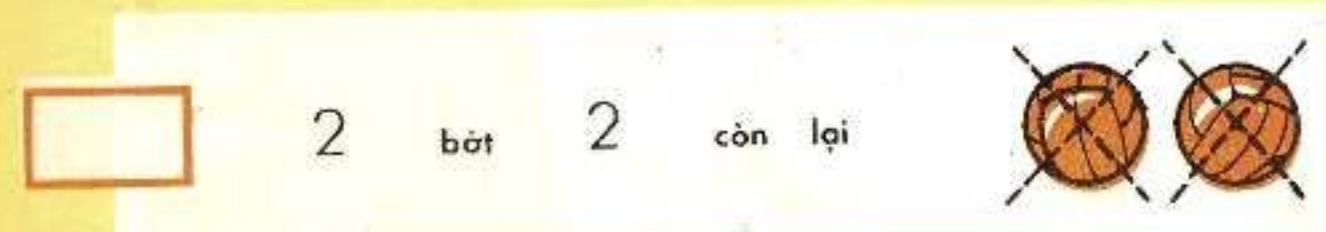
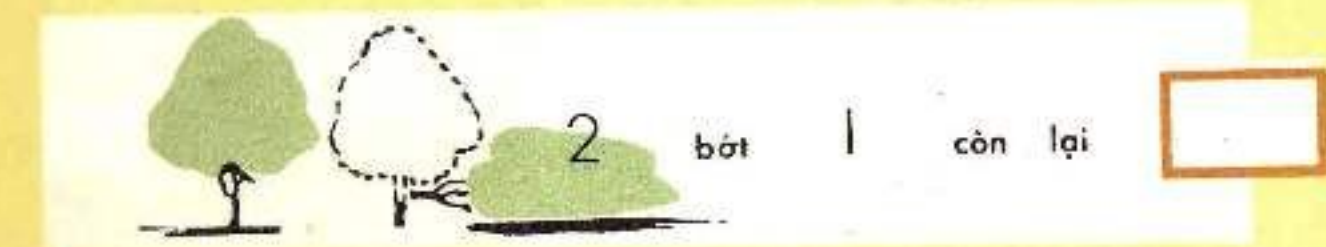
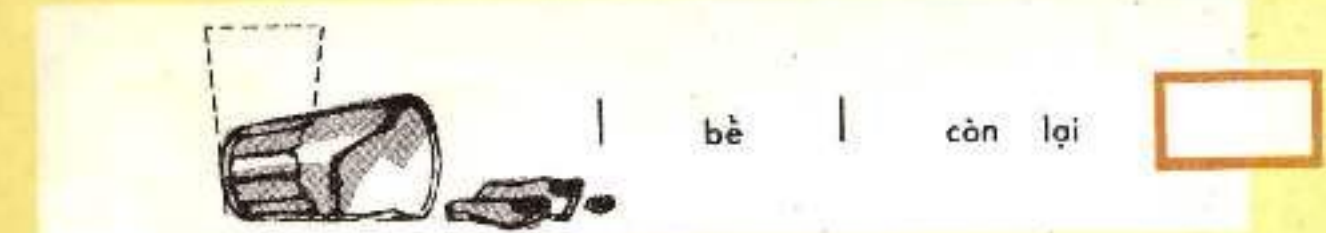
Toán trừ dễ.

Ý-niệm về toán trừ : Lấy bớt đi — So-sánh.

Dùng những vật thật để dạy trẻ ý-niệm về toán trừ.

Theo hình trên hỏi lấy bớt đi, còn lại bao nhiêu, học trò trả lời và ghi số còn lại trong ô trống.

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 1, 2, 3 Còn lại bao nhiêu ?



Viết số vào ô vuông :

$$\begin{array}{l} 1 - 1 = \square \\ 2 - 1 = \square \end{array} \quad \begin{array}{l} \square - 2 = 0 \\ 3 - 2 = \square \end{array} \quad \begin{array}{l} \square - 1 = 2 \\ 3 - \square = 0 \end{array}$$

Trừ :

$$\begin{array}{r} 1 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ -3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ -3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ -2 \\ \hline \end{array}$$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Dùng những vật thật, dạy toán trừ dễ.

Theo hình trên hỏi lấy bớt đi, còn lại bao nhiêu.

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 4, 5

Còn lại bao nhiêu ?

5 bát 4 còn lại

5 bát 1 còn lại

5 bát 2 còn lại

5 bát 3 còn lại



5 bát 3 =	4 bát 2 =	4 - 3 =
4 bát 1 =	5 bát 1 =	5 - 2 =
5 bát 4 =	5 bát 5 =	4 - 4 =

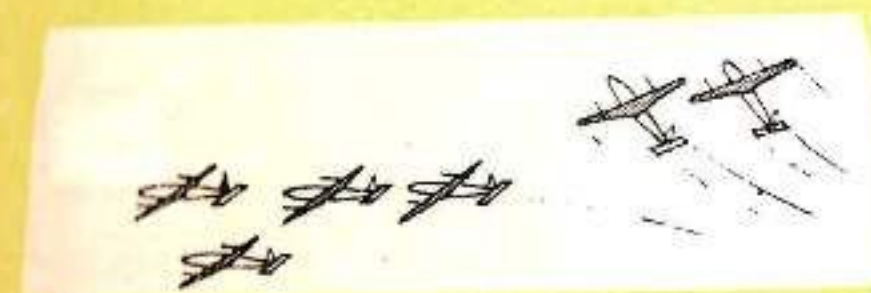
Trừ :

$\begin{array}{r} 5 \\ -1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -1 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 4 \\ -2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -5 \\ \hline \end{array}$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Xem phương-pháp dạy ở bài 2, chương IV.

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 6



$$6 - 2 = 4$$

6 bát 1

6 bát 3

6 bát 5

6 bát 2

6 bát 4

6 bát 6

6 - 1 =	6 - 4 =
6 - 5 =	6 - 2 =
6 - 3 =	6 - 6 =

Trừ :

$\begin{array}{r} 6 \\ -1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -6 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 6 \\ -2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -5 \\ \hline \end{array}$

HỌC ÒN

Gạch chéo trên những con cá muốn bắt ra:



3 bắt 1 còn lại



4 bắt 2 còn lại



5 bắt 3 còn lại

Gạch dưới hàng số để tìm câu trả lời:

$6 - 2 =$

$6 - 4 =$

$6 - 6 =$

Viết số vào ô vuông:

$\square - 3 = 2$	$\square - 1 = 1$	$\square - 2 = 2$
$6 - \square = 1$	$4 - \square = 3$	$5 - \square = 1$
$3 - \square = 2$	$\square - 3 = 3$	$\square - 3 = 0$

$\begin{array}{r} 3 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 5 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 6 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 4 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 4 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 4 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 2 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 2 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 1 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 7

Gạch chéo trên những vật muốn bắt ra:



7 bắt 3 còn



7 bắt 2 còn



7 bắt 4 còn



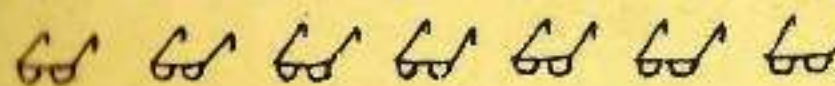
7 bắt 5 còn



7 bắt 6 còn



7 bắt 1 còn



7 bắt 7 còn

Gạch dưới hàng số để tìm câu trả lời:

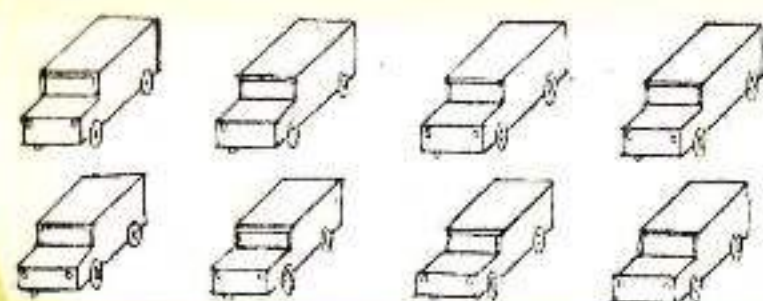
$7 - 1 =$	
$7 - 2 =$	
$7 - 3 =$	
$7 - 4 =$	
$7 - 5 =$	
$7 - 6 =$	
$7 - 7 =$	

Trừ:

$\begin{array}{r} 7 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 7 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 8



Có bao nhiêu xe ?

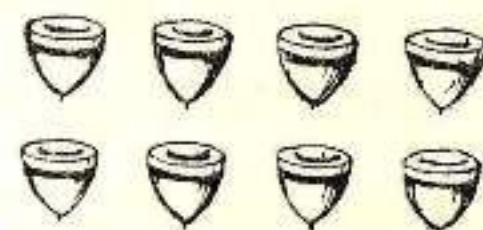
Tô màu 3 chiếc

Còn lại mấy chiếc ?

Có bao nhiêu bông vù ?

Tô màu 4 bông vù ?

Còn lại bao nhiêu bông vù ?



Còn lại bao nhiêu ?

8 lấy ra 5 $8 - 5 =$

8 lấy ra 3 $8 - 3 =$

8 lấy ra 2 $8 - 2 =$

8 lấy ra 6 $8 - 6 =$

8 lấy ra 7 $8 - 7 =$

8 lấy ra 1 $8 - 1 =$

8 lấy ra 4 $8 - 4 =$

8 lấy ra 8 $8 - 8 =$

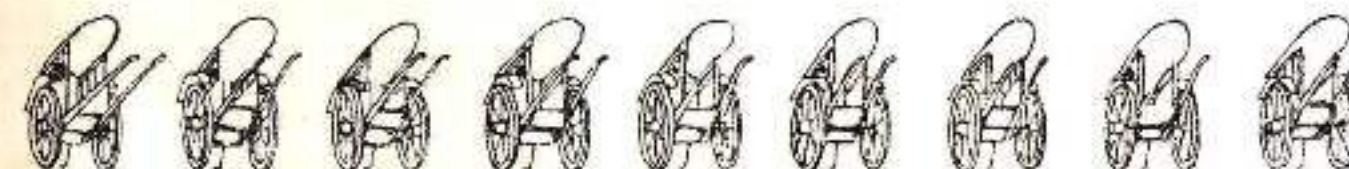
Trừ

$\begin{array}{r} 8 \\ -7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -8 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 8 \\ -1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ -7 \\ \hline \end{array}$

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 9

Đây là 9 xe ngựa :



Lấy tay che đi 2 cái, còn lại bao nhiêu ?

Lấy tay che đi 4 cái, còn lại bao nhiêu ?

Lấy tay che đi 3 cái, còn lại bao nhiêu ?

Lấy tay che đi 5 cái, còn lại bao nhiêu ?

Cũng dùng hình vẽ trên, tìm những câu trả lời dưới đây:

$9 - 3 =$	$9 - 1 =$
$9 - 4 =$	$9 - 9 =$
$9 - 6 =$	$9 - 8 =$
$9 - 5 =$	$9 - 0 =$
$9 - 2 =$	

Trừ

$\begin{array}{r} 9 \\ -2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -6 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 9 \\ -3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 9 \\ -3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ -7 \\ \hline \end{array}$

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 10

Đếm ngược hàng số, xem còn lại bao nhiêu ?



10 bớt 1 còn lại
 10 bớt 2 còn lại
 10 bớt 3 còn lại
 10 bớt 4 còn lại
 10 bớt 5 còn lại
 10 bớt 6 còn lại
 10 bớt 7 còn lại
 10 bớt 8 còn lại
 10 bớt 9 còn lại
 10 bớt 10 còn lại

Viết số vào ô trống :

$10 - 3 = \square$ $10 - 2 = \square$ $10 - \square = 1$
 $10 - \square = 4$ $10 - \square = 6$ $10 - 8 = \square$
 $10 - \square = 5$ $10 - 7 = \square$ $10 - \square = 9$

$\begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 10 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 10 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 10 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 10 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$

PHẦN GIÁO VIÊN :

Dùng những vật thật, và đường số để dạy học sinh toán trừ có số lớn là 10.

Bài 9, Chương IV

HỌC ÔN :

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 7 VÀ 8

Viết số vào ô trống :

$7 - 2 = \square$ $8 - 3 = \square$ $8 - 4 = \square$ $7 - 3 = \square$
 $8 - 7 = \square$ $7 - 5 = \square$ $7 - 6 = \square$ $8 - 1 = \square$
 $7 - 4 = \square$ $7 - 1 = \square$ $8 - 5 = \square$ $7 - 7 = \square$
 $8 - 6 = \square$ $8 - 8 = \square$ $8 - 2 = \square$ $8 - 8 = \square$

$\square - 5 = 2$ $8 - 5 = \square$ $7 - \square = 3$ $\square - 2 = 6$
 $\square - 3 = 4$ $8 - \square = 4$ $7 - 5 = \square$ $8 - \square = 7$
 $8 - 6 = \square$ $7 - 7 = \square$ $8 - \square = 1$ $8 - 8 = \square$
 $7 - \square = 1$ $\square - 2 = 5$ $8 - 3 = \square$ $7 - \square = 2$

$\begin{array}{r} 7 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 8 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 7 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 8 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$

<https://tieulun.hopto.org>

BÀI TẬP (ÔN TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 9 VÀ 10)

Viết số vào ô trống :

9 - 3 =

10 - 5 =

10 - 7 =

9 - 2 =

9 - 1 =

10 - 4 =

9 - 6 =

9 - 8 =

10 - 9 =

10 - 3 =

10 - 2 =

9 - 4 =

9 - 7 =

10 - 1 =

9 - 5 =

10 - 8 =

9 - 9 =

10 - 6 =

10 - 3 =

10 - 10 =

10 - 5 =

9 - = 3

9 - = 2

9 - 8 =

9 - 2 =

10 - 4 =

- 3 = 6

9 - = 6

- 1 = 8

10 - 8 =

10 - 2 =

10 - 6 =

10 - = 7

- 9 = 0

10 - = 3

- 9 = 1

9 - 8 =

9 - = 4

- 1 = 9

10 - 10 =

-10

4

-10

6

-9

4

-9

6

-10

7

-10

8

-9

2

-9

3

-9

5

-10

2

-10

3

-10

9

-10

1

-9

8

-10

5

-10

10

-9

9

-9

1

-9

7

-10

7

-10

6

-10

2

-9

4

-10

3

-9

5

-9

3

-10

4

-9

6

-10

8

-9

2

-10

1

-9

8

-10

5

-10

10

-9

9

-9

1

-9

7

-10

7

-9

4

-10

6

HỌC NHỮNG SỐ 1 ĐẾN 100
ĐẾM TỪ 1 ĐẾN 30



Có bao nhiêu trái banh màu cam ?

Có bao nhiêu trái banh màu xanh ?

Có bao nhiêu trái banh màu vàng ?

Có tất cả bao nhiêu trái banh ?

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Tập cho học-sinh đếm liên-tục từ 1 đến 30. Đếm các đồ vật trong lớp như viên phấn, cây viết, quyển sách v.v.. Cho học-sinh tập đếm lớn tiếng và rõ-ràng. Đạn cho các em đếm các trái banh màu trong hình vẽ và trả lời các câu hỏi trên.

HỌC ÔN TỪ 0 ĐẾN 30

Viết số thiếu vào ô trống :

0	1	2	3		5		8
10		12		14		17	
20			23		26		

Đếm nhảy 2 từ 0 và điền những số thiếu vào các vòng tròn :

0		2		4		6		8
10		12		○		16		○
20		○		24		○		○

Đếm nhảy 2 từ 1 và điền những số thiếu vào các vòng tròn :

1		3		5		7		9
11		13		15		17		19
		23		25		27		

Đếm nhảy 2 những vật sau này (2, 4, 6...)



PHẦN GIÁO - VIÊN:

Cho đếm nhảy hai những thẻ tre, những quyển sách, những học-sinh rồi mới cho đếm những quóc trên đây.

Ý-NGHĨA NHỮNG HÀNG CHỤC VÀ HÀNG ĐƠN-VỊ TỪ 10 ĐẾN 30

	chục	đơn-vị	chục	đơn-vị	số
	1		1	0	10
	1	2			

Viết vào ô trống cho đúng số :

chục	đơn-vị	chục	đơn-vị	số
1	6	1	6	16

PHẦN GIÁO - VIÊN:

Ý-nghĩa những số từ 10 đến 30, chỉ cho học-sinh biết ý-nghĩa số 11 là một chục và 1 đơn-vị. Học-sinh đọc con số hàng chục lên, thêm tiếng mười rồi đọc tiếp con số hàng đơn-vị, đọc ra và rõ-ràng. Số hàng chục là 1 thì đọc là mười, 2 đọc là hai mươi, 3 đọc là ba mươi.

Thí-dụ : 13 đọc là mười ba, 24 đọc là hai mươi bốn.

Ghi nhớ : 15 đọc là mười lăm, 25 đọc là hai mươi lăm (không đọc là mười năm, hai

ĐẾM VÀ ĐỌC NHỮNG SỐ TỪ 1 ĐẾN 100

Đọc những số trong bảng dưới đây :

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
40	41	42	43	44	45	46	47	48	49
50	51	52	53	54	55	56	57	58	59
60	61	62	63	64	65	66	67	68	69
70	71	72	73	74	75	76	77	78	79
80	81	82	83	84	85	86	87	88	89
90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
100									

Đọc những số in màu cam trong bảng trên.

Viết số thiếu vào ô trống :

10	20	30				70			
----	----	----	--	--	--	----	--	--	--

Viết những số trên ngược lại :

100	90	80			50				
-----	----	----	--	--	----	--	--	--	--

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Mục-dịch bài này dạy cho các học-sinh biết tên các số liên-tục từ 1 đến 100, đọc và nhận ra những số đó. Nếu có thể, ông thầy lập một bảng 100 số như trên với những con số viết thật to và ghi những số chục bằng màu cam. Rồi hỏi những câu mẫu như sau :
 Bảo học-sinh chỉ những số : Số nào sau số 46 ? Số nào trước số 63 ?
 Số nào chỉ 2 chục và 5 đơn-vị ?...

HỌC ÔN VỀ TOÁN CỘNG



2

+

3

=



5

+

4

=



3

+

4

=



6

+

2

=



Cộng :

$$1 + 5 =$$

$$5 + 4 =$$

$$6 + 3 =$$

$$3 + 5 =$$

$$3 + 2 =$$

$$7 + 2 =$$

$$2 + 6 =$$

$$2 + 4 =$$

$$4 + 3 =$$

$$8 + 1 =$$

$$5 + 5 =$$

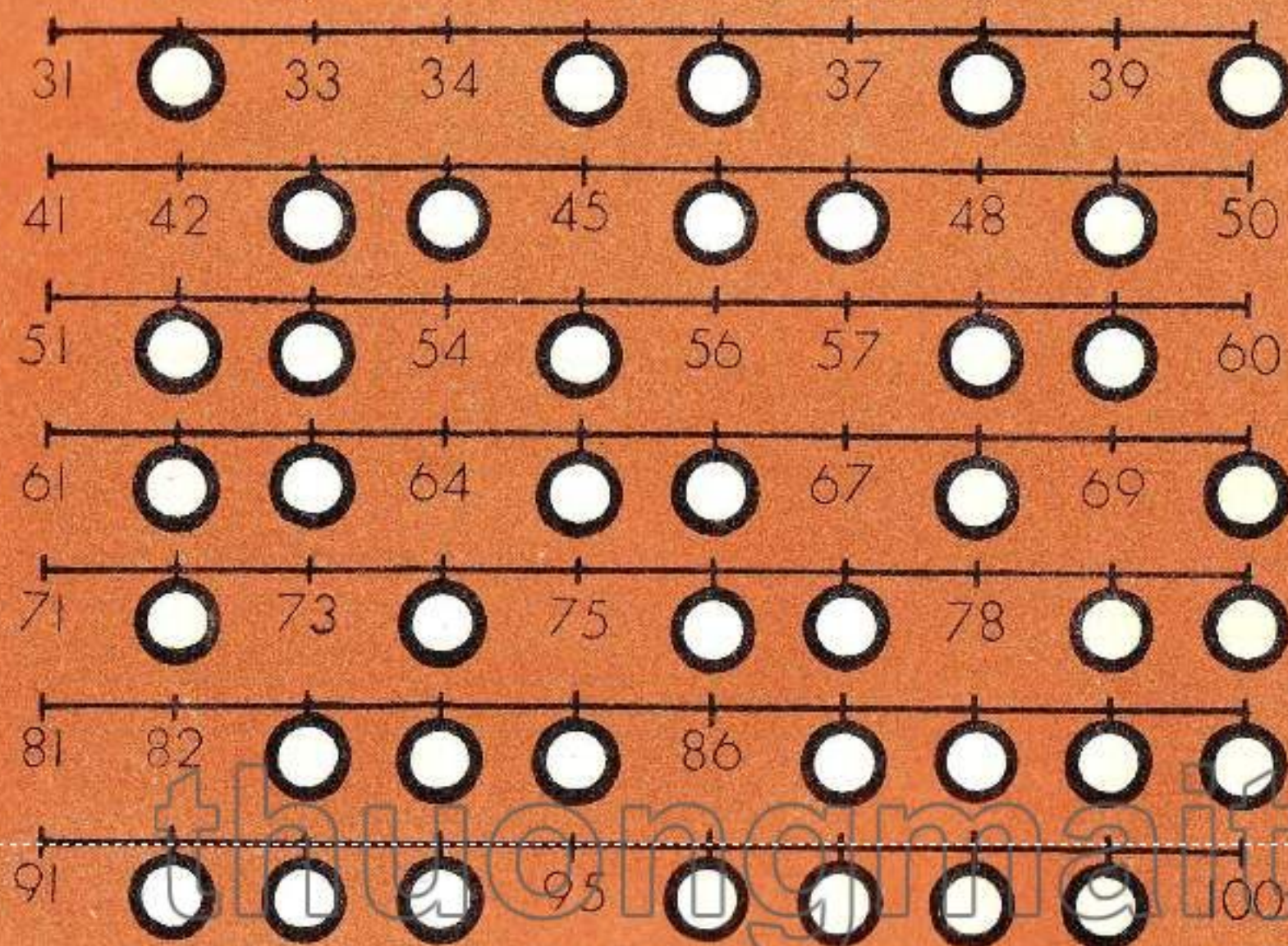
$$7 + 3 =$$

$$+ \frac{2}{4} + \frac{3}{7} + \frac{9}{1} + \frac{5}{2} + \frac{6}{4} + \frac{5}{5} + \frac{7}{1} + \frac{6}{2} + \frac{5}{3} + \frac{8}{2}$$

$$+ \frac{7}{2} + \frac{6}{3} + \frac{5}{4} + \frac{4}{3} + \frac{4}{4} + \frac{5}{4} + \frac{3}{3} + \frac{3}{2} + \frac{3}{4} + \frac{5}{3}$$

ĐẾM THEO THỪ-TỰ

Điền những số thiếu vào các vòng trống:



Gạch chéo những số nào không liên-tục

50	51	52	53	54	55	65	57	58	59
60	61	62	36	64	65	66	67	86	69
70	71	27	73	47	57	76	77	78	79
80	18	82	83	48	85	86	78	88	89
90	91	92	39	94	59	96	97	89	99

PHẦN GIÁO - VIÊN:

Dạy cho học-sinh biết sự liên-tục của những số từ 31 đến 100, cách đọc và viết những số ấy. Nếu có thể, ông thầy làm một hàng số bằng giấy từ 1 đến 100, những số chục ghi bằng màu đỏ để cho học-sinh dễ nhận.

Ý-NGHĨA NHỮNG SỐ TỪ 30 ĐẾN 99

	chục đơn-vị	chục đơn-vị	số
	III	I	31
	III	IIII	

Viết số vào những ô trống cho đúng:

	chục đơn-vị	chục đơn-vị	số
	III	II	32

PHẦN GIÁO - VIÊN:

Ý-nghĩa những số từ 30 đến 99. Học-sinh đọc con số hàng chục thêm tiếng mười rồi đọc tiếp con số đơn-vị, đọc to và rõ-ràng.

Thí-dụ : 34 đọc là ba mươi bốn, 49 đọc là bốn mươi chín.

Ghi nhớ : Con 5 đi liền sau số hàng chục, đọc là **lăm** không đọc là **năm**. 145 đọc là bốn mươi lăm, 55 đọc là năm mươi lăm v.v...

HỌC THÊM VỀ NHỮNG SỐ :

Đếm nhảy bằng cách đọc những số in màu cam :

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15

16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30

31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45

46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60

Đếm nhảy 5 và điền những số thiếu vào ô trống :

5		15		25	
	40		50		
		75			90

Giữa 2 số này là những số nào ?

16	17	18	19	20	21	22
45		47	36			39
29		31	48			51

Sau những số này là số nào ?

27, 28,		10, 20,	
48, 49,		40, 50,	
2, 4, 6,		37, 38,	
16, 18, 20,		74, 75,	
5, 10,		3, 5, 7,	
35, 40,		19, 21, 23,	

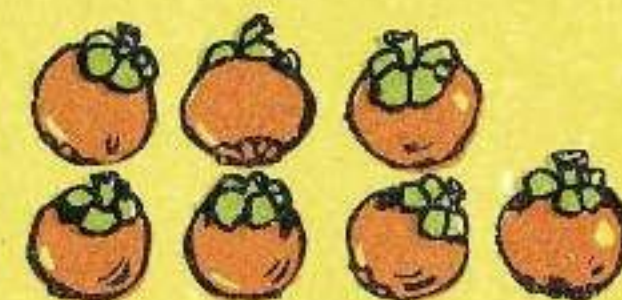
PHẦN GIÁO VIÊN :

Cho đếm nhảy 5 những vật có thật, rồi dùng hình vẽ trên để đếm sau.

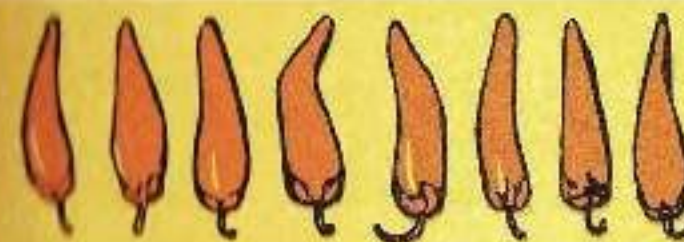
HỌC ÔN TOÁN TRỪ DỄ



$$4 - 3 = \square$$



$$7 - 3 = \square$$



$$8 - 5 = \square$$



$$9 - 4 = \square$$

Trừ :

$$\begin{array}{r} 2 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ -3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ -3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ -4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ -5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ -3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ -4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ -5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ -2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ -3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ -4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ -6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ -5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ -4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ -5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ -6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ -6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ -7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ -2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ -7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ -3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ -6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ -1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ -4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ -8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ -5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ -7 \\ \hline \end{array}$$

HỌC ÔN : ĐẾM TỪ 31 ĐẾN 50

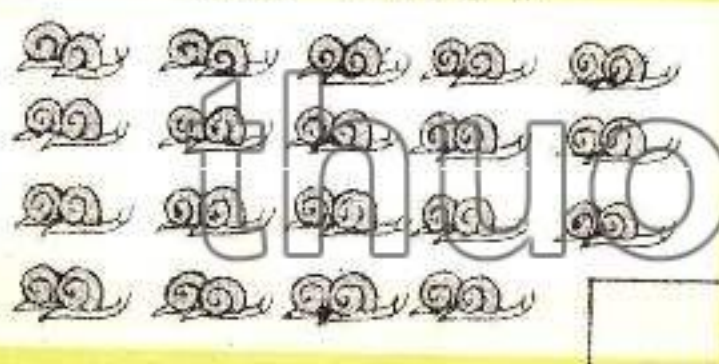
Viết số thiếu vào ô trống :

31	32	33				37			
41			44				48		

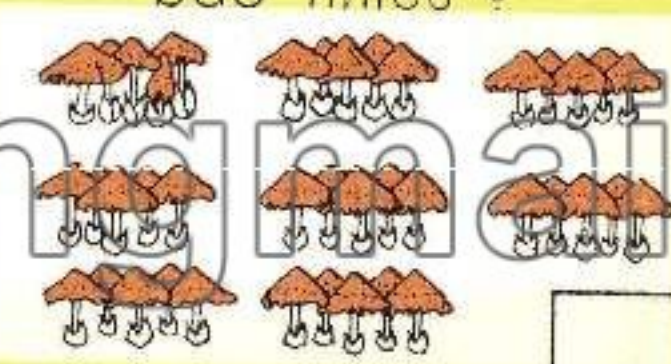
Đếm ngược lại từ 90 đến 71. Viết số thiếu vào ô trống :

90	89		87			84			81
		78		76				72	

Đếm nhảy 2 xem có bao nhiêu ?



Đếm nhảy 5 xem có bao nhiêu ?



Gạch chéo những số không liên-tục :

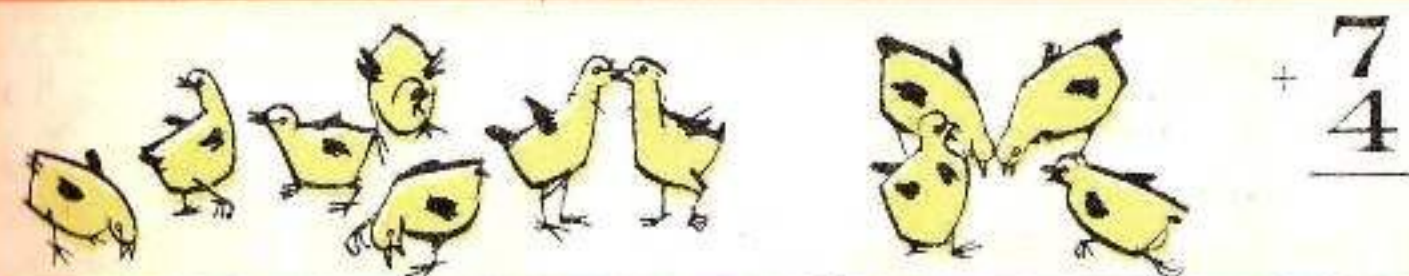
50	51	52	53	54	55	56	57	85	59
16	61	62	36	64	65	66	76	68	69
70	71	27	73	74	57	76	77	87	89

Xếp theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn.

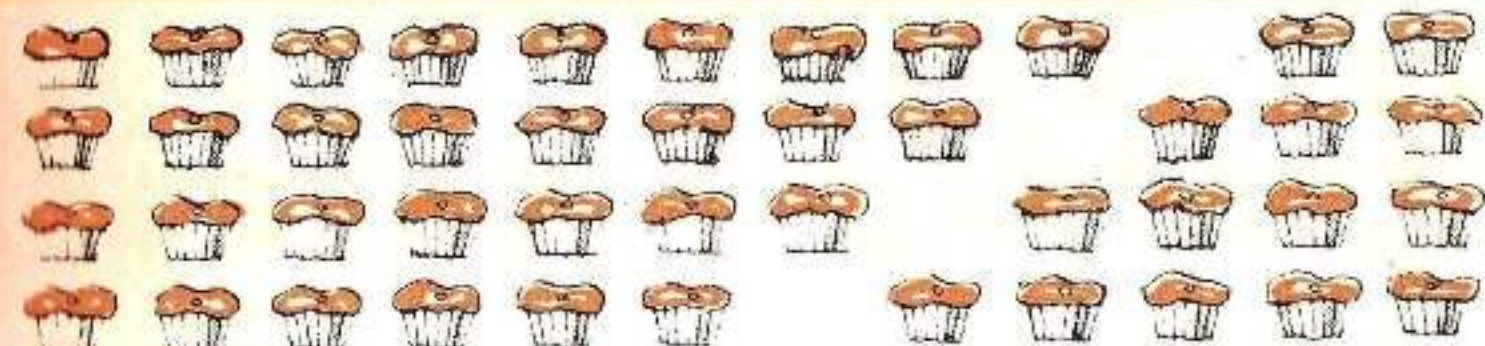
24	15	38	46
50	42	65	49
74	46	91	83

15 46

TOÁN CỘNG KHỎ TOÁN CỘNG CÓ TỔNG-SỐ LÀ 11



Những toán cộng có tổng-số là 11



Hàng A có : $9 + 2 = \square$ hay $2 + \square = 11$

Hàng B có : $\square + 3 = 11$ hay $8 + 3 = \square$

Hàng C có : $7 + \square = 11$ hay $\square + 8 = 11$

Hàng D có : $6 + 5 = 11$ hay $5 + \square = 11$

Cộng :

$\begin{array}{r} 8 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 7 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Trò lớn có 6 ngôi viết, anh nó cho 5 ngôi viết nữa. Nó có tất cả bao nhiêu ?
- Nhà tôi có 8 con gà, mẹ tôi mua thêm 3 con nữa. Hỏi nhà tôi có bao nhiêu con gà ?

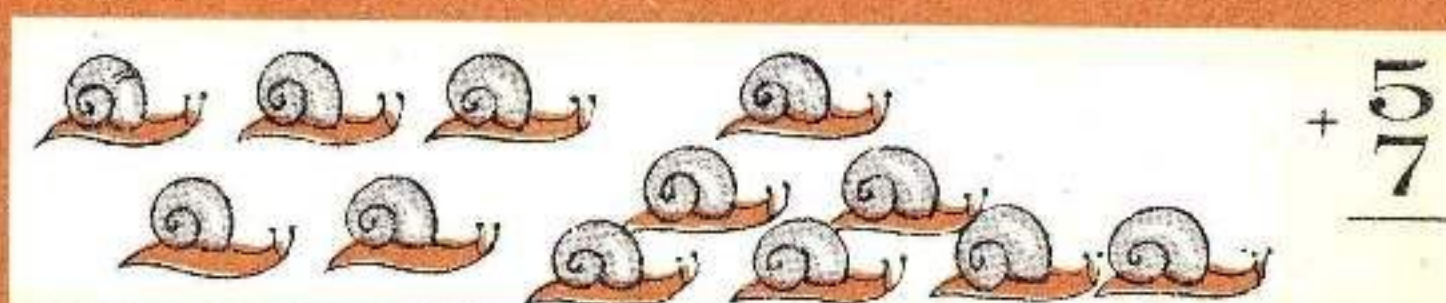
PHÂN GIÁO - VIÊN:

Trước hết, dùng những vật có thật để cho học-sinh biết những toán cộng hai con số thành tổng-số 11, như 9 ngôi viết cộng với 2 ngôi viết là 11 ngôi, 8 trò cộng với 3 trò là 11 trò v.v.. Rồi mới dùng tranh vẽ trên để giảng thêm.

Cho làm những toán đố miệng trong bài rồi cho học-sinh tập lấy, những bài toán khác

<https://tieulun.hopto.org>

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG-SỐ LÀ 12



Hàng A có: $9 + 3 = \square$ hay $3 + 9 = \square$
 Hàng B có: $8 + \square = 12$ hay $\square + 4 = 12$
 Hàng C có: $\square + 5 = 12$ hay $7 + \square = 12$
 Hàng D có: $6 + 6 = \square$ hay $6 + \square = 12$

Cộng:

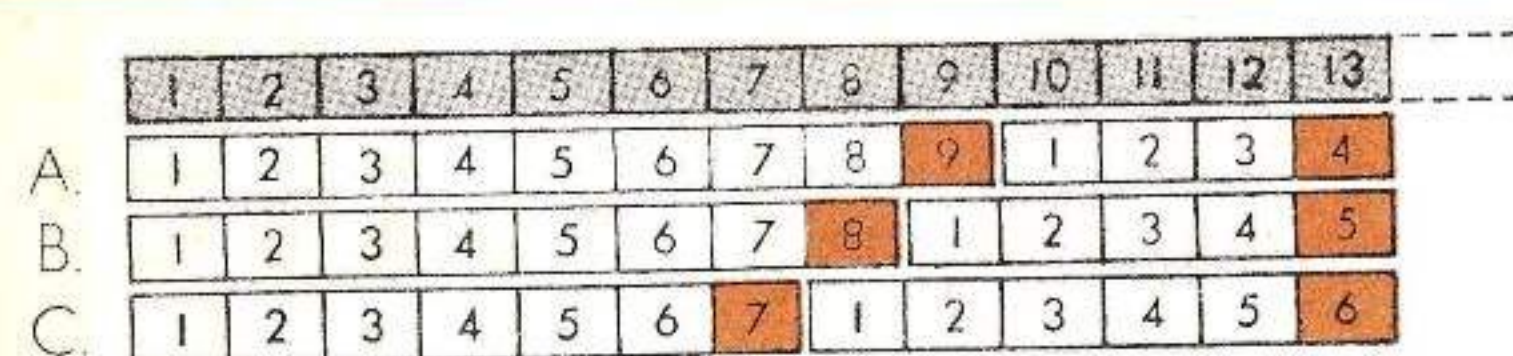
$$\begin{array}{r} 7 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐO MIỆNG:

- Một châu cá vàng có 7 con. Người ta thả thêm vào 5 con nữa, hỏi tất cả là bao nhiêu con cá?
- Bà Sơn có 3 hộp sữa, bà mua thêm 9 hộp nữa. Hỏi bà có bao nhiêu hộp sữa?
- Trò Ba có 8 tập vở, thầy thưởng thêm 5 tập nữa, trò có tất cả bao nhiêu tập?

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG-SỐ LÀ 13



Hàng A chỉ: $9 + 4 = \square$ hay $4 + \square = 13$
 Hàng B chỉ: $8 + \square = 13$ hay $5 + \square = 13$
 Hàng C chỉ: $\square + 7 = 13$ hay $7 + 6 = \square$

Cộng:

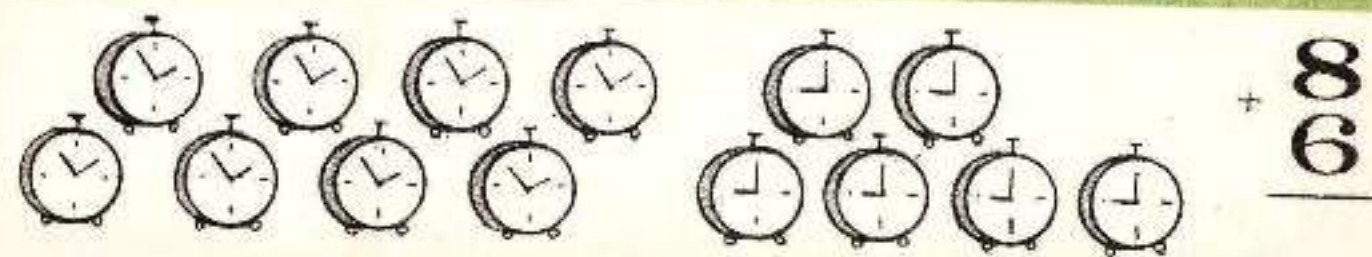
$$\begin{array}{r} 6 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐO MIỆNG:

- An có 6 viên kẹo, Quê có 7 viên kẹo. Hỏi hai em có bao nhiêu viên kẹo?
- Một đầu máy xe lửa kéo 8 toa. Người ta nối thêm vào 4 toa nữa. Hỏi chiếc đầu máy đó kéo bao nhiêu toa?
- Trò Nam làm bài toán đầu được 8 điểm, bài sau trò được 5 điểm. Cả hai bài trò được bao nhiêu điểm?

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 14



Những toán cộng có tổng số là 14

- A.
 B.
 C.

Hàng A có: $9 + 5 = \square$ hay $5 + \square = 14$

Hàng B có: $\square + 6 = 14$ hay $6 + 8 = \square$

Hàng C có: $7 + \square = 14$ hay $\square + 7 = 14$

Cộng:

$$\begin{array}{r} + 8 \\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 8 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 9 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 7 \\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 6 \\ 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 5 \\ 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 7 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 7 \\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 6 \\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 5 \\ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 9 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Hộp ngôi viết của Vân có 9 ngôi. Vân bỏ thêm vào 5 ngôi nữa. Hỏi Vân có tất cả mấy ngôi viết?
- Bà cho bé Diệp 7 viên kẹo, má cho Diệp thêm 7 viên nữa. Hỏi Diệp có bao nhiêu viên kẹo?

PHẦN GIÁO - VIÊN :

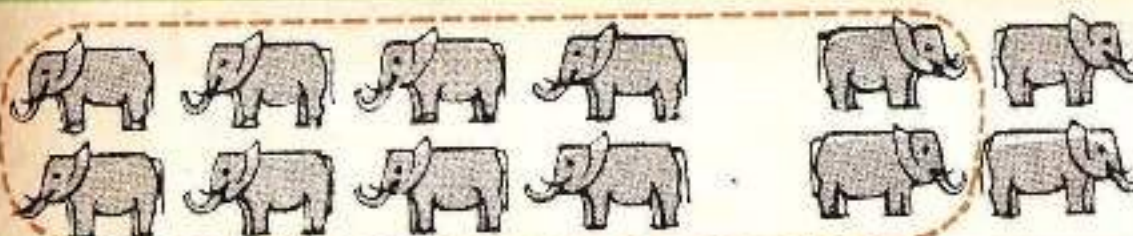
Như bài số 1, chương VI.

HỌC ÒN :

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ 11, 12, 13, 14



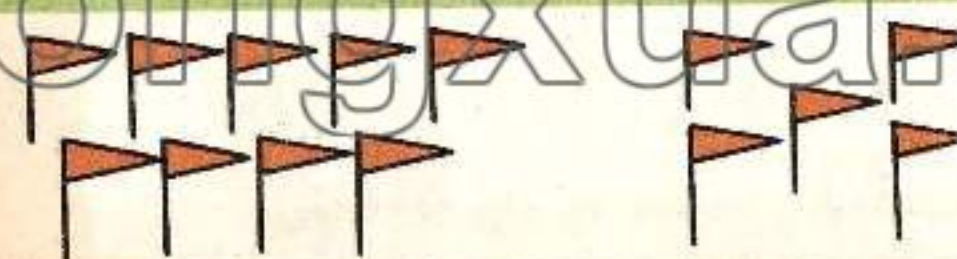
$$\begin{array}{r} 5 + 6 = \square \\ \square + 5 = 11 \\ 10 + 1 = \square \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 8 + 4 = \square \\ 4 + \square = 12 \\ 10 + 2 = \square \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 5 + 8 = \square \\ 8 + \square = 13 \\ 10 + \square = 13 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 9 + 5 = \square \\ \square + 9 = 14 \\ 10 + \square = 14 \end{array}$$

Cộng:

$$\begin{array}{r} + 7 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 8 \\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 7 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 6 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 9 \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 9 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 7 \\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 6 \\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 9 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 8 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 8 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} + 7 \\ 7 \\ \hline \end{array}$$

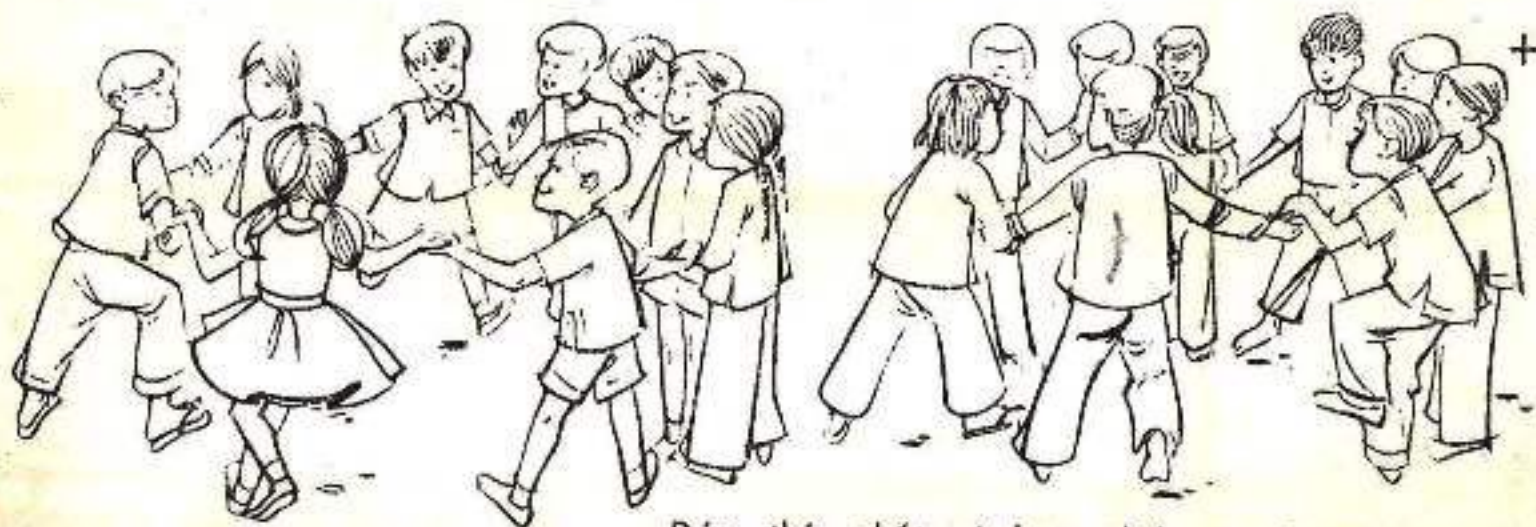
TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Má tôi đi chợ mua 8 quả cam và 4 quả chuối. Hỏi má tôi đã tiêu hết bao nhiêu tiền?
- Trong đĩa (dĩa) có 9 trái mận đỏ và 5 trái mận trắng. Hỏi tất cả có bao nhiêu trái mận?

<https://tieulun.hopto.org>

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 18 VÀ 15

A. Toán cộng có tổng số là 18



9
+
9

Đám thứ nhất có bao nhiêu em?
Đám thứ nhì có bao nhiêu em?
Hai đám có tất cả bao nhiêu em?

B. Những toán cộng có tổng số là 15



Hàng A chỉ: $9 + 6 = \square$ hay $6 + \square = 15$

Hàng B chỉ: $\square + 7 = 15$ hay $8 + \square = 15$

Cộng :

$$\begin{array}{r} + 9 \\ 6 \end{array} + \begin{array}{r} 5 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 7 \\ 6 \end{array} + \begin{array}{r} 7 \\ 8 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 7 \end{array} + \begin{array}{r} 6 \\ 6 \end{array} + \begin{array}{r} 6 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 5 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 9 \end{array}$$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Chị Xuân mua hai nải chuối. Một nải có 8 trái, một nải có 7 trái. Hỏi hai nải có bao nhiêu trái?
- Một hộp phấn có 9 viên, người ta bỏ thêm vào 9 viên nữa. Hỏi hộp phấn đó có bao nhiêu viên?

TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ LÀ 16 VÀ 17

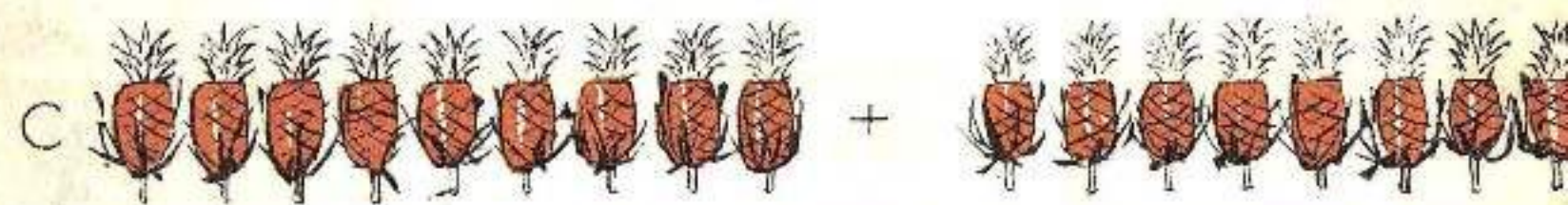
Những toán cộng có tổng số là 16



Hàng A có : $9 + 7 =$ hay $7 + \square = 16$

Hàng B có : $8 + 8 =$ hay $\square + 8 = 16$

Những toán cộng có tổng số là 17



Hàng C có : $9 + 8 = \square$ hay $8 + \square = 17$

Cộng :

$$\begin{array}{r} + 9 \\ 4 \end{array} + \begin{array}{r} 7 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 7 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 8 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 8 \end{array} + \begin{array}{r} 6 \\ 7 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 7 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 7 \\ 8 \end{array}$$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Em tôi có 8 viên kẹo bạc hà và 9 viên kẹo cam. Hỏi em tôi có tất cả bao nhiêu viên kẹo?
- Một chùm nho có 7 trái. Chùm thứ nhì có 9 trái. Hỏi hai chùm nho có bao nhiêu trái?

PHẦN GIÁO - VIÊN :

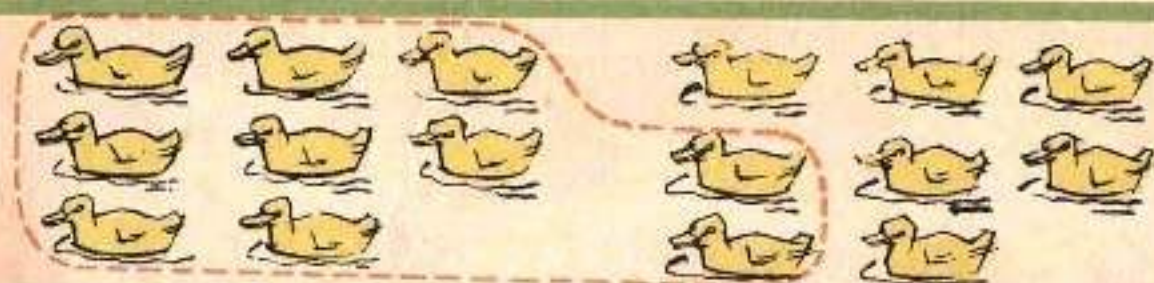
Như bài số 1, Chương VI. Cho học-sinh làm những bài tập trên cho đến khi chúng làm toán miệng nhanh được. Cho học-sinh luôn luôn ôn lại những bài toán đã học trước.

HỌC ÔN:

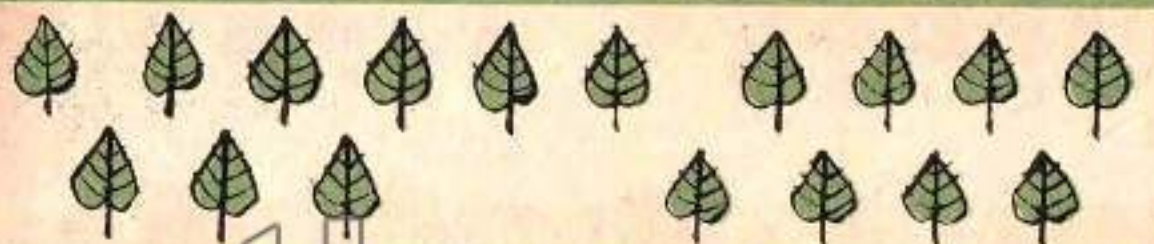
TOÁN CỘNG CÓ TỔNG SỐ 15, 16, 17, 18



$$\begin{aligned} 8 + 7 &= \square \\ \square + 8 &= 15 \\ 10 + 5 &= \square \end{aligned}$$



$$\begin{aligned} 8 + 8 &= \square \\ 8 + \square &= 16 \\ 10 + \square &= 16 \end{aligned}$$



$$\begin{aligned} 9 + 8 &= \square \\ 8 + \square &= 17 \\ 10 + \square &= 17 \end{aligned}$$



$$\begin{aligned} 9 + 9 &= \square \\ 9 + \square &= 18 \\ 10 + \square &= 18 \end{aligned}$$

Cộng :

$$\begin{aligned} &+ \begin{array}{r} 7 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 6 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 6 \\ 5 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 7 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 8 \end{array} + \begin{array}{r} 5 \\ 8 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 6 \\ 7 \end{array} \\ &+ \begin{array}{r} 5 \\ 7 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 8 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ 6 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 8 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 4 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 9 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 7 \end{array} + \begin{array}{r} 7 \\ 8 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ 6 \end{array} \end{aligned}$$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Vân có 7 cây viết chì màu, chị cho thêm Vân 8 cây viết chì màu nữa.
Hỏi Vân có tất cả bao nhiêu viết chì màu ?
- Ông Ba mua 8 cái ghế dựa và 8 cái ghế dài.
Hỏi Ông Ba đã mua bao nhiêu cái ghế tất cả ?

HỌC ÔN: TOÁN CỘNG VÀ TOÁN TRỪ DỄ

$$\begin{aligned} 4 + 3 &= \square & 3 + 4 &= \square & 8 - 3 &= \square & 8 - 5 &= \square \\ 7 + 2 &= \square & 2 + 7 &= \square & 7 - 3 &= \square & 7 - 4 &= \square \\ 6 + 4 &= \square & 4 + 6 &= \square & 9 - 2 &= \square & 9 - 7 &= \square \\ 3 + 5 &= \square & 5 + 3 &= \square & 10 - 4 &= \square & 10 - 6 &= \square \end{aligned}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 1 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 1 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 1 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

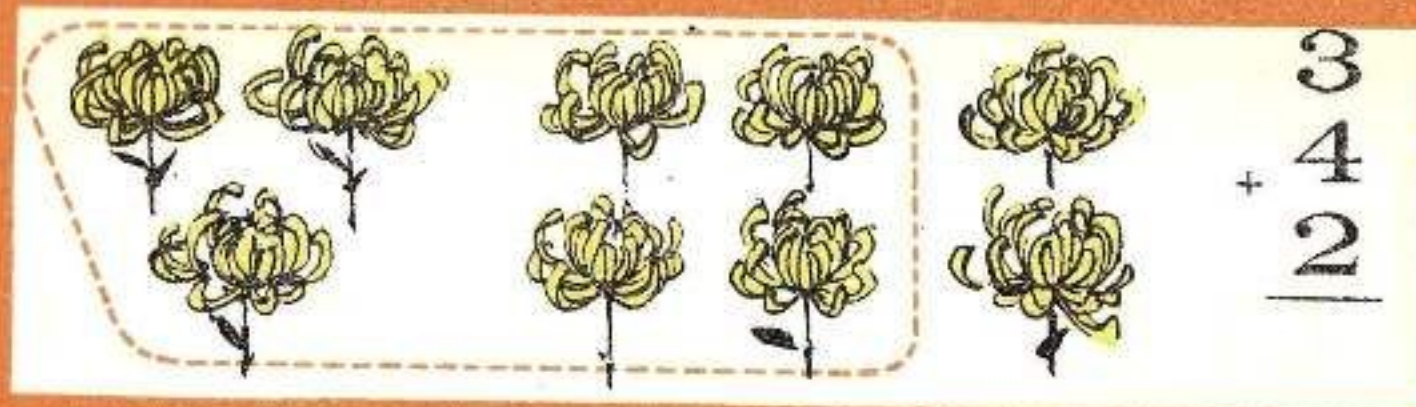
$$\begin{array}{r} 8 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

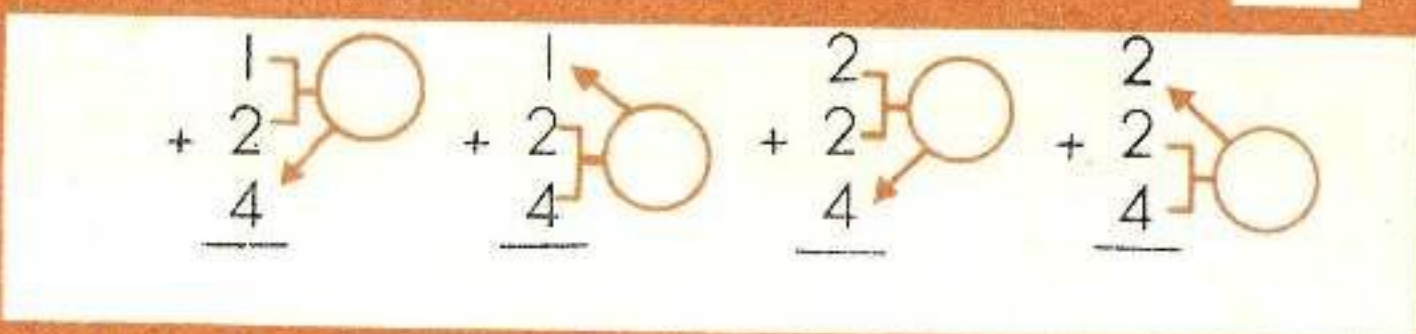
$$\begin{array}{r} 9 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN CỘNG CÓ BA SỐ

Có bao nhiêu tất cả ?



3 bông hoa với 4 bông hoa là bông hoa
 bông hoa với 2 bông hoa nữa là bông hoa



BÀI TẬP : Cộng từ dưới lên trên để tìm tổng số. Đoạn cộng từ trên xuống dưới để coi xem tổng số có đúng không.

$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline 1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 5 \\ \hline 2 \end{array}$
$\begin{array}{r} 7 \\ + 1 \\ \hline 1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 5 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline 2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline 1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline 1 \end{array}$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

Em Trang có 3 cây viết bút chì màu đỏ, 3 cây màu xanh, và 2 cây màu vàng.
 Hỏi em Trang có mấy cây viết chì tất cả ?

PHẦN GIÁO VIÊN:

Dùng những vật có thật để cho học sinh biết muốn cộng ba số, trước tiên người ta phải cộng hai số, đoạn cộng tổng số của hai số này với số thứ ba. Thảo luận những hình vẽ trong bài đoạn cho học sinh làm bài tập.

Bài 10, Chương VI

TOÁN CỘNG CÓ BA SỐ (tiếp theo)

A. Cộng thêm 7 vào những con số dưới đây. Viết tổng số vào ô trống.

5 3 6 8 4 9 7

B. Cộng thêm 9 vào những con số dưới đây. Viết tổng số vào ô trống.

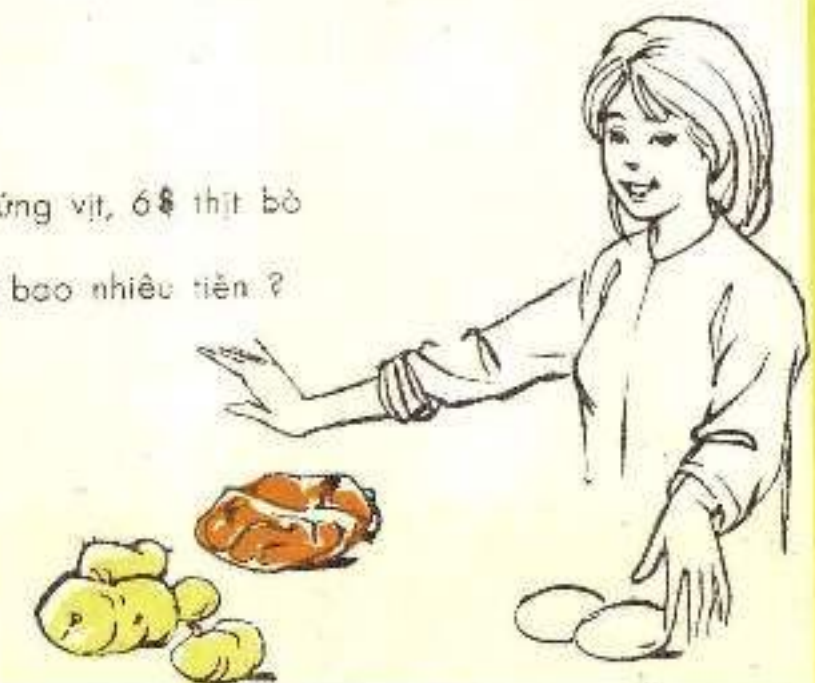
4 8 5 9 7 3 6

C. Cộng những con số dưới đây từ dưới lên trên. Sau khi làm xong, cộng từ trên xuống dưới để thử xem tổng số có đúng không.

$\begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline 3 \end{array}$
$\begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 6 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + 8 \\ \hline 1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline 3 \end{array}$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

Chị tôi đi chợ mua 4\$ trứng vịt, 6\$ thịt bò
 và 5\$ khoai tây.
 Hỏi chị tôi đã trả tất cả bao nhiêu tiền ?



PHẦN GIÁO - VIÊN:

Bài này có mục-dịch dạy cho học-sinh cộng ba số có tổng số trên 9. Như bài 10.
 Cho học-sinh biết có thể thử toán cộng bằng cách cộng ngược trở lại.

Bài 11, Chương VI

TOÁN CỘNG CÓ MỘT VÀ HAI CON SỐ



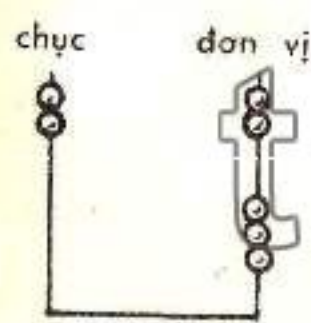
Má em có 14 trái cam,
mua thêm 3 trái nữa.
Má em có bao nhiêu
trái cam tất cả ?



$$\begin{array}{r} 14 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$



$$11 + 4 = 15$$



chục	đơn vị
2	3
	5



chục	đơn vị
3	5

Cộng :

$$\begin{array}{r} + 14 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ 13 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 42 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ 58 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 33 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ 26 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 4 \\ 33 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 27 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ 14 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 15 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 6 \\ 13 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 40 \\ 9 \end{array}$$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Dùng những vật có thật để giảng cho học sinh. Cho học sinh đếm để xem có bao nhiêu tất cả. Cho một vài thí dụ bằng cách cho học sinh đếm hàng số. Cuối cùng giảng quy tắc : cộng đơn vị trước, hàng chục sau.

BÀI TẬP :

1 — Cộng thêm 12 vào những số dưới đây :

$$\begin{array}{ccccccc} 1 & 6 & 3 & 5 & 2 & 7 & 4 \\ \boxed{13} & \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} \end{array}$$

2 — Cộng thêm 14 vào những số dưới đây :

$$\begin{array}{ccccccc} 2 & 4 & 3 & 1 & 5 & 6 & 4 \\ \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} & \boxed{} \end{array}$$

3 — Tìm tổng số. Thử tổng số bằng cách cộng ngược lại

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 3 \\ \hline 12 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline 9 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 9 \\ \hline 11 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline 9 \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 3 \\ \hline 11 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 51 \\ + 7 \\ \hline 58 \end{array} \quad \begin{array}{r} 34 \\ + 4 \\ \hline 38 \end{array} \quad \begin{array}{r} 16 \\ + 2 \\ \hline 18 \end{array} \quad \begin{array}{r} 50 \\ + 8 \\ \hline 58 \end{array} \quad \begin{array}{r} 35 \\ + 2 \\ \hline 37 \end{array} \quad \begin{array}{r} 95 \\ + 3 \\ \hline 98 \end{array}$$

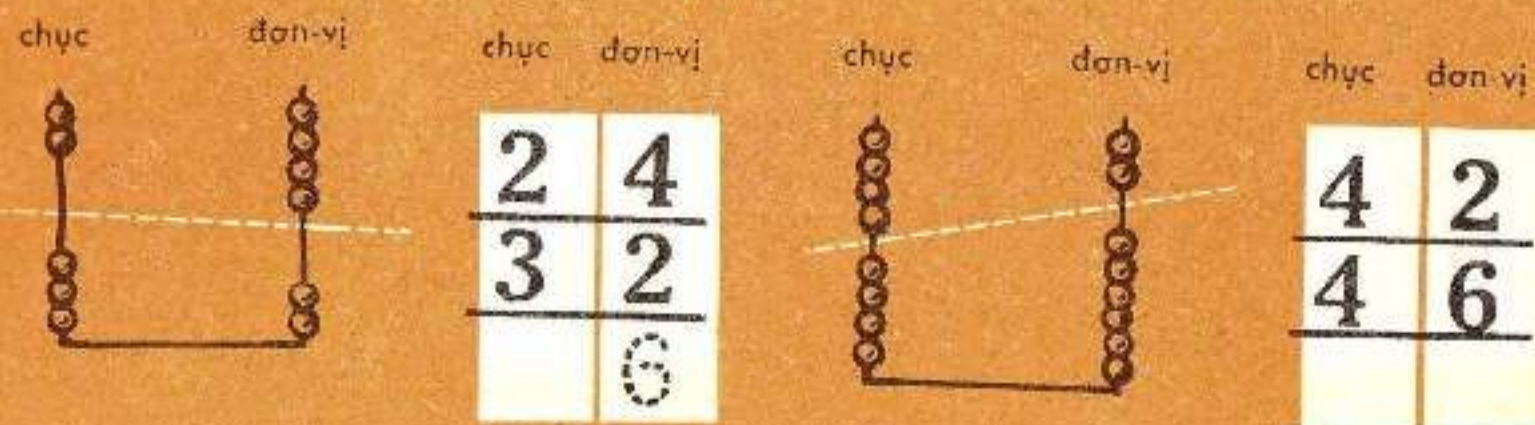
$$\begin{array}{r} 66 \\ + 3 \\ \hline 69 \end{array} \quad \begin{array}{r} 70 \\ + 6 \\ \hline 76 \end{array} \quad \begin{array}{r} 43 \\ + 3 \\ \hline 46 \end{array} \quad \begin{array}{r} 23 \\ + 5 \\ \hline 28 \end{array} \quad \begin{array}{r} 80 \\ + 7 \\ \hline 87 \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ + 2 \\ \hline 49 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline 9 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline 6 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 5 \\ \hline 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ + 3 \\ \hline 23 \end{array} \quad \begin{array}{r} 40 \\ + 3 \\ \hline 43 \end{array} \quad \begin{array}{r} 50 \\ + 2 \\ \hline 52 \end{array} \quad \begin{array}{r} 30 \\ + 6 \\ \hline 36 \end{array} \quad \begin{array}{r} 60 \\ + 4 \\ \hline 64 \end{array} \quad \begin{array}{r} 70 \\ + 5 \\ \hline 75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 4 \\ \hline 36 \end{array} \quad \begin{array}{r} 51 \\ + 6 \\ \hline 57 \end{array} \quad \begin{array}{r} 72 \\ + 3 \\ \hline 75 \end{array} \quad \begin{array}{r} 62 \\ + 4 \\ \hline 66 \end{array} \quad \begin{array}{r} 55 \\ + 1 \\ \hline 56 \end{array} \quad \begin{array}{r} 24 \\ + 2 \\ \hline 26 \end{array}$$

TOÁN CỘNG CÓ HAI CON SỐ



Bài tập :

$\begin{array}{r} 44 \\ + 20 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 33 \\ + 44 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 22 \\ + 30 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 60 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 45 \\ + 42 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 24 \\ + 52 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 40 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 41 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 50 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 52 \\ + 34 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 70 \\ + 20 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 20 \\ + 18 \\ + 40 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ + 23 \\ + 52 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ + 23 \\ + 30 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 42 \\ + 12 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ + 30 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 24 \\ + 22 \\ + 31 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 31 \\ + 31 \\ + 22 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 30 \\ + 49 \\ + 10 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ + 54 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 25 \\ + 13 \\ + 40 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 21 \\ + 33 \\ + 12 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 33 \\ + 40 \\ + 14 \\ \hline \end{array}$

TOÁN TRỪ KHỎ TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 11



Ba có 11 cái bong bóng
Ba cho Nam 5 cái
Ba còn lại bao nhiêu ?



Hàng A cho biết hai bài toán trừ : $11 - 2 = \square$ và $11 - 9 = \square$
Hàng B cho biết hai bài toán trừ : $11 - 3 = \square$ và $11 - \square = 3$
Hàng C cho biết hai bài toán trừ : $11 - 4 = \square$ và $11 - 7 = \square$
Hàng D cho biết hai bài toán trừ : $11 - 6 = \square$ và $11 - \square = 6$

$\begin{array}{r} 11 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--	--	--	--	--

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Trò Hai có 11 cái bánh ngọt, trò ăn hết 2 cái.
Trò còn lại bao nhiêu ?
- Tư có 11 cái ly, làm bể 5 cái, còn lại bao nhiêu ?
- Má trò Ba có 11 con gà, bị chết hết 7 con.
Còn lại bao nhiêu ?

PHẦN GIÁO - VIÊN :

- Mục-dịch dạy học trò làm bài toán trừ số 11.
- Dùng đồ vật thật để giúp cho học-sinh hiểu rõ toán trừ
 - Cho học-sinh thảo-luận về hình trong sách
 - Cho học-sinh làm toán đố miệng.

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 12



Thúy có 12 trái xoài,
Thúy cho em nó 4 trái.
Thúy còn bao nhiêu ?



- A. B. C. D.

Hàng A cho biết bài toán trừ : $12 - 3 = \square$ và $12 - \square = 3$
Hàng B cho biết bài toán gì ? $12 - 8 = \square$ và $12 - 4 = \square$
Hàng C cho biết bài toán gì ? $12 - \square = 5$ và $12 - \square = 7$
Hàng D cho biết bài toán gì ? $12 - 6 = \square$ và $12 - \square = 6$

$\begin{array}{r} 12 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--	--	--	--

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Bà Năm có 12 quả trứng, làm bánh hết 9 quả. Bà Năm còn lại bao nhiêu ?
- Thầy lành 12 bình mực, phát hết 7 bình, Thầy còn lại bao nhiêu ?

Đặt thành những bài toán đố với những toán trừ sau đây :

$$12 - 6 = \quad 12 - 5 = \quad 12 - 8 =$$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Coi phương-pháp dạy bài 1, chương VII.

Bài 2, Chương VII

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 13

Bé Thu dán tem 13 bao thư,
Em dán xong 8 bao thư.
Bé Thu còn dán mấy bao
thư nữa ?



- A. B. C.

Hàng A cho biết bài toán trừ : $13 - 4 = \square$ và $13 - \square = 4$
Hàng B cho biết bài toán gì ? $13 - \square = 8$ và $13 - 8 = \square$
Hàng C cho biết bài toán gì ? $13 - 6 = \square$ và $13 - \square = 6$

$\begin{array}{r} 13 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--	--	--

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Một cái túi đựng 13 hòn bi, Tâm lấy ra 9 hòn. Vậy trong túi còn lại bao nhiêu ?
- Trong bình có 13 bông hường, 5 bông héo. Còn lại mấy bông tươi ?
- Một chồng 13 cái chén. Chị Ba đánh rơi hết 6 cái. Còn lại bao nhiêu chén nguyên ?

Đặt thành những bài toán đố với những toán trừ sau đây :

$$13 - 7 = \quad 13 - 8 = \quad 13 - 4 =$$

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 14



Nam có 14 cái bánh ngọt.
Em bỏ 8 cái vào hộp.
Em còn mấy cái trên bàn ?



- A.
B.
C.

Hàng A cho biết bài toán trừ : $14 - \square = 5$ và $14 - \square = 9$

Hàng B cho biết bài toán gì ? $14 - 6 = \square$ và $14 - 8 = \square$

Hàng C cho biết bài toán gì ? $14 - 7 = \square$ và $14 - \square = 7$

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Nhà em có nuôi 14 con vịt. Mỏ em bán hết 9 con.
Mỏ em còn bao nhiêu vịt ?
- Trong vườn có 14 cây dứa bị động làm ngã hết 7 cây.
Vậy còn lại mấy cây ?

Đặt thành những bài toán đố với những toán trừ sau đây :

$$14 - 9 = \quad 14 - 6 = \quad 14 - 8 =$$

PHÂN GIÁO - VIÊN :

Xem phương-pháp dạy bài 1, chương VII.

HỌC ÒN

1. LẤY CÁC SỐ DƯỚI ĐÂY TRỪ ĐI 7. VIẾT SỐ CÒN LẠI TRONG Ô VUÔNG :

12	13	9	10	14	11	8	7

2. LẤY CÁC SỐ DƯỚI ĐÂY TRỪ ĐI 9. VIẾT SỐ CÒN LẠI TRONG Ô VUÔNG :

11	12	10	13	9	14

3. LẤY CÁC SỐ DƯỚI ĐÂY TRỪ ĐI 6. VIẾT SỐ CÒN LẠI TRONG Ô VUÔNG :

12	13	11	9	10	8	7	6	14

4. LẤY CÁC SỐ DƯỚI ĐÂY TRỪ ĐI 8. VIẾT SỐ CÒN LẠI TRONG Ô VUÔNG :

4	11	12	10	9	8	13

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Chị Bảy có 11 trứng gà, chị bán hết 7 trứng, chị còn lại bao nhiêu ?
- Anh Ba có 13 cây viết chì, anh cho bạn 4 cây, Anh còn lại bao nhiêu ?
- Nam có 12 hòn bi, làm mất 7, Nó còn lại bao nhiêu ?
- Bà Ba còn 14 con gà, Người bán hàng đem lại có 9 con, Hỏi bà cần mua thêm bao nhiêu con gà cho đủ số ?



TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 15 VÀ 16

A.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----

B.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----

Hàng A cho biết: $15 - 9 = \square$ và $15 - 6 = \square$

Hàng B cho biết: $15 - 8 = \square$ và $15 - 7 = \square$

C.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----

D.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----

Hàng C cho biết: $16 - 9 = \square$ và $16 - 7 = \square$

Hàng D cho biết: $16 - 8 = \square$ và $16 - 7 = \square$

$$\begin{array}{r} 15 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Ông Hai có 15 con cá vàng. Bán hết 6 con. Còn lại mấy con ?
- Có 16 người khách cần qua sông. Xuồng chỉ chở được 8 người. Hỏi bao nhiêu người phải chèo thuyền sau ?

Đặt thành những bài toán đố với những toán trừ dưới đây :

$15 - 8 = \square$ $16 - 7 = \square$ $15 - 9 = \square$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Xem phương-pháp dạy bài 1, chương VII.

TOÁN TRỪ CÓ SỐ LỚN LÀ 17 VÀ 18

A.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

B.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

Hàng A cho biết: $17 - 8 = \square$ và $17 - 9 = \square$

Hàng B cho biết: $18 - 9 = \square$ và $17 - 9 = \square$

Bài tập :

$17 - 8 = \square$ $17 - 9 = \square$ $18 - 9 = \square$

$$\begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

LẤY CÁC SỐ DƯỚI ĐÂY TRỪ ĐI 8 VÀ VIẾT SỐ CÒN LẠI TRONG Ô VUÔNG :

11	17	16	12	18	15	13	14
----	----	----	----	----	----	----	----

LẤY CÁC SỐ DƯỚI ĐÂY TRỪ ĐI 9 VÀ VIẾT SỐ CÒN LẠI TRONG Ô VUÔNG :

11	18	14	13	16	17	12	15
----	----	----	----	----	----	----	----

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Thầy có 17 cuốn sách, phát hết 8 cuốn. Thầy còn lại mấy cuốn ?
- Thanh có 18 con tem dùng hết 9 con. Thanh còn lại bao nhiêu ?
- Nam có 17 viên mực. Nó dùng hết 8 viên. Nó còn mấy viên ?

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Xem phương-pháp dạy bài 1, chương VII.

HỌC ÔN : TOÁN CỘNG VÀ TOÁN TRỪ

$$+ \frac{13}{6} - \frac{12}{9} - \frac{13}{7} + \frac{11}{5} - \frac{14}{5} - \frac{13}{6} + \frac{10}{9} - \frac{12}{8}$$

$$+ \frac{13}{5} - \frac{11}{2} - \frac{12}{4} - \frac{11}{8} - \frac{14}{7} + \frac{12}{7} - \frac{15}{6} - \frac{11}{3}$$

$$- \frac{16}{8} - \frac{11}{6} + \frac{14}{4} - \frac{12}{3} - \frac{13}{9} + \frac{18}{1} - \frac{11}{7} - \frac{14}{8}$$

$$- \frac{18}{9} + \frac{16}{2} - \frac{15}{7} - \frac{13}{5} + \frac{12}{6} - \frac{11}{5} - \frac{12}{7} - \frac{15}{8}$$

$$- \frac{11}{9} - \frac{17}{8} + \frac{12}{5} - \frac{12}{5} - \frac{13}{8} - \frac{14}{6} + \frac{15}{3} - \frac{11}{4}$$

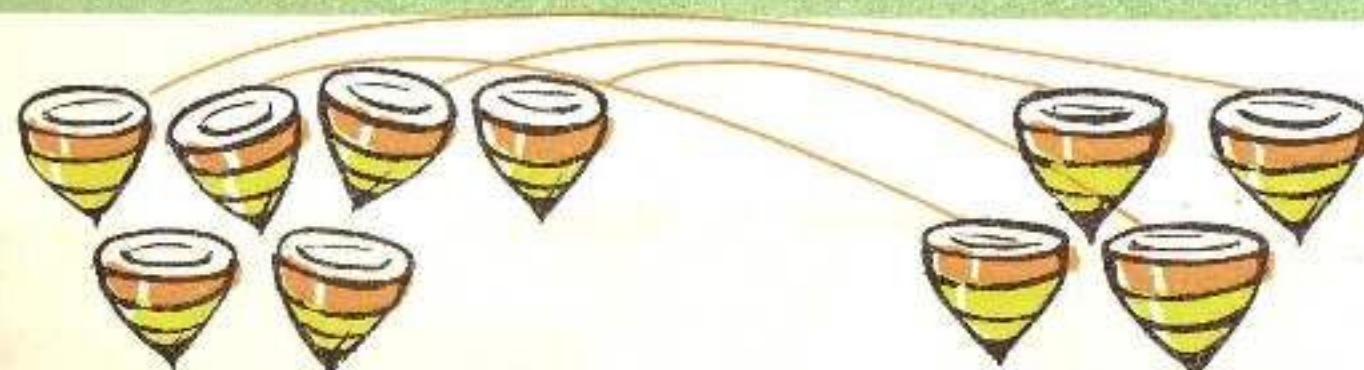
$$+ \frac{17}{2} - \frac{16}{7} - \frac{17}{9} + \frac{13}{4} - \frac{16}{9} - \frac{13}{4} - \frac{12}{6} - \frac{14}{9}$$

TOÁN ĐỐ MIỆNG :

- Ba có 11 cây viết, thầy cho thêm 6 cây.
Ba có cả thảy bao nhiêu ?
- Má Ba có 14 trái xoài, cho hết 8 trái.
Má Ba còn lại bao nhiêu ?
- Một cái cặp sách giá 18\$. Ba chỉ có 11\$.
Ba phải xin thêm bao nhiêu tiền nữa để đủ mua cái cặp ?
- Có 6 con chim ở trên cây. 11 con nữa đến đậu.
Có bao nhiêu con chim trên cây ?
- Lớp học cần 18 hộp viết chì mà chỉ có 9 hộp.
Lớp học cần có thêm bao nhiêu hộp nữa ?
- Ba lên 15 tuổi. Em của Ba là Thu lên 9 tuổi.
Ba lớn hơn Thu mấy tuổi ?

TOÁN TRỪ : Ý-NIỆM VỀ SO-SÁNH

Ai có nhiều hơn ?



Ba có 6 bông vụ

Tâm có 4 bông vụ

Ai có nhiều hơn ?

Nhiều hơn bao nhiêu ?

$$\begin{array}{r} 6 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$



Nam có 12 viên kẹo xanh

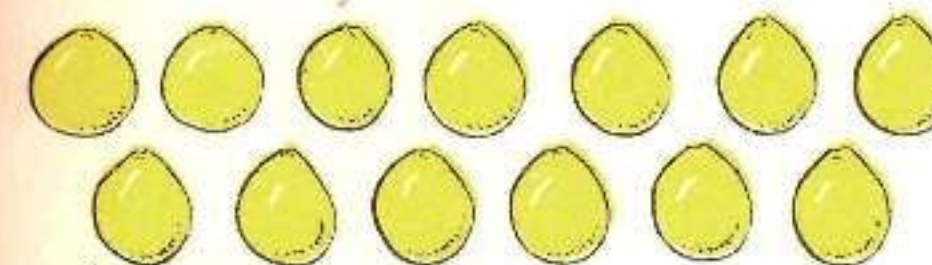
Tư có 7 viên kẹo màu cam

Ai có nhiều hơn ?

Nhiều hơn bao nhiêu ?

$$\begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

Ông Hai có 7 trái cam



Ông Sáu có 13 trái cam

Ai có nhiều hơn ?

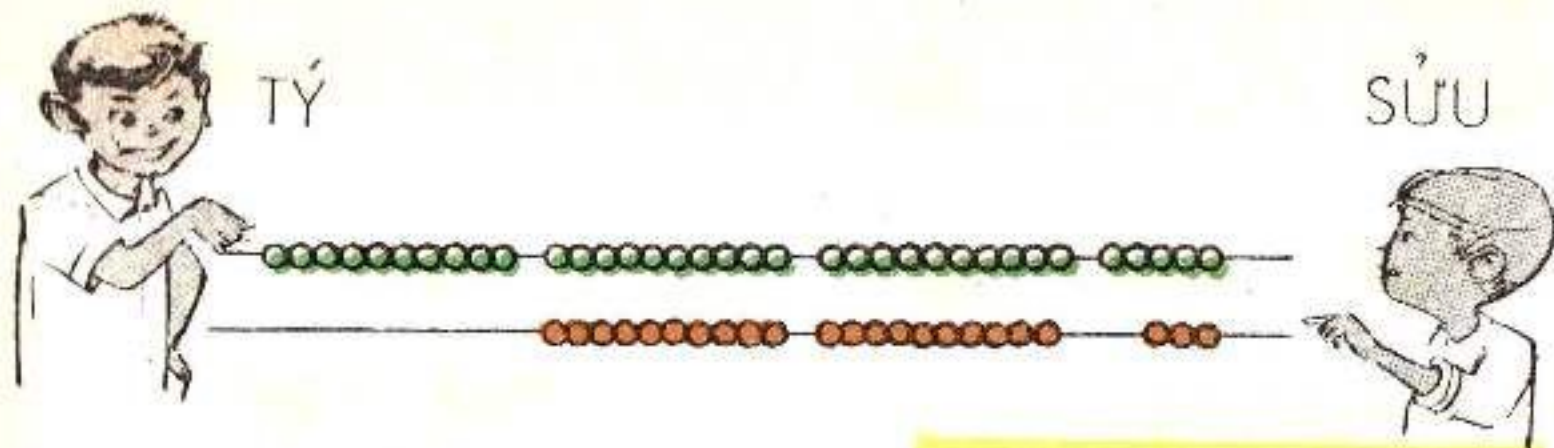
Nhiều hơn bao nhiêu ?

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Mục-dịch : Dạy học-sinh so-sánh hai nhóm bằng cách trừ. Dùng hai nhóm vật có thực để so-sánh.

TOÁN TRỪ NHỮNG SỐ HAI CON



$$\begin{array}{r} 35 = 3 \text{ chục với } 5 \text{ đơn-vị} \\ 23 = 2 \text{ chục với } 3 \text{ đơn-vị} \\ 12 = 1 \text{ chục với } 2 \text{ đơn-vị} \end{array}$$

TRỪ HÀNG ĐƠN-VỊ
TRƯỚC
TRỪ HÀNG CHỤC SAU

chục đơn-vị

4 chục với 6 đơn-vị
2 chục với 2 đơn-vị

chục đơn-vị

6 chục với 5 đơn-vị
3 chục với 1 đơn-vị

chục đơn-vị

chục với đơn-vị

chục	đơn vị
4	6
2	2
6	5
3	1

$$\begin{array}{r} 46 \\ - 22 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 65 \\ - 31 \\ \hline \end{array}$$

Trừ

$$\begin{array}{r} 27 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ - 21 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 27 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 40 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ - 20 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ - 43 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 74 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$$

PHẦN GIÁO-VIÊN :

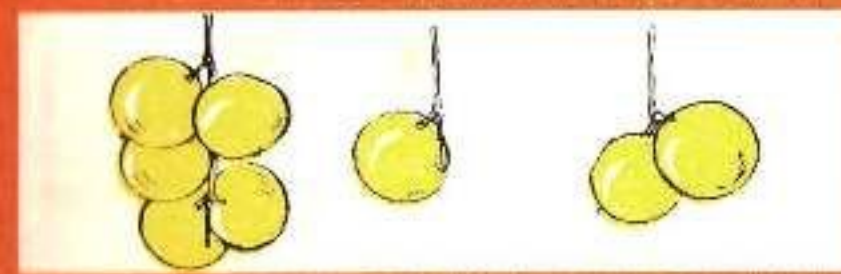
Dùng vật thật để dạy bài toán trừ những số hai con.
Dùng những vật này để dạy « lấy bớt đi » và « so sánh ».
Dùng hình trong bài.

HỌC ÔN TOÁN CỘNG ĐỂ



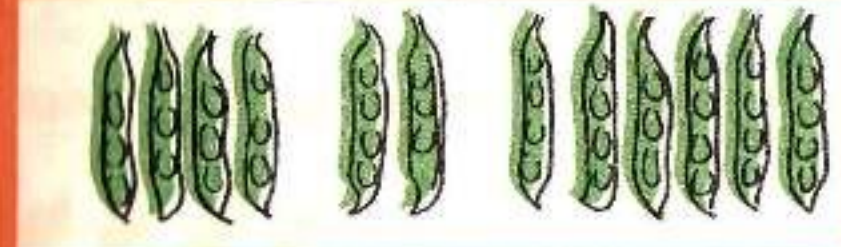
$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline 4 \end{array}$$

$$2 + 3 + 4 =$$



$$\begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$5 + 1 + 2 =$$



$$\begin{array}{r} 4 \\ + 2 \\ \hline 6 \end{array}$$

$$4 + 2 + 6 =$$



$$\begin{array}{r} 8 \\ + 9 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$8 + 9 + 2 =$$

Làm những toán cộng sau này :

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 2 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline 7 \end{array}$$

Điền những số thiếu vào ô trống :

$$4 + 2 + \square = 8$$

$$2 + 1 + \square = 7$$

$$4 + \square + 6 = 13$$

$$\square + 7 + 9 = 18$$

$$4 + 3 + \square = 14$$

$$5 + 5 + \square = 15$$

$$4 + \square + 4 = 11$$

$$\square + 3 + 8 = 19$$

HỌC ÔN TOÁN TRỪ DỄ

	$\begin{array}{r} 19 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$19 - 7 =$
	$\begin{array}{r} 26 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$26 - 6 =$
	$\begin{array}{r} 50 \\ - 20 \\ \hline \end{array}$	$50 - 20 =$
	$\begin{array}{r} 37 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$	$37 - 24 =$
	$\begin{array}{r} 42 \\ - 40 \\ \hline \end{array}$	$42 - 40 =$

Trừ :

$\begin{array}{r} 29 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 38 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 29 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 34 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 40 \\ - 10 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 80 \\ - 40 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 46 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 88 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 53 \\ - 43 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 69 \\ - 69 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 76 \\ - 42 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 98 \\ - 74 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ - 48 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 57 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 82 \\ - 61 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 77 \\ - 74 \\ \hline \end{array}$

PHÉP THỬ TOÁN CỘNG VÀ TOÁN TRỪ

A. Phép thử toán cộng :

$$45 + 11 + 3 = \square$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 11 \\ \hline 3 \\ \hline \end{array}$$

$$14 + 13 + 22 = \square$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ + 13 \\ \hline 22 \\ \hline \end{array}$$

Muốn thử bài toán cộng, ta cộng ngược lại.
Nếu có cùng một tổng số thì bài toán đúng.

$\begin{array}{r} 23 \\ + 15 \\ \hline 38 \end{array}$	Tổng số có được khi cộng ngược	$\begin{array}{r} 32 \\ + 16 \\ \hline 48 \end{array}$	$\begin{array}{r} 52 \\ + 16 \\ \hline 68 \end{array}$	$\begin{array}{r} 42 \\ + 4 \\ \hline 46 \end{array}$	$\begin{array}{r} 21 \\ + 15 \\ \hline 36 \end{array}$
$\begin{array}{r} 31 \\ + 17 \\ \hline 48 \end{array}$	Tổng số có được khi cộng xuôi	$\begin{array}{r} 41 \\ + 16 \\ \hline 57 \end{array}$	$\begin{array}{r} 30 \\ + 16 \\ \hline 46 \end{array}$	$\begin{array}{r} 33 \\ + 4 \\ \hline 37 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 15 \\ \hline 17 \end{array}$

$$\begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline 8 \end{array}$$

số nhỏ
số còn lại
số lớn

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 32 \\ \hline 24 \end{array}$$

Muốn thử toán trừ, ta cộng số nhỏ với số còn lại.
Nếu tổng số bằng số lớn thì bài toán đúng.

$\begin{array}{r} 18 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 35 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ - 43 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 89 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$
--	---	---	---

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Dùng thí-dụ dạy học trò phép thử toán cộng. Dạy các học-sinh thử toán cộng bằng cách cộng ngược lại chiều đã cộng.
Nếu 2 tổng số không giống nhau, thì có một tổng số sai. Cũng dùng thí-dụ như trên dạy học trò phép thử toán trừ. Cộng số nhỏ với số còn lại. Tổng số bằng số lớn là bài toán đúng.
Sau khi làm xong trang này, cho học-sinh làm những bài tập khác.

PHÉP ĐO LƯỜNG

Cây mét thẳng Cây mét gấp Mét cuộn



Trò hãy cho biết những người nào khác đã dùng cây mét thẳng ? Cây mét gấp ? Cây mét cuộn ?

Dùng cây mét :

1. Bề dài lớp học của trò bao nhiêu mét ? m
2. Bề ngang lớp học của trò bao nhiêu mét ? m
3. Bề cao cái bàn có đủ một mét không ? m
4. Tấm bảng dài bao nhiêu ? m
5. Bề ngang cái cửa là bao nhiêu ? m
6. Bề cao cái tủ là bao nhiêu ? m



MÉT viết tắt là m.

TOÁN ĐỐ :

1. Chị Hai lần đầu mua 6m vải, lần thứ nhì mua 6m và lần cuối cùng mua 9m. Hỏi chị mua tất cả bao nhiêu mét vải ?
2. Phòng trước dài 5m, phòng giữa 4m và phòng sau 3m. Chiều dài nhà ấy bao nhiêu ?
3. Chị tôi có 1 cây vải 28m, may áo hết 16m. Chị tôi còn lại bao nhiêu mét vải ?

PHẦN GIÁO - VIÊN :

1. Dùng mét thẳng, mét gấp, mét cuộn để dạy.
Cho học trò quan-sát, ước-lượng chiều dài 1m bằng sải tay, gang tay. Vì sự đo lường khó có thể chính xác được nên những câu trả lời về đo lường trong chương này nên làm tròn số với đơn-vị đang học. Thí-dụ : 9m20 cho là 9m và 7m80 cho là 8m.
2. Tập đo và ước-lượng (bề dài lớp học, bề ngang cái bàn, bề cao cái tủ), tính ra mét.
3. Bài tập :
a. Cho đóng kịch về tập đo lường thật, anh thợ mộc, anh thợ hàn.
b. Toán đố miệng : cộng và trừ về mét.

ĐỀ-XI-MÉT



Cây mét chia ra làm mấy phần bằng nhau ?

Mỗi phần bằng nhau ấy gọi là gì ?

10 ĐỀ-XI-MÉT = 1 mét

Đề-xi-mét viết tắt là dm

10 dm = 1 m

TẬP ĐO :

1. Tập vở của em dài bao nhiêu đề-xi-mét ?
2. Cái bàn của em cao bao nhiêu đề-xi-mét ?
3. Học tủ cao bao nhiêu đề-xi-mét ?
4. Mỗi cạnh của miếng gạch trong lớp dài bao nhiêu đề-xi-mét ?



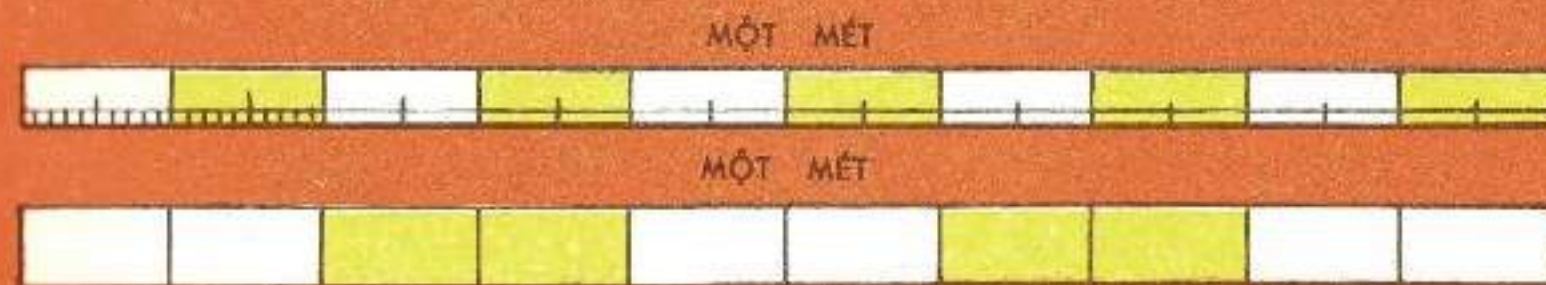
TOÁN ĐỐ :

1. Trò Yến mua 5dm vải lót, lần sau 8dm. Trò mua tất cả bao nhiêu đề-xi-mét vải lót ?
2. Tân mua 8dm ren về may thấy thiếu 6dm ren nữa. Hỏi Tân cần tất cả bao nhiêu dm ren ?
3. Ba có 9dm giấy màu, cắt bớt 7dm. Ba còn lại bao nhiêu ?

PHẦN GIÁO - VIÊN :

1. Giáo viên làm 1 cây mét như hình vẽ, không có số, chia làm 10 phần tô màu khác nhau ?
2. Cho trẻ em làm 1 đề-xi-mét bằng tre, bằng bìa cứng v.v.
3. Bảo các em dùng mét thẳng đo các vật có thật.
4. Bảo các em đo chiều cao của nhau ?

ĐỀ-XI-MÉT ĐÔI



Bao nhiêu đề-xi-mét đôi bằng 1 mét? đm

Đề-xi-mét đôi viết tắt là đm.

Hai đề-xi-mét bằng 1 đề-xi-mét đôi.

$$5 \text{ đm} = 1 \text{ m}$$

$$1 \text{ đm} = 2 \text{ đm}$$



TẬP ĐO :

- Đo bề dài cây thước kẻ. Bao nhiêu đm?
- Đo bề dài tấm giấy màu của em. Bao nhiêu đm?
- Tìm vài đồ vật dài hơn 1 đm.
- Tìm vài đồ vật ngắn hơn 1 đm.

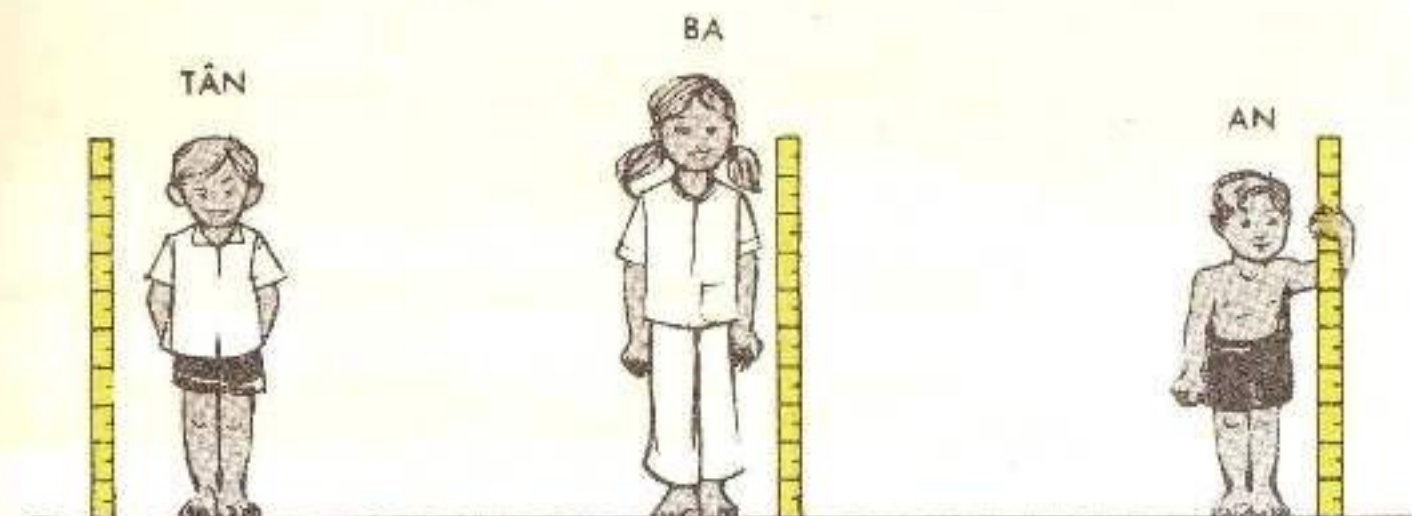
TOÁN ĐO :

- Tám cần 3 đm vải để may khăn tay, 2 đm vải để may một cái túi. Hỏi Tám phải mua tất cả bao nhiêu đm vải?
- Trò Ba viên một cái nón hết 3 đm ruy-băng. Trò có sẵn 2 đm. Trò phải mua thêm bao nhiêu đm ruy-băng nữa mới đủ số?
- Một tấm giấy màu đo được 3 đm. Nam cắt lấy ra 4 đm. Hỏi tấm giấy màu ấy còn lại bao nhiêu đm?

PHẦN GIÁO-VIÊN :

Dạy như bài trước.

HỌC ÔN VỀ MÉT



- Trò nào cao hơn 1 m?
- Trò nào cao bằng 1 m?
- Trò nào thấp hơn 1 m?

Tìm các vật dài hơn 1 m, bằng 1 m và ngắn hơn 1 m.

- Một sợi của em có dài hơn 1 m hay không?
- Một bước của trò có ngắn hơn 1 m hay không?
- Em cao hơn 1 m không?
- Em cao bằng 1 m không?
- Em cao hơn 1 m không?

Đếm coi chiều dài lớp học được mấy bước của trò?

Chiều ngang lớp học bằng mấy sải tay của trò?

Chiều cao cái bàn bằng mấy gang tay của trò?

Cộng :

$$\begin{array}{r} 14^m \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11^m \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 24^m \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 31^m \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14^m \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

Trừ :

$$\begin{array}{r} 17^m \\ - 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29^m \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 18^m \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36^m \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 38 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

HỌC ÔN VỀ ĐỀ-XI-MÉT VÀ ĐỀ-XI-MÉT ĐÔI

TẬP ĐO :



1. Ngón cái của trò có dài hơn 1 dm không? dm
2. Cánh tay của trò đo được bao nhiêu dm? dm
3. Bề dài tờ giấy trắng đo được bao nhiêu dm? dm

Cộng :

$$\begin{array}{r} 24 \text{ dm} \\ + 13 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 18 \text{ dm} \\ + 21 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 32 \text{ dm} \\ + 17 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 21 \text{ dm} \\ + 28 \text{ dm} \\ \hline \end{array}$$

Trừ :

$$\begin{array}{r} 19 \text{ dm} \\ - 8 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \text{ dm} \\ - 15 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 28 \text{ dm} \\ - 22 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 25 \text{ dm} \\ - 13 \text{ dm} \\ \hline \end{array}$$

Có bao nhiêu dm?

$$1 \text{ dm} + \boxed{} \text{ dm} = 2 \text{ dm} \quad 2 \text{ dm} + \boxed{} \text{ dm} = 3 \text{ dm}$$

Phải thêm bao nhiêu dm?

$$1 \text{ dm} + \boxed{} \text{ dm} = 1 \text{ m} \quad \boxed{} \text{ dm} + 2 \text{ dm} = 1 \text{ m}$$

$$2 \text{ dm} + \boxed{} \text{ dm} = 1 \text{ m} \quad 4 \text{ dm} + \boxed{} \text{ dm} = 1 \text{ m}$$

Cộng :

$$\begin{array}{r} 6 \text{ dm} \\ + 3 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \text{ dm} \\ + 17 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 24 \text{ dm} \\ + 35 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 18 \text{ dm} \\ + 41 \text{ dm} \\ \hline \end{array}$$

Trừ :

$$\begin{array}{r} 9 \text{ dm} \\ - 7 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 16 \text{ dm} \\ - 12 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 38 \text{ dm} \\ - 24 \text{ dm} \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 19 \text{ dm} \\ - 8 \text{ dm} \\ \hline \end{array}$$

DÙNG TIỀN-TỆ ĐỒNG 1 CẮC, ĐỒNG 2 CẮC



$$= 0 \text{ đ } 10 \text{ hay } 1 \text{ cắt}$$

$$= 0 \text{ đ } 20 \text{ hay } 2 \text{ cắt}$$

$$= 0 \text{ đ } 20 \text{ hay } 2 \text{ cắt}$$

Có bao nhiêu cắt?

Đếm coi có bao nhiêu?



=



=

0 đ 30

Cộng xem có bao nhiêu cắt:

$$2^c + 1^c + 1^c =$$

$$2^c + 2^c + 2^c + 1^c =$$

$$2^c + 2^c + 1^c =$$

$$2^c + 2^c + 2^c + 1^c + 1^c =$$

$$2^c + 2^c + 2^c + 2^c =$$

$$2^c + 2^c + 2^c + 2^c + 1^c =$$

Cộng hoặc trừ :

$$\begin{array}{r} 2 \text{ cắt} \\ + 2 \text{ cắt} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \text{ cắt} \\ - 1 \text{ cắt} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \text{ cắt} \\ - 2 \text{ cắt} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \text{ cắt} \\ + 3 \text{ cắt} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \text{ cắt} \\ - 1 \text{ cắt} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \text{ cắt} \\ + 1 \text{ cắt} \\ \hline 2 \text{ cắt} \end{array}$$

PHẦN GIÁO-VIÊN :

- Giáo viên có thể làm những bịch các bằng giấy bồi để dạy các em.
- Cho học-sinh nhận hình trên hai mặt của đồng 1 cắt, đồng 2 cắt (đồng 1 cắt hiện giờ là đồng nhỏ nhất trong các thứ tiền-tệ Việt-Nam).
- Dùng tiền thật hoặc dùng tiền giấy bồi để dạy học-sinh đếm và viết tổng số, sau cùng dùng hình để hỏi lại.

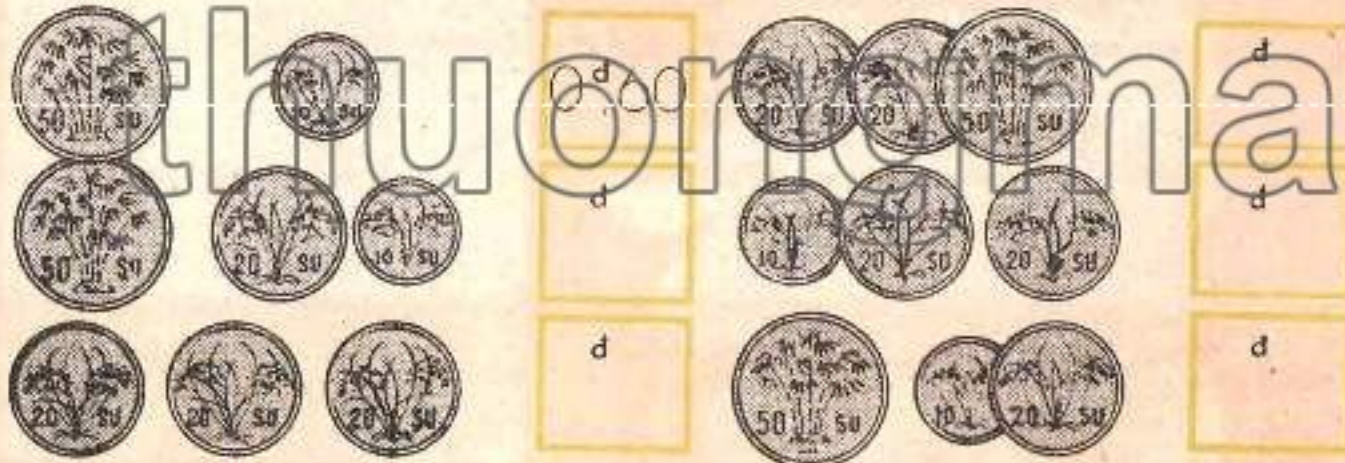
ĐỒNG 5 CẮC



0 đ, 50



Đếm coi được bao nhiêu ?



Khoanh tròn những đồng các để có 5 các



PHẦN GIÁO - VIÊN :

— Cho học-sinh xem đồng 5 các. Dùng tiền thật hoặc dùng tiền giấy bởi để giảng cách đếm và đổi tiền. Sau dùng hình vẽ trên để hỏi lại.

HỌC ÔN VỀ TIỀN-TỆ



=

0 đ 10



=

0 đ 20



=

0 đ 50

Đếm và viết :



1 các = 0 đ 10

các =

các =

các =

Các vật dưới đây giá tất cả bao nhiêu ?



0 đ 10



0 đ 20



0 đ 50



0 đ 30



0 đ 20



0 đ 10



0 đ 50



0 đ 30

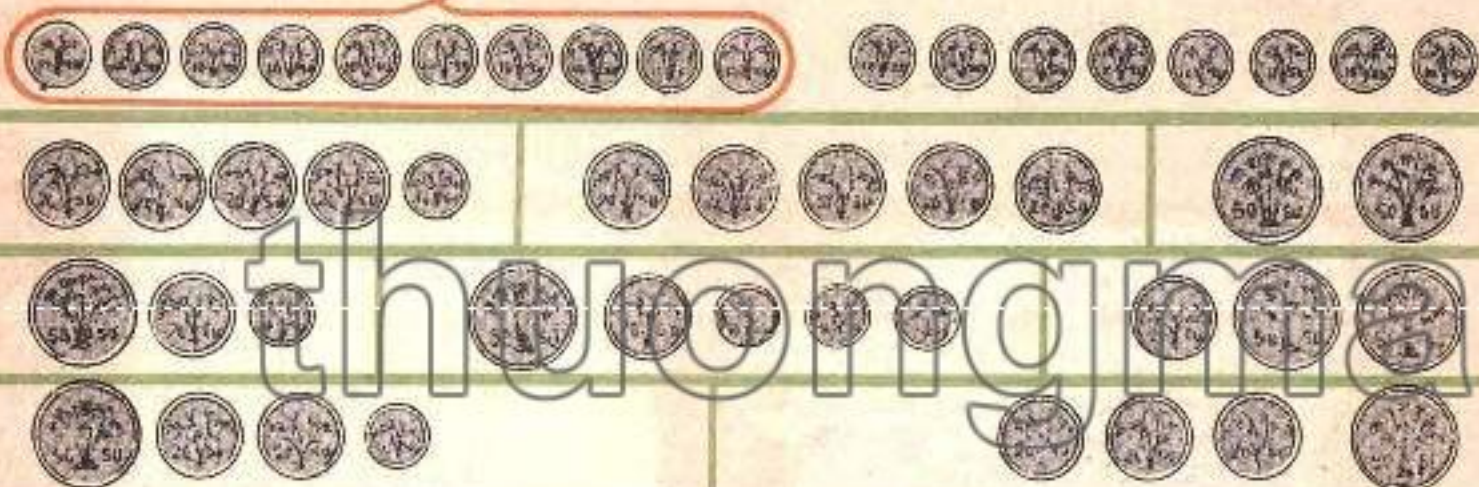


0 đ 30

ĐỒNG 1 ĐỒNG VÀ GIẤY 1 ĐỒNG



Khoanh tròn nhóm tiền bằng 1 đồng.



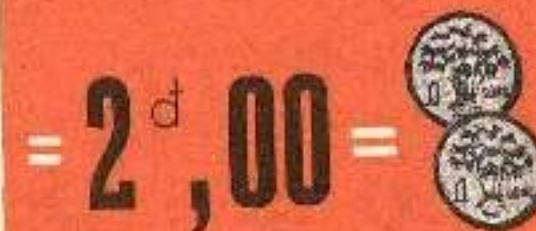
Đếm xem có bao nhiêu?



PHẦN GIÁO - VIÊN :

- Cho học-sinh xem vài tờ giấy bạc 1 đ và vài đồng bạc 1 đ.
- Cho học-sinh so-sánh cỡ và sức nặng của những đồng tiền kền.
- Dùng tiền thật hoặc tiền bằng giấy bồi để dạy học-sinh đếm và đổi.
- Sau dùng hình vẽ trên để hỏi lại.

GIẤY BẠC 2 ĐỒNG



Vẽ thêm cho đủ 2 đồng.



PHẦN GIÁO - VIÊN :

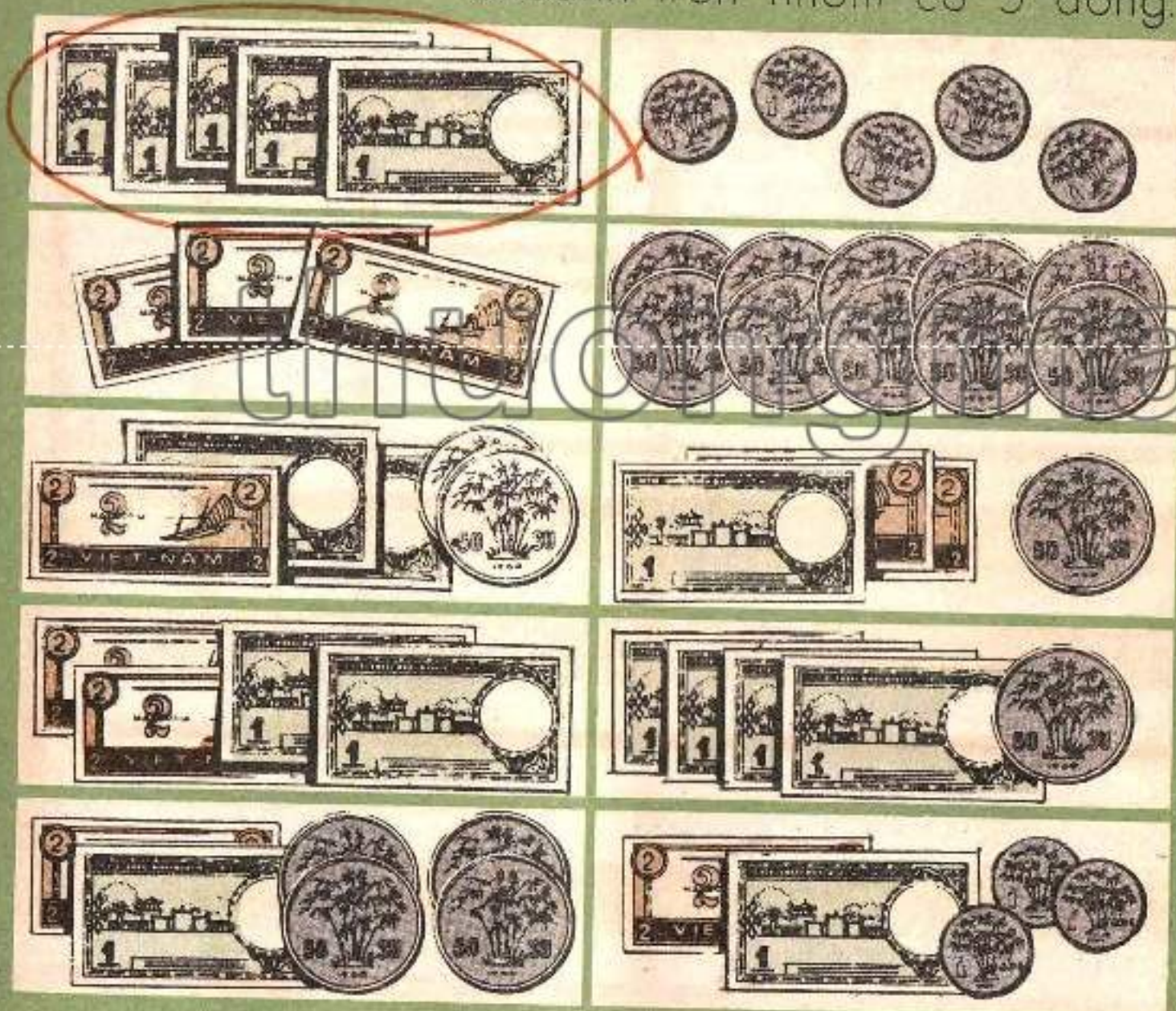
- Cho học-sinh xem tờ giấy bạc 2 đ.
- Dùng tiền thật hoặc dùng tiền giấy bồi để dạy và cho tập đổi tiền.
- Sau dùng những hình vẽ để hỏi lại.

GIẤY BẠC 5 ĐỒNG



= 5 đ, 00

Khoanh tròn nhóm có 5 đồng.



PHẦN GIÁO VIÊN:

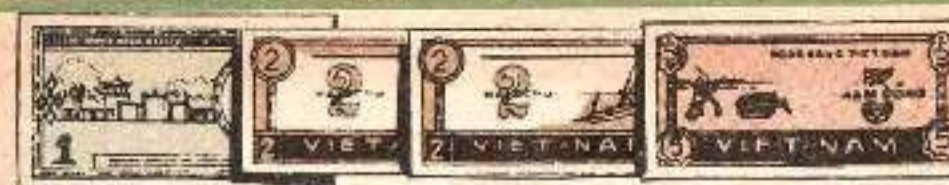
- Cho học sinh xem loại giấy 5đ.
- Dùng tiền thật hoặc tiền đồ giáo viên vẽ ra cho học sinh tập đổi.
- Sau dùng hình vẽ trên để hỏi lại.

HỌC ÒN ĐẾM VÀ VIẾT SỐ TIỀN



6 đồng

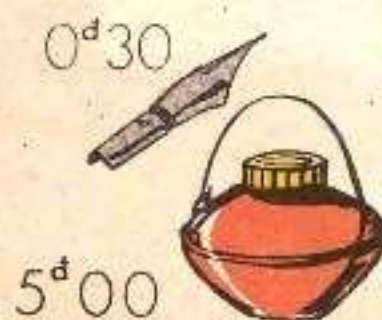
6^d



Viết từ 1^d đến 3^d90.

1 ^d 00	1 ^d 10	1 ^d 20				1 ^d 60		1 ^d 90
	2 ^d 10					2 ^d 50		
			3 ^d 30					3 ^d 90

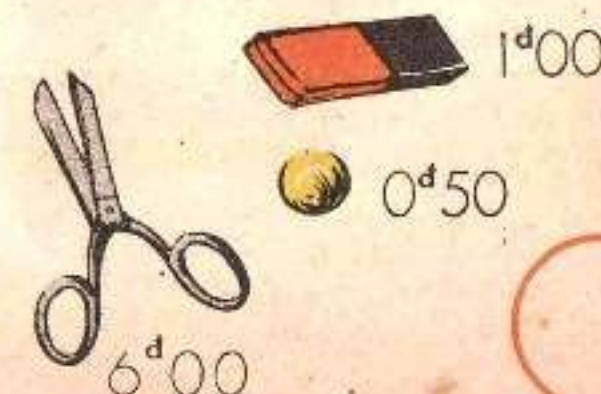
Các vật dưới đây giá tất cả bao nhiêu?



0^d30

5^d00

0^d10
0^d10
0^d10



1^d00

0^d50

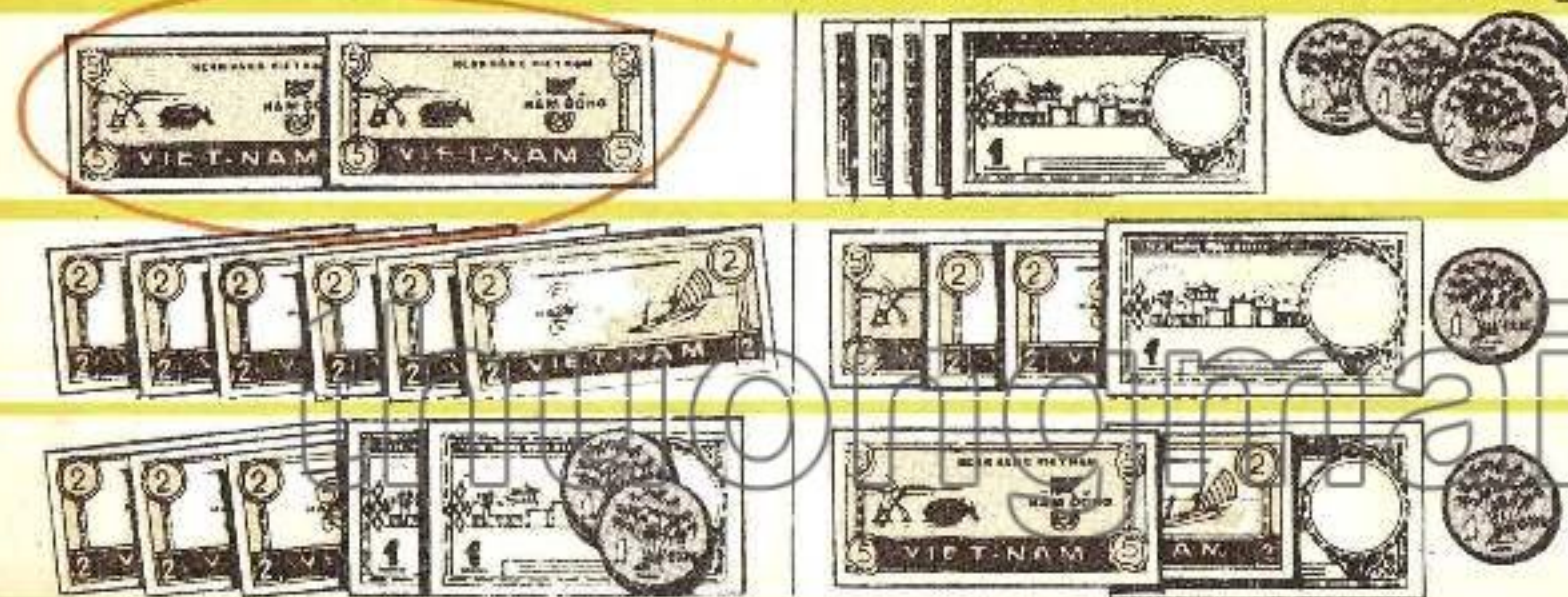
6^d00

GIẤY BẠC 10 ĐỒNG

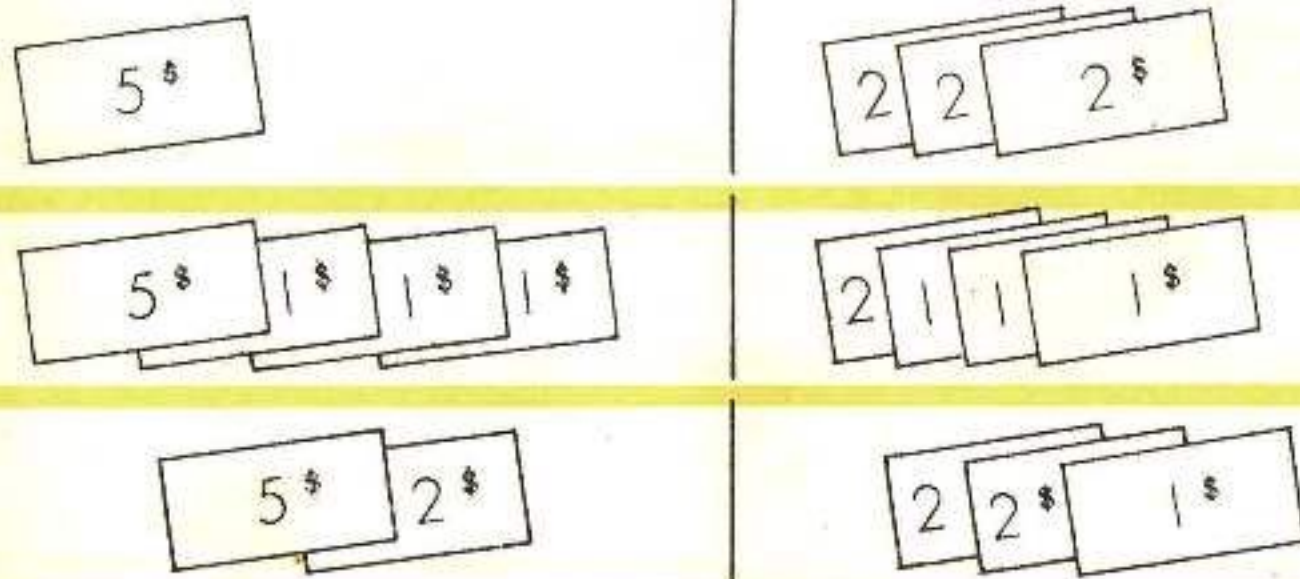


= 10 đ,00

Khoanh tròn nhóm có 10 đồng.



Vẽ thêm tiền giấy cho đủ 10 đồng.



PHẦN GIÁO - VIÊN :

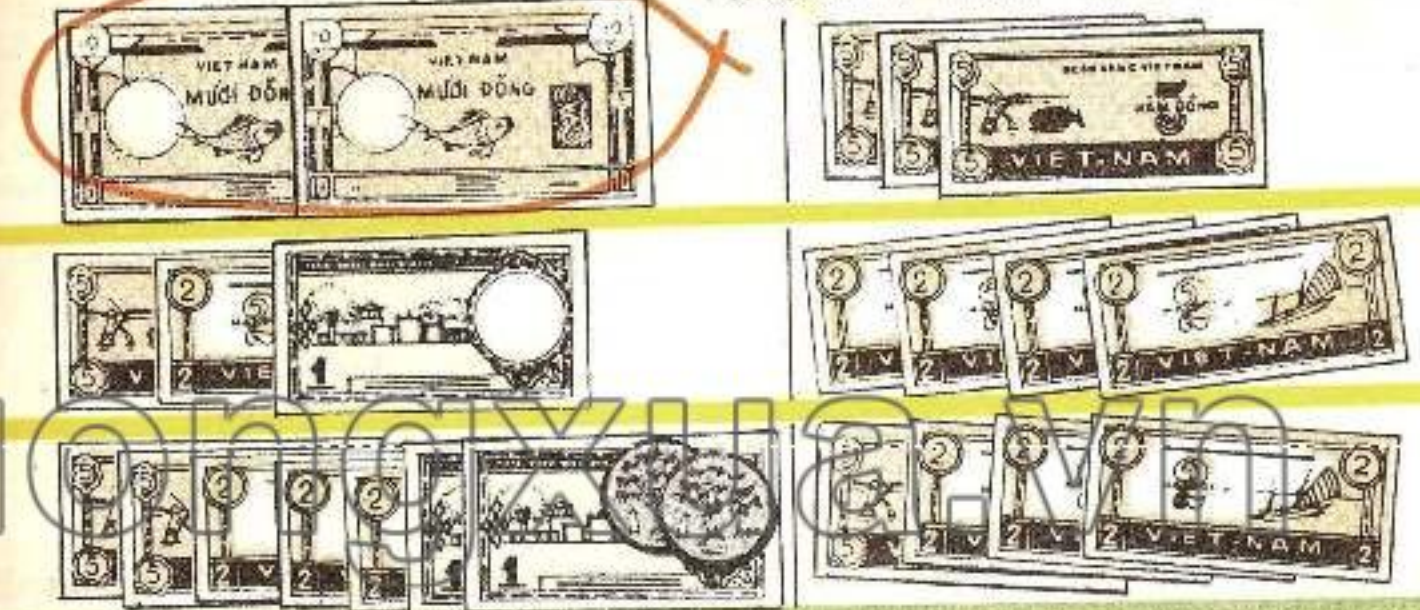
- Cho học-sinh xem loại giấy 10 đ, nhận rõ khổ giấy, màu sắc và nhớ là con số 10 đồng để khỏi lẫn lộn với các giấy 5 đ, 2 đ hoặc 1 đ.
- Dùng tiền thật (1 đ, 2 đ, 5 đ, 0 đ 50) hoặc tiền do giáo-viên vẽ ra cho học-sinh tập đổi giấy 10 đ lấy tiền lẻ.

GIẤY BẠC 20 ĐỒNG

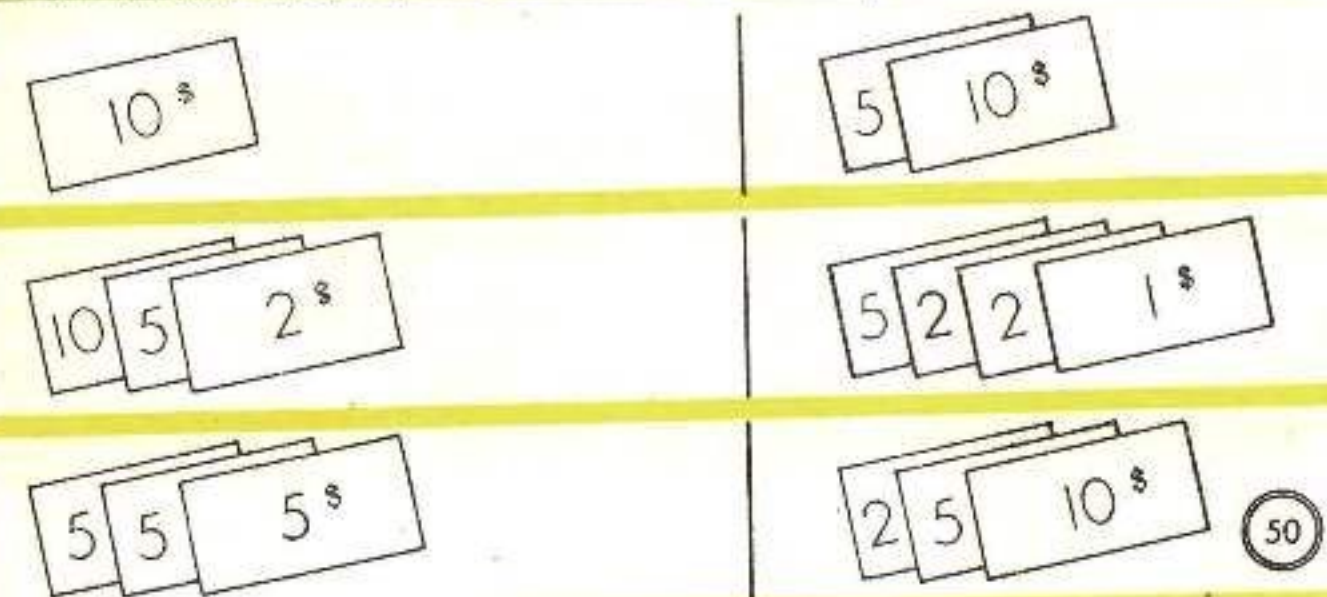


= 20 đ,00

Khoanh tròn nhóm có 20 đồng.



Vẽ thêm tiền cho đủ 20 đồng.



PHẦN GIÁO - VIÊN :

- Dùng giấy bạc thật 10 đ, 2 đ, 5 đ, 10 đ hoặc giấy bạc do giáo-viên vẽ ra để giải nghĩa và cho học-sinh tập đổi một tờ giấy bạc 20 đ lấy tiền lẻ.
- Sau dùng hình vẽ trên.

TRẢ TIỀN VÀ THỐI TIỀN

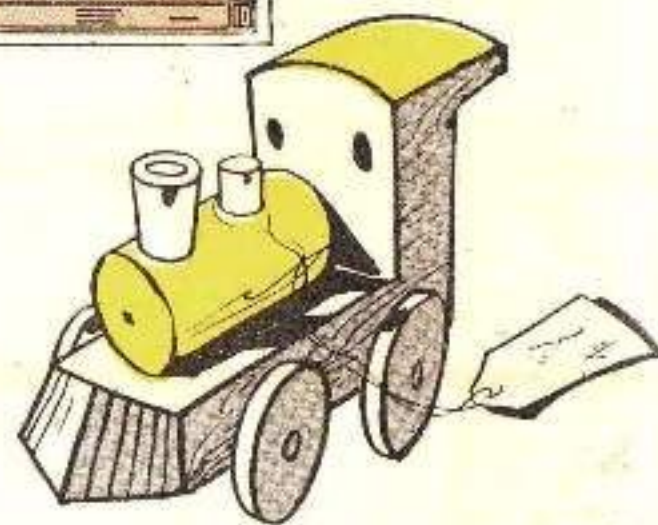
Nhà hàng phải thối lại bao nhiêu ?



Thối lại :



Thối lại :



Thối lại :

HỌC ÔN : CỘNG VÀ TRỪ BẰNG TIỀN



Chị tôi mua một quả cam giá 6đ và một quả bưởi 12đ. Chị tôi phải trả bao nhiêu tiền ?

$$\begin{array}{r} 6^d \\ + 12^d \\ \hline \end{array}$$

Cộng :

$\begin{array}{r} 4^d \\ + 5^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3^d \\ + 4^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10^d \\ + 14^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 30^d \\ + 20^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15^d \\ + 4^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12^d \\ + 16^d \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 21^d \\ + 16^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15^d \\ + 24^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 32^d \\ + 14^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 23^d \\ + 25^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16^d \\ + 12^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 24^d \\ + 13^d \\ \hline \end{array}$

Má tôi vào hiệu mua một cân bột giá 10đ và trả một tờ giấy 20đ. Nhà hàng phải thối lại bao nhiêu ?

$$\begin{array}{r} 20^d \\ - 10 \\ \hline \end{array}$$

Trừ :

$\begin{array}{r} 9^d \\ - 7^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 8^d \\ - 5^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 24^d \\ - 10^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 35^d \\ - 12^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 37^d \\ - 14^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 38^d \\ - 15^d \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 24^d \\ - 13^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 38^d \\ - 7^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 60^d \\ - 40^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 46^d \\ - 23^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 59^d \\ - 24^d \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 38^d \\ - 12^d \\ \hline \end{array}$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Sau bài này, cho học-sinh đóng kịch về mua bán.

TOÁN CỘNG CÓ NHỚ

Ý-niệm về chục và đơn-vị

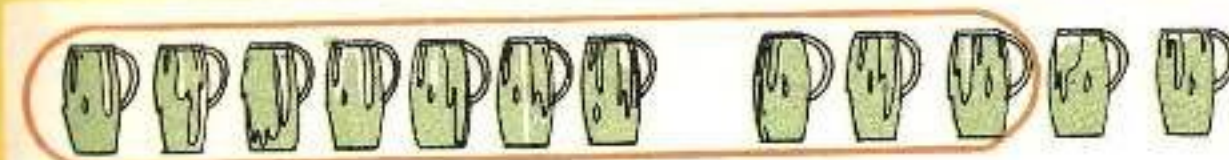
CHỤC ĐƠN-VỊ CHỤC ĐƠN-VỊ SỐ

	II	IIII	2	4	24
	III	III			

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Bài này có mục-dịch giải-nghĩa một cách rã-rệt và cụ-thể ý-niệm về chục và đơn-vị.

HOC ÔN VỀ TOÁN CỘNG KHÓ

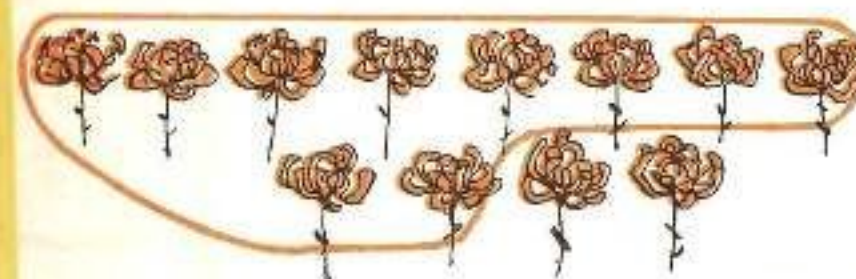


7

+

5

=



chục

đơn-vị

+

8

+

8

4

4

1

2



chục

đơn-vị

+

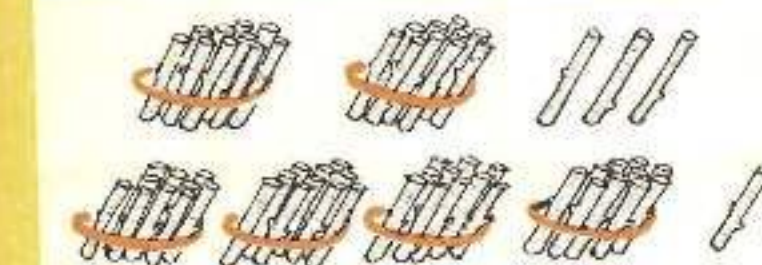
6

+

6

7

7



chục

đơn-vị

+

2

+

2

3

3

4

1

4

1

Cộng :

$\begin{array}{r} 7 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 32 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ + 44 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 51 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 52 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 43 \\ + 43 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 27 \\ + 42 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 74 \\ + 15 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 83 \\ + 14 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 51 \\ + 36 \\ \hline \end{array}$

TOÁN CỘNG CÓ NHỚ

	CHỤC ĐƠN-VỊ	SỐ
	$\begin{array}{r} 25 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 25 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 32 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 34 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 56 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 56 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$

Cộng :

$\begin{array}{r} 24 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 28 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 38 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 44 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 42 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 55 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 64 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 37 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 65 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 28 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 37 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 59 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$

PHẦN GIÁO VIÊN:

Dùng những vật thật (đũa, tiền, bàn toán) để chỉ cho học sinh biết gộp 10 đơn vị thành một chục khi có nhớ. Đoan cắt nghĩa hình vẽ trong bài cho học sinh làm bài tập.

TOÁN CỘNG CÓ NHỚ (tiếp theo)

	CHỤC ĐƠN-VỊ	SỐ
	$\begin{array}{r} 25 \\ + 19 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 25 \\ + 19 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 44 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 44 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 57 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 57 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 84 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 84 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 84 \\ + 28 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 84 \\ + 28 \\ \hline \end{array}$

Cộng :

$\begin{array}{r} 44 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 49 \\ + 12 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 37 \\ + 15 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 56 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 65 \\ + 19 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ + 25 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 29 \\ + 49 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 53 \\ + 38 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ + 14 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 74 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 77 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 28 \\ + 24 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 43 \\ + 28 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 58 \\ + 19 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 69 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 73 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$

BÀI TẬP VÀ TOÁN ĐỐ

$\begin{array}{r} 19 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 26 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 33 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 47 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 58 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 66 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 25 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 38 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 49 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 9 \\ + 2 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + 8 \\ \hline 9 \end{array}$
$\begin{array}{r} 15 \\ + 6 \\ \hline 6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ + 3 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 21 \\ + 8 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 23 \\ + 4 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 1 \\ \hline 8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 45 \\ + 2 \\ \hline 6 \end{array}$
$\begin{array}{r} 8 \\ + 27 \\ \hline 9 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + 52 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 18 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + 61 \\ \hline 6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 32 \\ \hline 8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 46 \\ \hline 4 \end{array}$
$\begin{array}{r} 4 \\ + 9 \\ \hline 25 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline 56 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline 17 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + 7 \\ \hline 31 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline 43 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ + 1 \\ \hline 68 \end{array}$

TOÁN ĐỐ :

- Mẹ trò Ba mua một con gà giò giá 35 đ và một con vịt giá 27 đ.
Hỏi mẹ trò Ba phải trả bao nhiêu tiền ?
- Một con gà mái dẫn 15 gà con đi ăn.
Con gà mái khác dẫn 16 con.
Hai con gà mái đó dẫn tất cả bao nhiêu gà con ?
- Anh Nam lãnh lần đầu 29 đ, lần thứ nhì 24 đ.
Hai lần anh Nam lãnh được bao nhiêu ?
- Ông Tâm trồng hai dòng cây. Dòng thứ nhất được 18 cây,
dòng thứ nhì được 24 cây. Cả hai dòng được mấy cây ?

BÀI TẬP VÀ TOÁN ĐỐ

$\begin{array}{r} 27 \\ + 28 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 35 \\ + 46 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 24 \\ + 38 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 39 \\ + 32 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 45 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 54 \\ + 29 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 44 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 33 \\ + 19 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 24 \\ + 67 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 57 \\ + 16 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 28 \\ + 55 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 63 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 23 \\ + 36 \\ \hline 8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 29 \\ + 42 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ + 25 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 38 \\ + 43 \\ \hline 6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 49 \\ + 22 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 72 \\ + 11 \\ \hline 8 \end{array}$
$\begin{array}{r} 25 \\ + 28 \\ \hline 2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 37 \\ + 14 \\ \hline 1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 43 \\ + 37 \\ \hline 3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 56 \\ + 13 \\ \hline 8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ + 25 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 58 \\ + 13 \\ \hline 9 \end{array}$
$\begin{array}{r} 39 \\ + 12 \\ \hline 27 \end{array}$	$\begin{array}{r} 32 \\ + 23 \\ \hline 17 \end{array}$	$\begin{array}{r} 53 \\ + 28 \\ \hline 14 \end{array}$	$\begin{array}{r} 26 \\ + 42 \\ \hline 23 \end{array}$	$\begin{array}{r} 62 \\ + 15 \\ \hline 16 \end{array}$	$\begin{array}{r} 56 \\ + 13 \\ \hline 22 \end{array}$
$\begin{array}{r} 26 \\ + 37 \\ \hline 21 \end{array}$	$\begin{array}{r} 34 \\ + 19 \\ \hline 22 \end{array}$	$\begin{array}{r} 59 \\ + 12 \\ \hline 14 \end{array}$	$\begin{array}{r} 28 \\ + 34 \\ \hline 38 \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 27 \\ \hline 29 \end{array}$	$\begin{array}{r} 35 \\ + 29 \\ \hline 18 \end{array}$

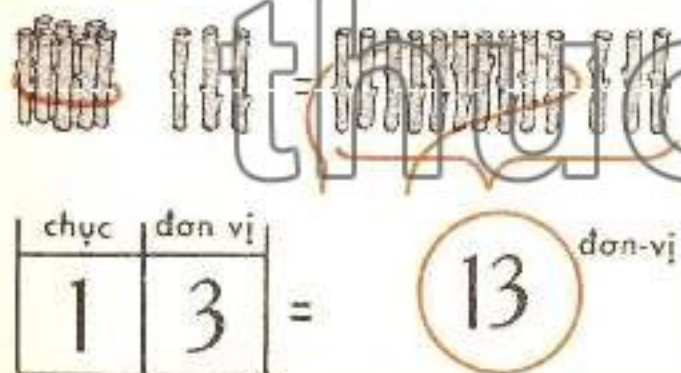
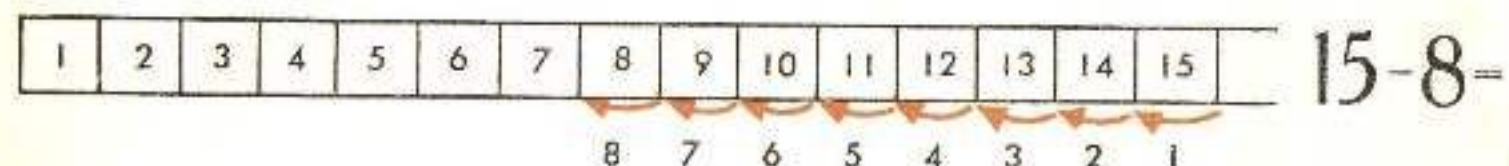
TOÁN ĐỐ :

- Ông Hiệu-trưởng lãnh của Ty Tiểu-học
lần đầu 35 hộp phấn, lần thứ nhì 46 hộp.
Hai lần ông Hiệu-trưởng lãnh được bao nhiêu hộp phấn ?
- Lớp Năm có 47 học-sinh, lớp Tư có 44.
Hỏi hai lớp có bao nhiêu học-sinh ?
- Lớp Năm nhận lần đầu 22 cuốn sách Toán,
lần kế 7 cuốn và sau cùng 39 cuốn.
Hỏi lớp Năm lãnh được tất cả mấy cuốn sách Toán ?
- Ba anh em góp chung một số tiền.
Anh Hai góp 41 đ, anh Ba 19 đ và anh Tư 8 đ.
Tính coi ba anh em góp được bao nhiêu tiền ?

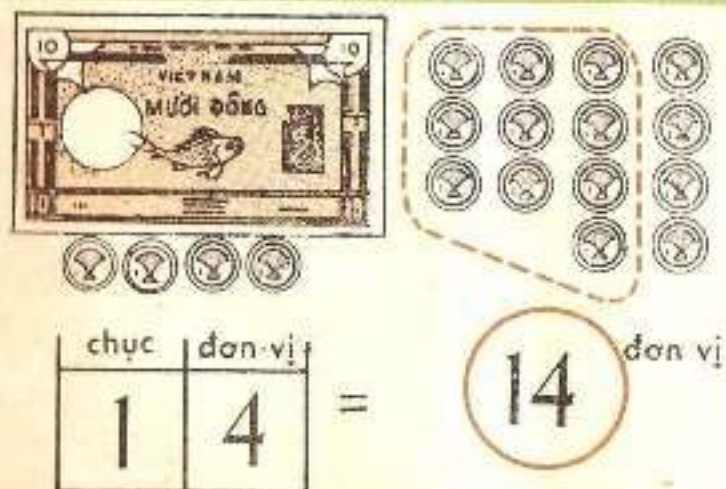
Ý-NIỆM VỀ TOÁN TRỪ CÓ ĐỔI 1 CHỤC RA ĐƠN-VỊ HỌC ÔN : TOÁN TRỪ KHÓ



$$16 - 7 =$$



$$13 - 8 = \square$$



$$14 - 5 = \square$$

PHÂN GIÁO VIÊN:

- Dùng vật cụ thể (hòn bi, đũa, bàn toán, tiền) để giải thích cho học sinh biết rõ ý-niệm về toán trừ có đổi một chục ra đơn vị.
- Tháo một bộ một chục đũa ra 10 chiếc nhập chung vào đơn-vị để có thể trừ được, hoặc đổi một tờ giấy 10đ ra 10 tờ giấy lẻ nhập chung vào đơn vị để có thể trừ được.

BÀI TẬP

Làm các toán trừ dưới đây :

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 17 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 15 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 15 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 16 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 16 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 18 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 15 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 16 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 15 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 18 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 17 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$14 - 5 =$$

$$13 - = 5$$

$$- 5 = 7$$

$$15 - 7 =$$

$$16 - = 8$$

$$- 8 = 6$$

$$18 - 9 =$$

$$17 - = 9$$

$$- 9 = 7$$

$$16 - 8 =$$

$$14 - = 7$$

$$- 4 = 9$$

$$13 - 6 =$$

$$18 - = 9$$

$$- 8 = 7$$

$$17 - 9 =$$

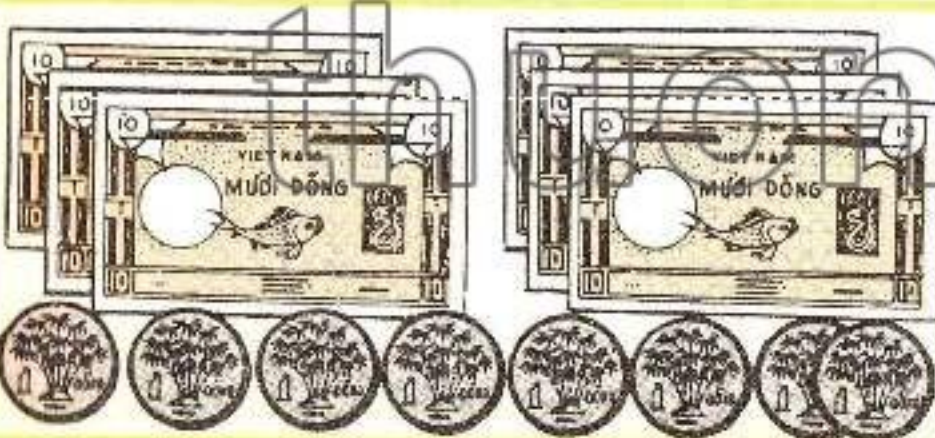
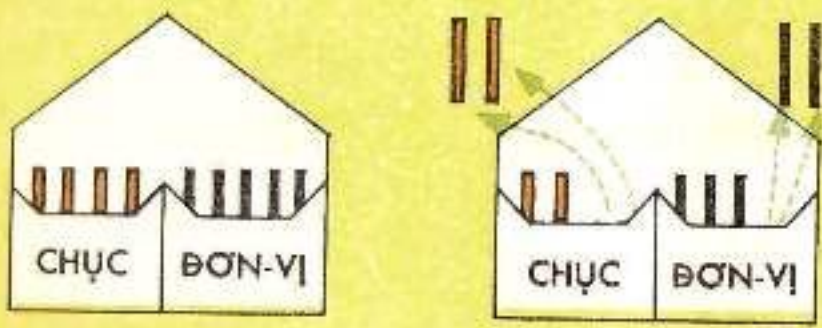
$$15 - = 6$$

$$- 9 = 8$$

HỌC ÔN : TOÁN TRỪ CÓ HÀNG CHỤC

CHỤC ĐƠN-VỊ

SỐ

	$\begin{array}{r} 34 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 34 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 57 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 57 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 68 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 45 \\ - 22 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 45 \\ - 22 \\ \hline \end{array}$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

- Coi lại ý-niệm về toán trừ trong bài 10, chương VII :
 1. Trước hết, trừ đơn-vị.
 2. Sau, trừ hàng chục.
- Dùng vật cụ-thể (đũa, bàn toán, tiền, túi đựng chục và đơn-vị) để trình-bày ý-niệm trên.

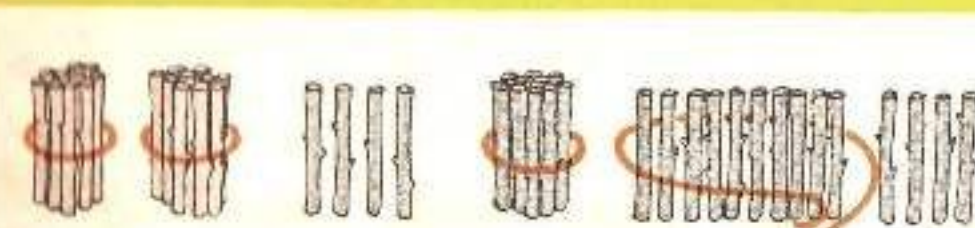
BÀI TẬP

Làm các toán trừ dưới đây :

$\begin{array}{r} 29 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 18 \\ - 14 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 66 \\ - 44 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 55 \\ - 42 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 14 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 97 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 19 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 28 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 27 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 39 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 28 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 43 \\ - 21 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 79 \\ - 63 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ - 45 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 76 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 25 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 37 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 26 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 57 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 45 \\ - 21 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 96 \\ - 72 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 65 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 78 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 46 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 88 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 49 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 66 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 46 \\ - 31 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 19 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 79 \\ - 71 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 84 \\ - 81 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 88 \\ - 62 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 98 \\ - 76 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 47 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 76 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ - 43 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 89 \\ - 32 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 59 \\ - 47 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 78 \\ - 65 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 35 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 79 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 87 \\ - 53 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 98 \\ - 32 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 84 \\ - 62 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 95 \\ - 43 \\ \hline \end{array}$

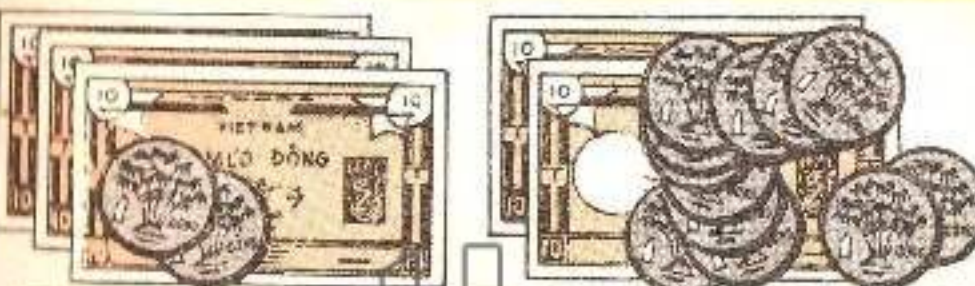
TOÁN TRỪ CÓ NHỚ

CHỤC ĐƠN-VỊ



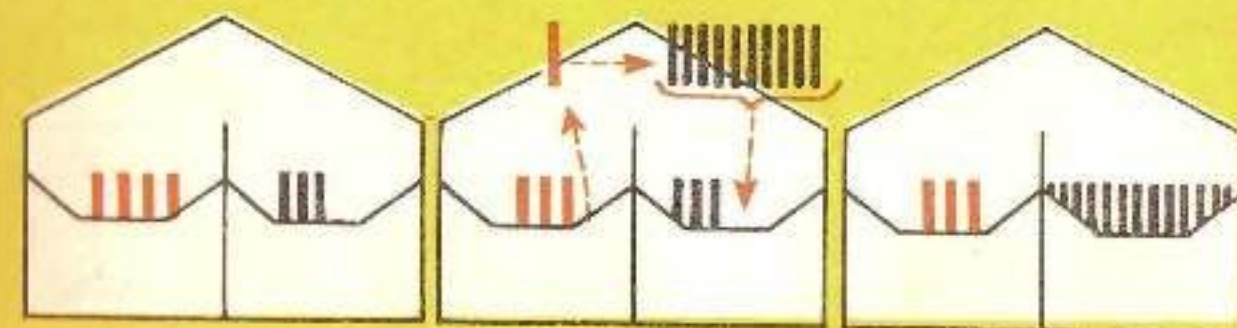
CHỤC	ĐƠN-VỊ	CHỤC	ĐƠN-VỊ
2	4	1	10+4

$$\begin{array}{r} \text{CHỤC} \quad \text{ĐƠN-VỊ} \\ \begin{array}{r} \cancel{2} \quad \cancel{4} \\ - \quad 6 \\ \hline \end{array} \end{array}$$



CHỤC	ĐƠN-VỊ	CHỤC	ĐƠN-VỊ
3	2	?	10+2

$$\begin{array}{r} \text{CHỤC} \quad \text{ĐƠN-VỊ} \\ \begin{array}{r} 3 \quad 2 \\ - \quad 7 \\ \hline \end{array} \end{array}$$



CHỤC	ĐƠN-VỊ	CHỤC	ĐƠN-VỊ	CHỤC	ĐƠN-VỊ
4	3	?	10+3		

$$\begin{array}{r} \text{CHỤC} \quad \text{ĐƠN-VỊ} \\ \begin{array}{r} 4 \quad 3 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array} \end{array}$$

PHẦN GIÁO - VIÊN :

— Dùng vật cụ thể (đũa, tiền) để giải thích ý-niệm về toán trừ có nhớ.

BÀI TẬP

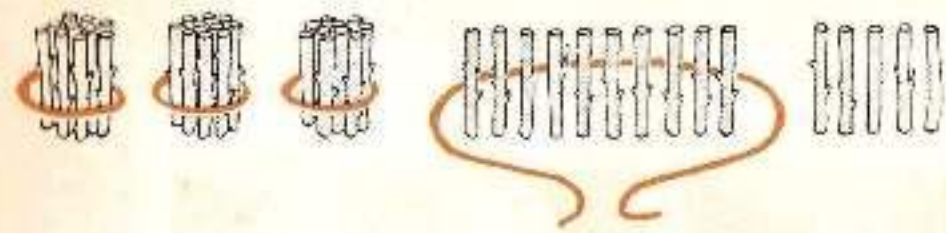
Trừ :

$\begin{array}{r} 43 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 24 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 20 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 32 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 25 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 30 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 45 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 37 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 26 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 54 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 28 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 40 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 34 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 52 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 27 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 47 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 66 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 46 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 50 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 75 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 38 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 85 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 48 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 55 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 84 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 98 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 60 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 77 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 63 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 97 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 78 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 83 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 76 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 96 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 65 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 57 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 90 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 82 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$

TOÁN ĐỐ :

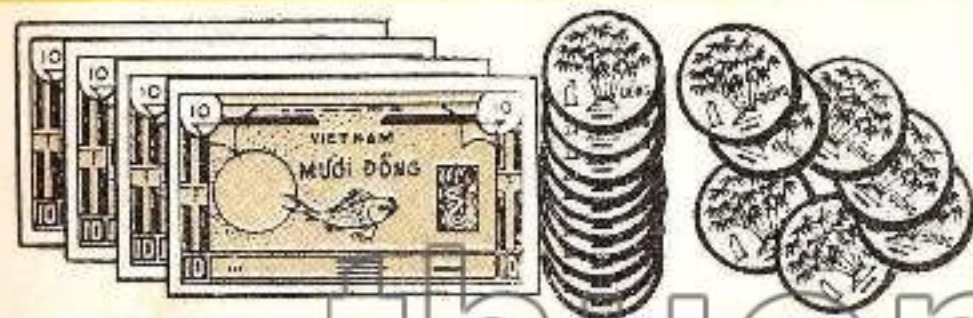
- Nam có 38 hòn bi. Nó làm mất hết 16 hòn. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu ?
- Con gà mái ấp 21 trứng, gà nở được 9 con. Còn bao nhiêu trứng không nở ?
- Tôi có 34 đồng. Tôi xài hết 7 đồng. Tôi còn lại mấy đồng ?
- Chị trò Ba có 25 ngôi viết. Ba có 8 ngôi. Vậy chị trò Ba có hơn trò Ba bao nhiêu ngôi viết ?

TOÁN TRỪ CÓ NHỚ (tiếp theo)



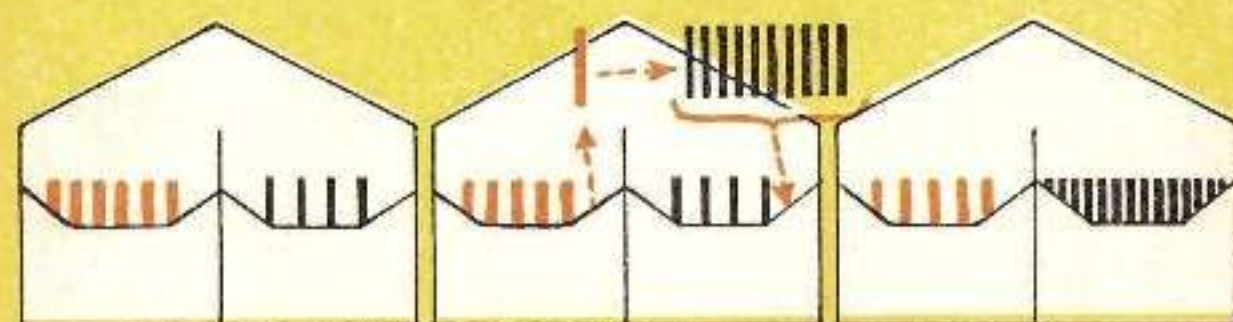
CHỤC	ĐƠN-VỊ	CHỤC	ĐƠN-VỊ
4	5	3	15

CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
4	5	4 5
2	7	2 7



CHỤC	ĐƠN-VỊ	CHỤC	ĐƠN-VỊ
5	7	4	?

CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
5	7	5 7
3	8	3 8



CHỤC	ĐƠN-VỊ	CHỤC	ĐƠN-VỊ	CHỤC	ĐƠN-VỊ
6	4	5	?	5	

CHỤC	ĐƠN-VỊ
6	4
2	8

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Xem phương-pháp dạy bài 5

BÀI TẬP

$$\begin{array}{r} 22 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 75 \\ - 28 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 33 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ - 28 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 24 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 35 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 30 \\ - 22 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 26 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40 \\ - 31 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ - 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 55 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 66 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 94 \\ - 77 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 70 \\ - 43 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 87 \\ - 68 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 74 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 59 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 83 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 73 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85 \\ - 67 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 95 \\ - 86 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 87 \\ - 76 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 66 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 88 \\ - 69 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 98 \\ - 89 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 48 \\ \hline \end{array}$$

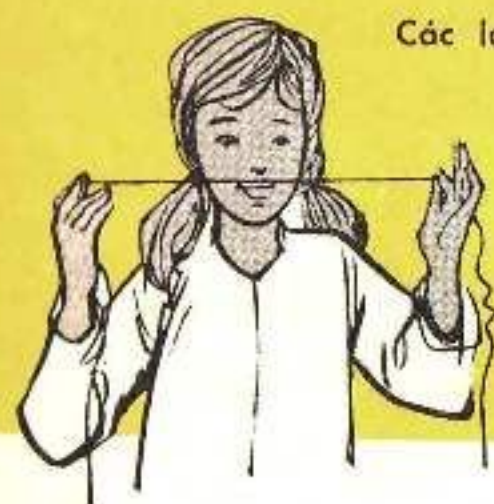
$$\begin{array}{r} 60 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 93 \\ - 49 \\ \hline \end{array}$$

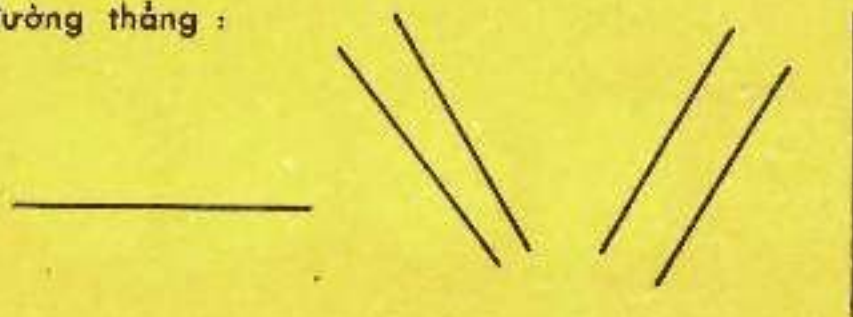
TOÁN ĐÓ :

- Lớp Năm có tất cả 56 trò vừa trai vừa gái. Có 29 trò trai. Tìm số học trò gái ?
- Có hai hộp đựng phần. Hộp thứ nhất đựng 67 viên, hộp thứ nhì 38 viên. Tính coi hộp thứ nhất đựng nhiều hơn hộp thứ nhì bao nhiêu viên phần ?
- Nam có 75 đ. Em xài hết 37 đ. Em còn lại bao nhiêu tiền ?
- Chị Thu có 42 tập vở. Chị cho em 18 tập. Vậy chị còn lại bao nhiêu tập vở ?

VẼ GẠCH NHỮNG ĐƯỜNG THẲNG

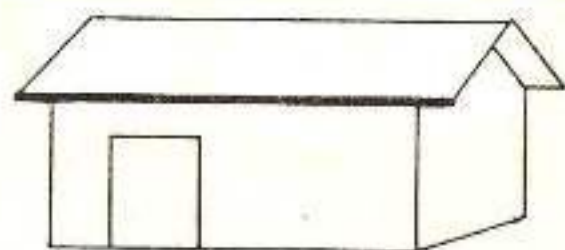


Các loại đường thẳng :

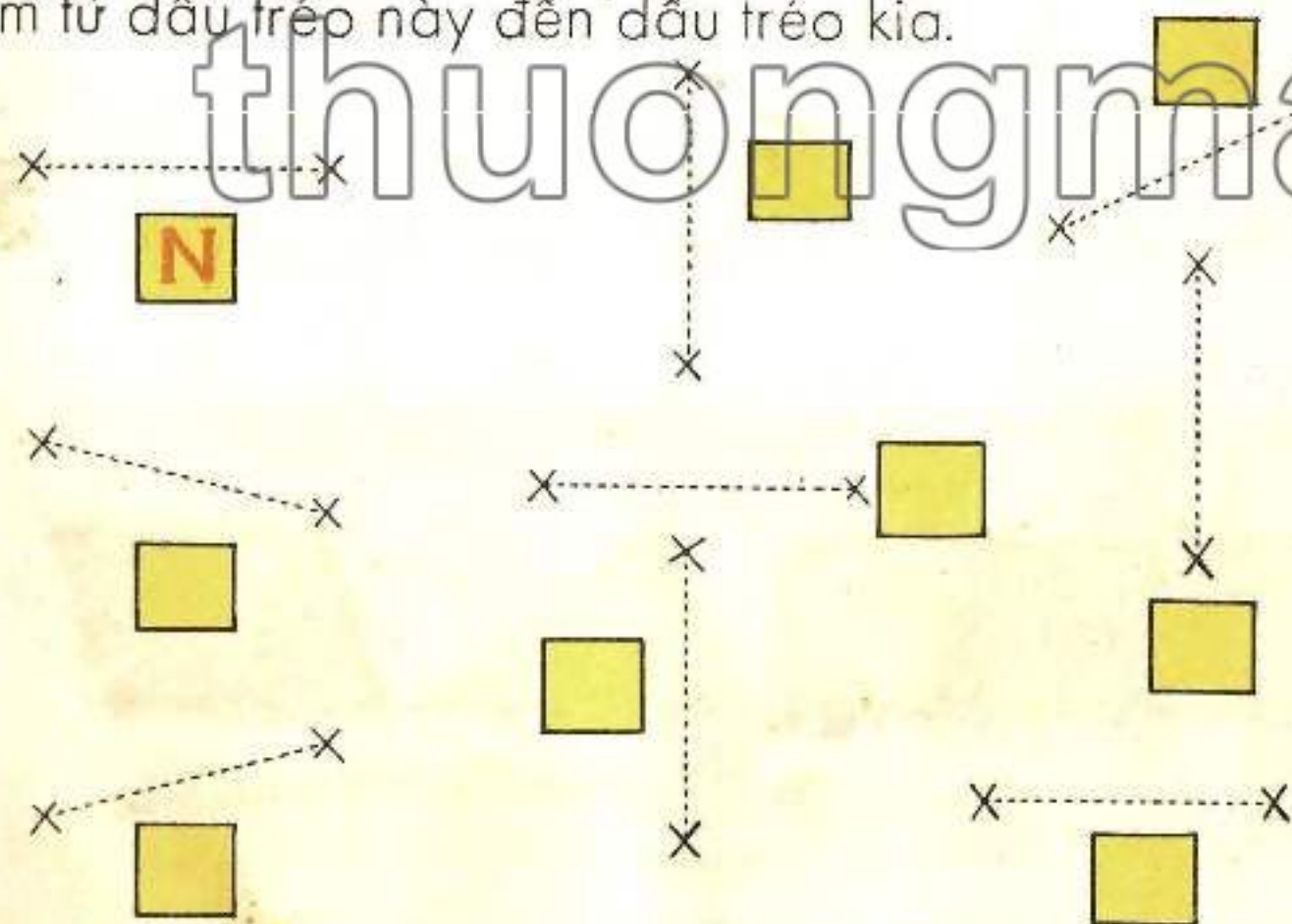


Đường thẳng ngang Đường thẳng xiên Đường thẳng đứng

Các em có thấy những đường thẳng trong hình vẽ này không ?



Hãy dùng thước gạch những đường thẳng theo đường chấm từ dấu tréo này đến dấu tréo kia.



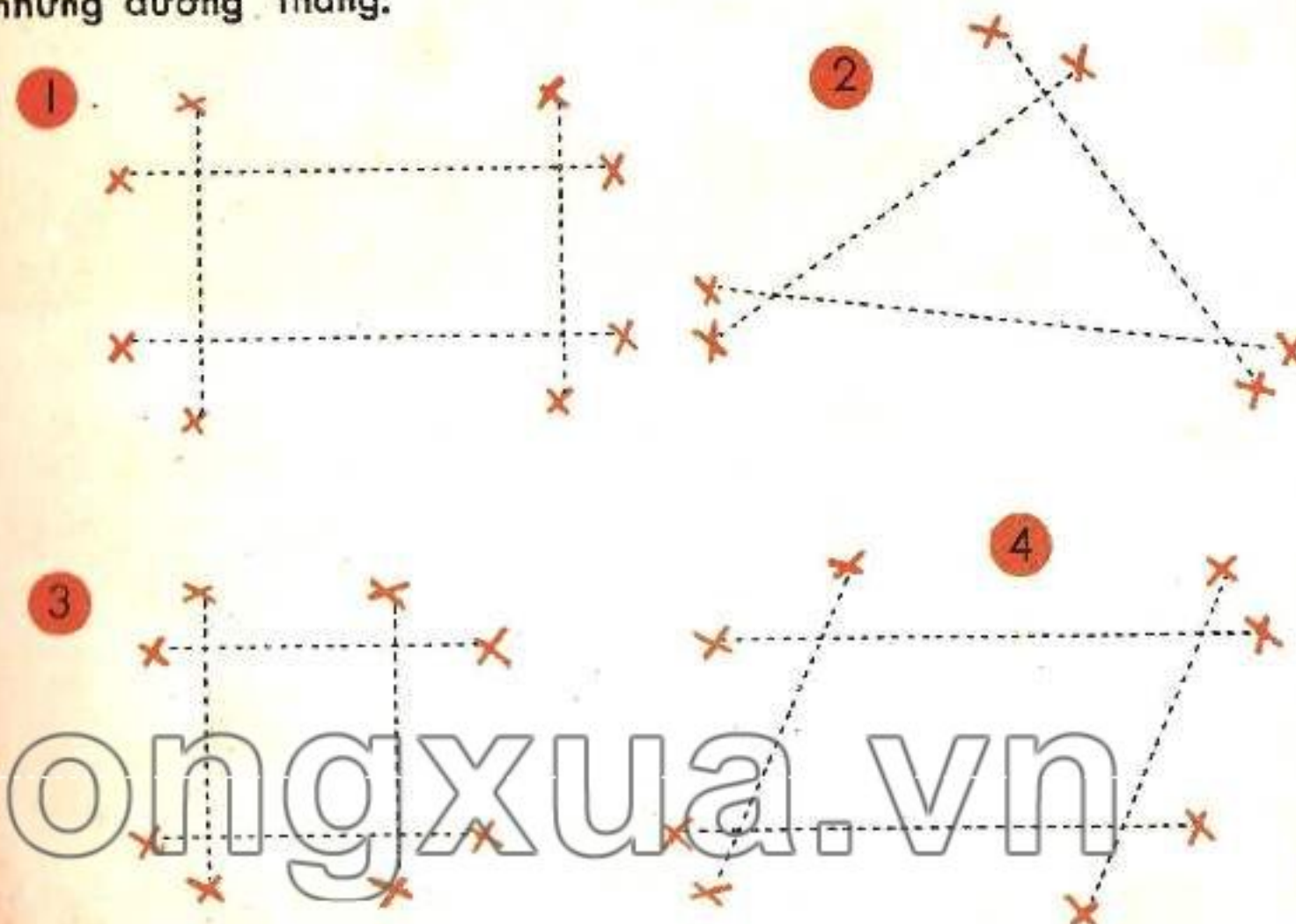
Trong ô vuông ở dưới đường thẳng, các em hãy viết chữ N cho đường thẳng ngang, chữ Đ cho đường thẳng đứng và chữ X cho đường thẳng xiên.

PHẦN GIÁO - VIÊN :

Cho học-sinh nêu ra các loại đường thẳng của các vật trong lớp học.

VẼ HÌNH BẢNG NHỮNG ĐƯỜNG THẲNG

Dùng thước gạch những đường thẳng theo đường chấm từ dấu tréo này đến dấu tréo kia để vẽ hình. Tô màu khoảng trống ở trong những đường thẳng.



Tên các hình :



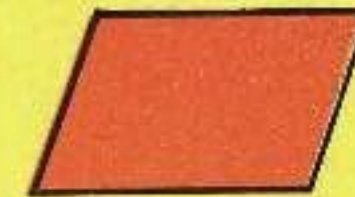
VUÔNG



CHỮ NHẬT



TAM GIÁC



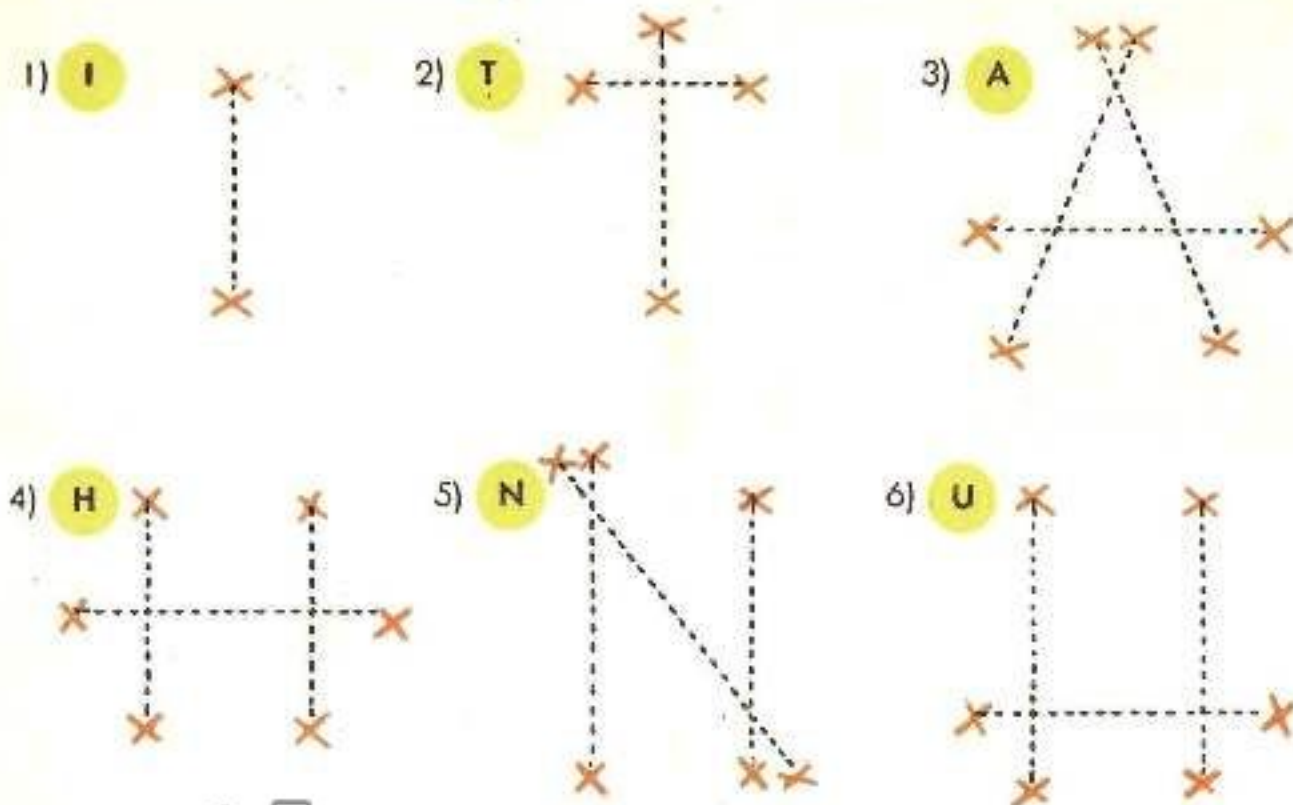
BÌNH HÀNH

PHẦN GIÁO - VIÊN :

— Giúp học-sinh vẽ các hình trên bảng đen. Vẽ hình trên giấy rồi cắt. Cho học-sinh chỉ những hình khác nhau của các vật trong lớp học.

VẼ CHỮ BẰNG ĐƯỜNG THẲNG

Vẽ những chữ sau đây bằng cách nối những đường chấm.
Bắt đầu chỗ có dấu X



Trong ô vuông, vẽ những chữ dưới đây :

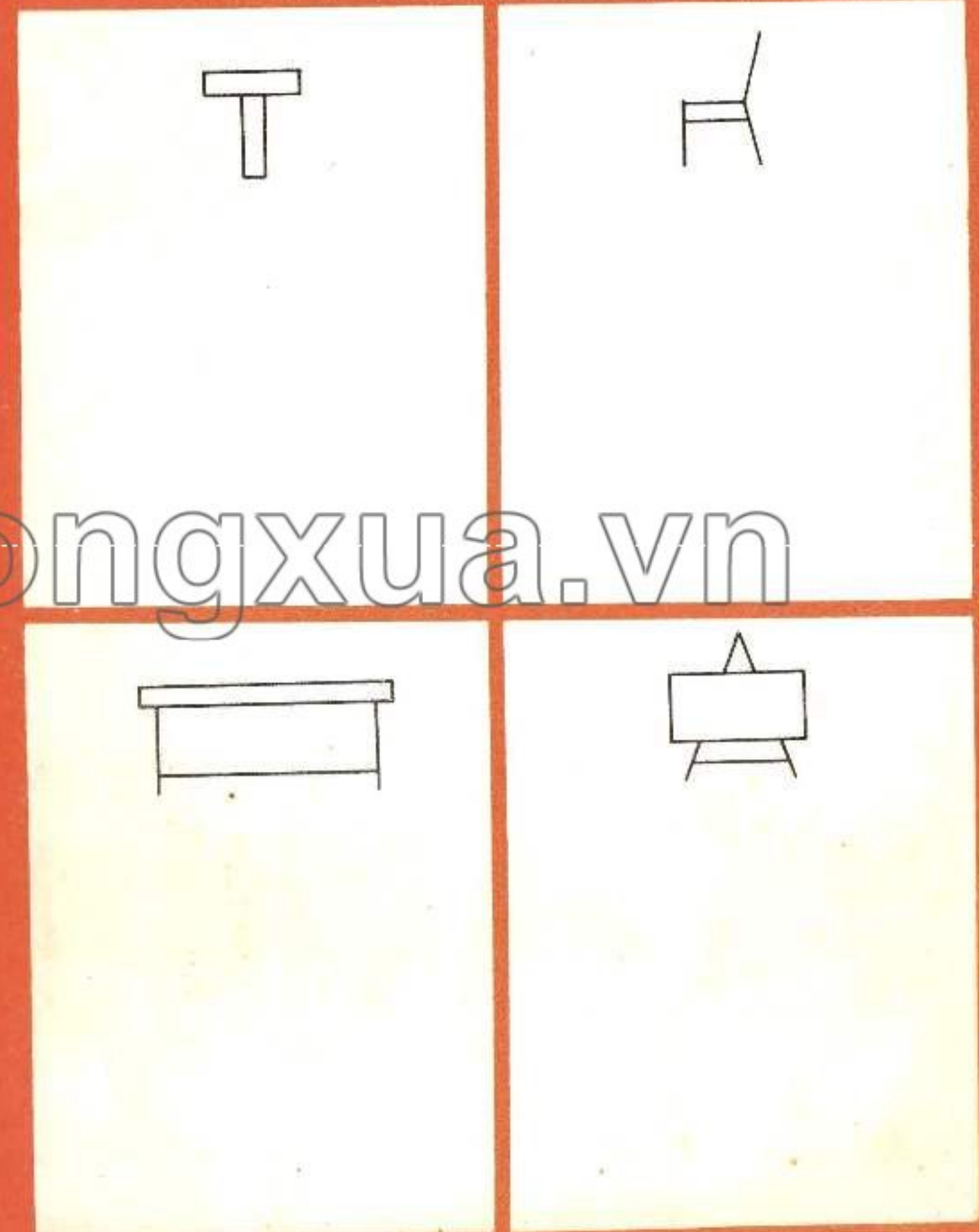
A	N	T	H	U	I
A	N	T	H	U	I
I	T	U	N	A	H

PHÂN GIÁO - VIÊN :

- Giúp học-sinh vẽ một vài chữ bằng những đường thẳng. Cho học-sinh tập vẽ một vài chữ này trên bảng.

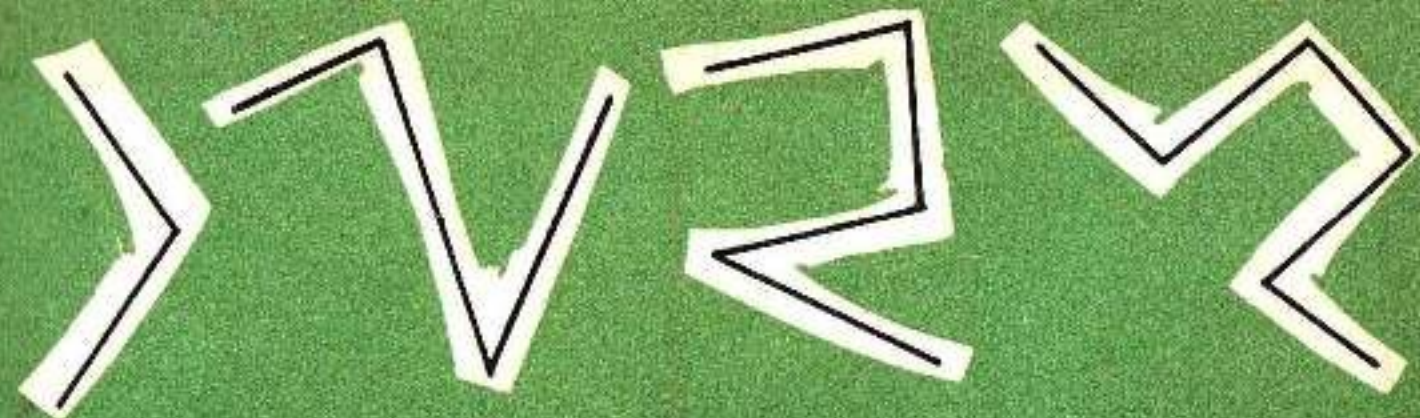
VẼ NHỮNG VẬT BẰNG ĐƯỜNG THẲNG

Trong ô vuông, vẽ những vật dưới đây lớn ra.
Cố dùng những đường gãy.



ĐƯỜNG GẦY

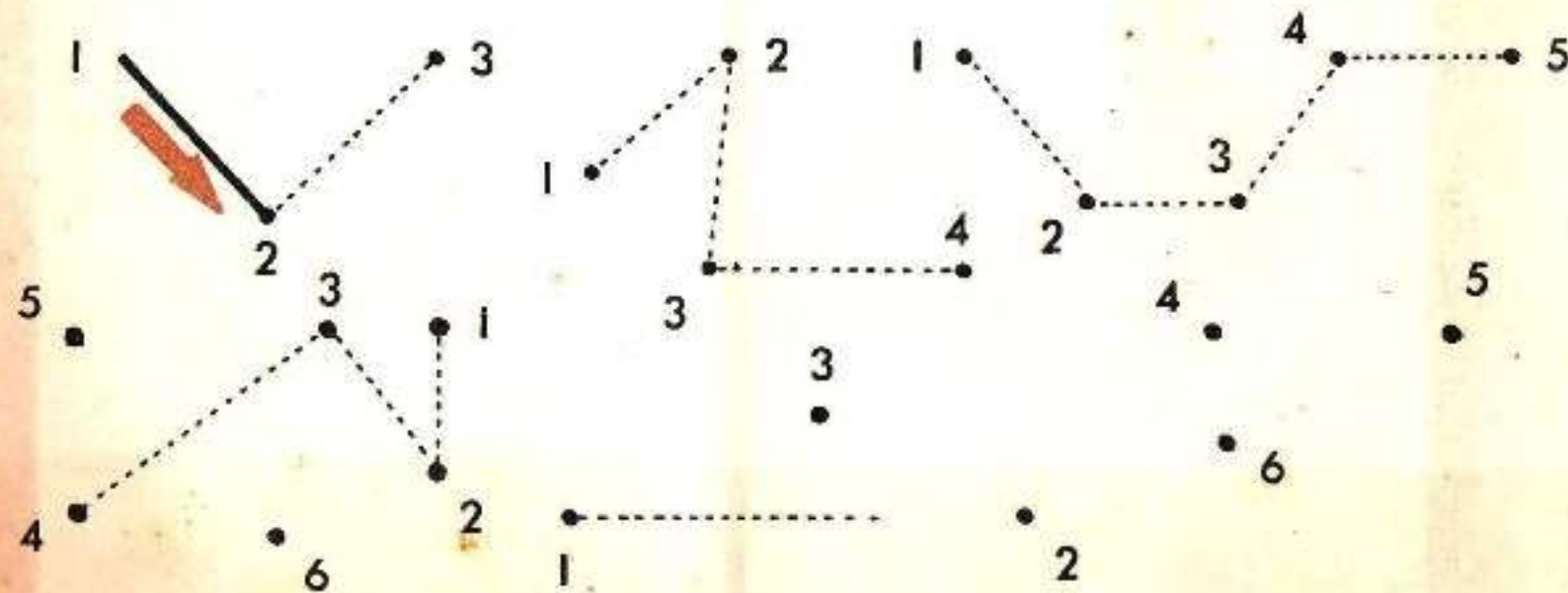
Một vài thí-dụ về đường gãy.



— Các em có thấy những đường gãy trong hình vẽ này không ?

Lấy bút chì sếp tô những đường đó.

Dùng thước nối những đường chấm từ số 1 đến số 2, 3 v.v. để vẽ những đường gãy.

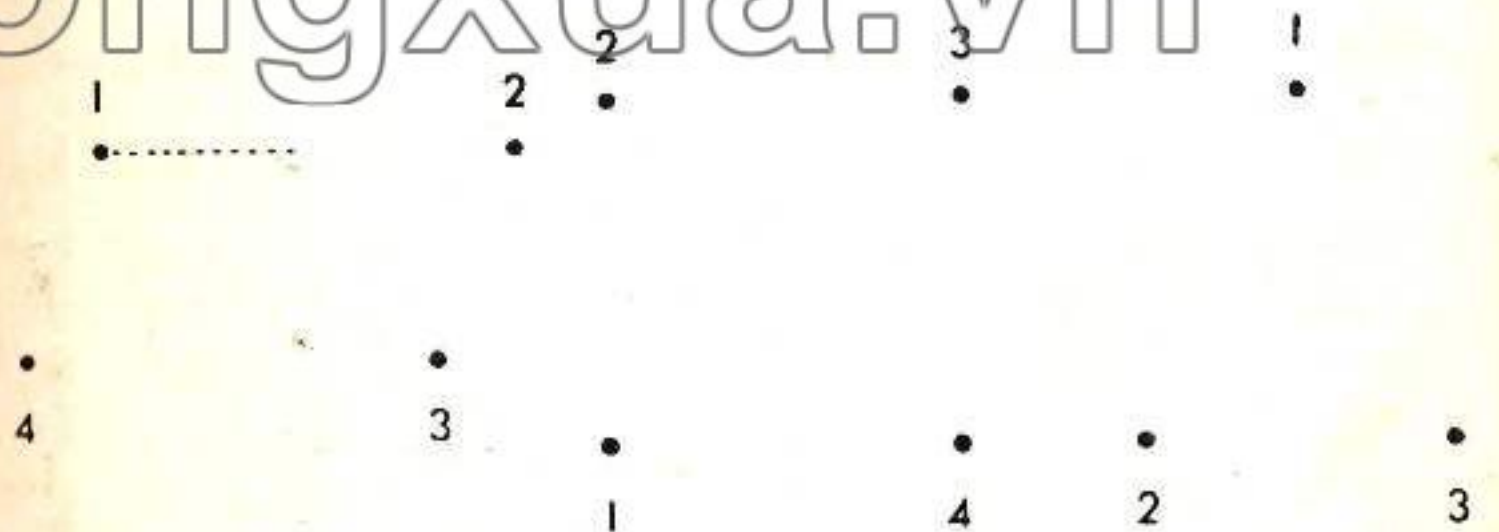
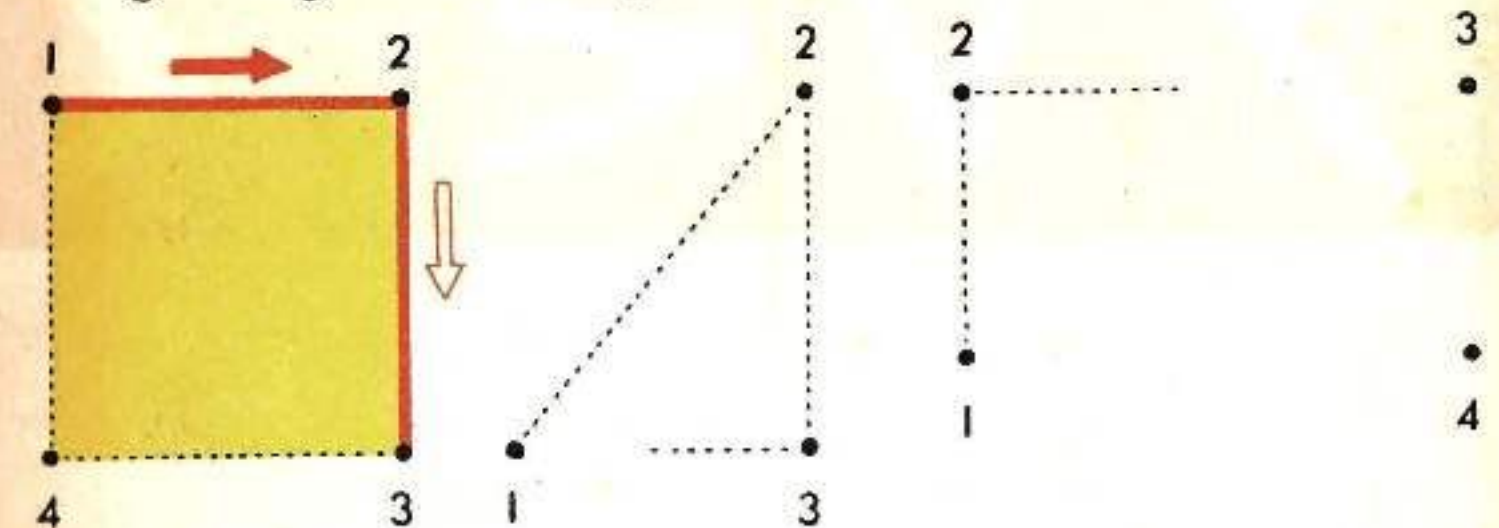


PHẦN GIÁO - VIÊN :

— Giải-nghĩa cho học-sinh hiểu một hình gãy là do nhiều đoạn thẳng hợp lại. Cho học-sinh chỉ những đường gãy của các vật trong lớp học.

VẼ HÌNH BẰNG ĐƯỜNG GẦY

Dùng thước nối những chấm từ số 1 đến số 2, 3 v.v. để vẽ những hình Đứng kín hình bằng cách nối trở lại số 1 sau khi đã nối đến số lớn nhất. Tô màu khoảng trống trong các đường



PHẦN GIÁO VIÊN

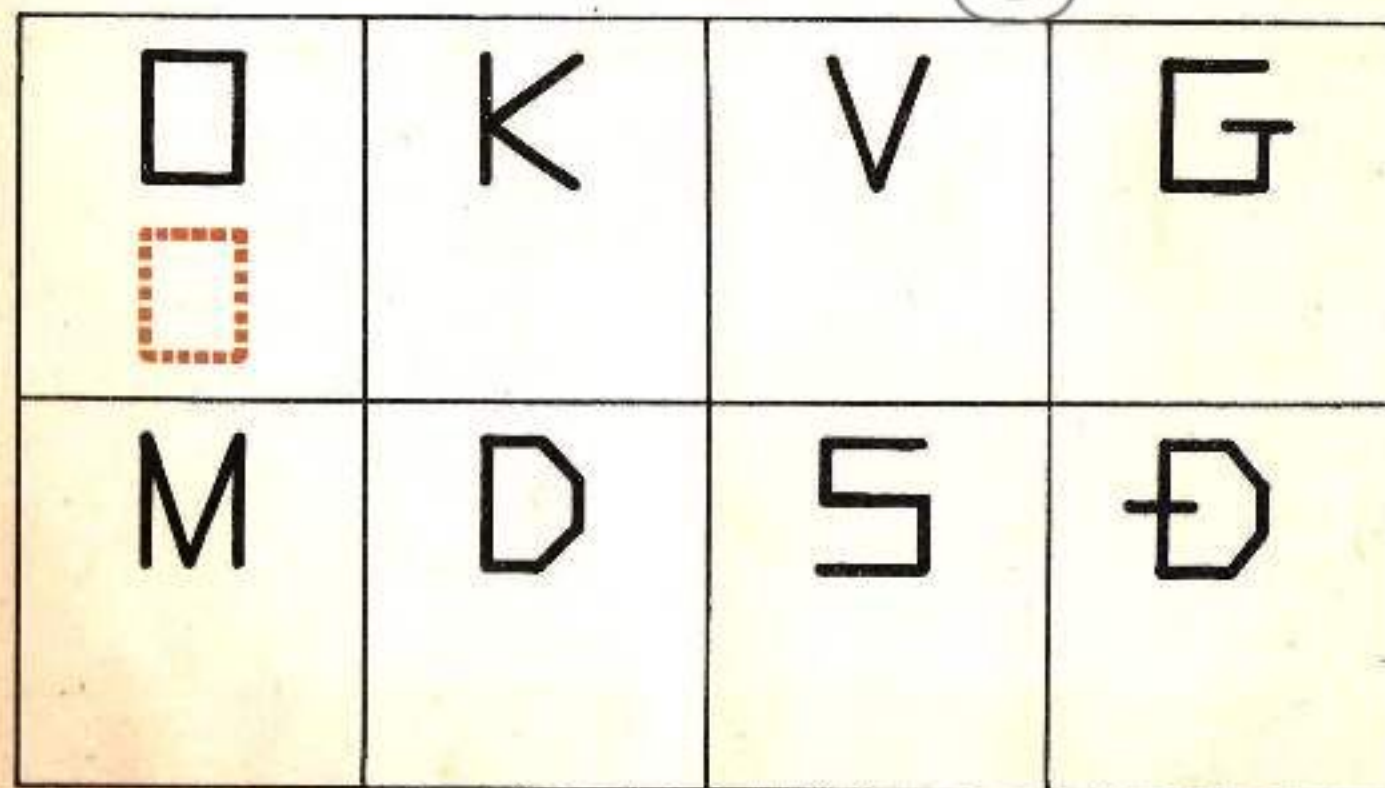
— Giải nghĩa cho học sinh hiểu rằng thường thường người ta vẽ các hình theo cách trên. Cho học sinh tập vẽ hình trên bảng và trên giấy. Cho chúng tập nối tên các hình. Dùng các hình giấy đã cắt ra.

VẼ CHỮ BẰNG ĐƯỜNG GỖY

Dùng thước gạch những đường thẳng theo nét chấm bắt đầu từ dấu chéo.



Trong ô vuông, dùng thước gạch những chữ dưới đây.

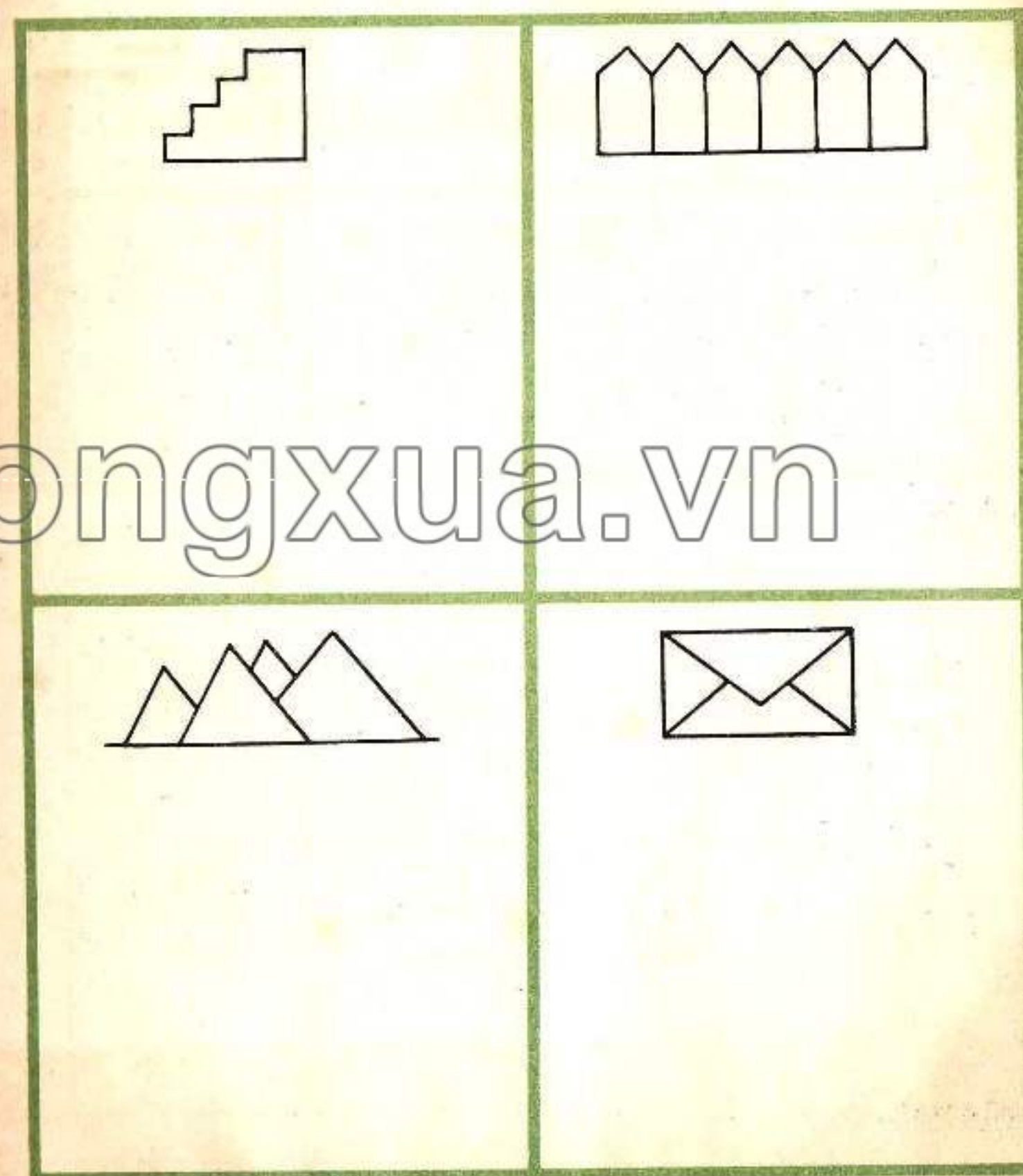


PHẦN GIÁO - VIÊN :

- Giảng cho học-sinh biết ta có thể vẽ một vài chữ bằng những đường gậy. Cho học-sinh tập vẽ một vài chữ trên bảng.

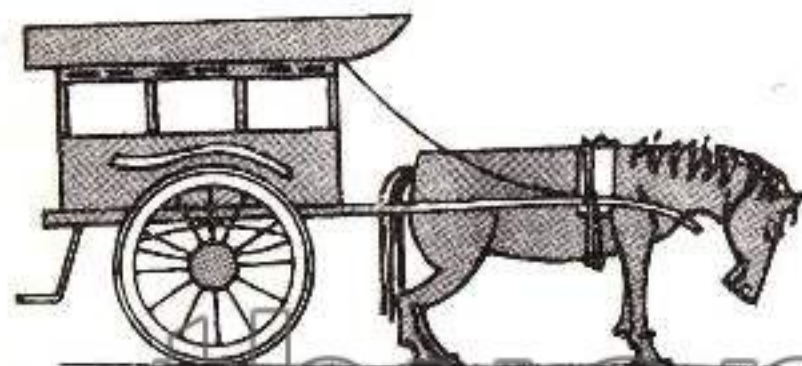
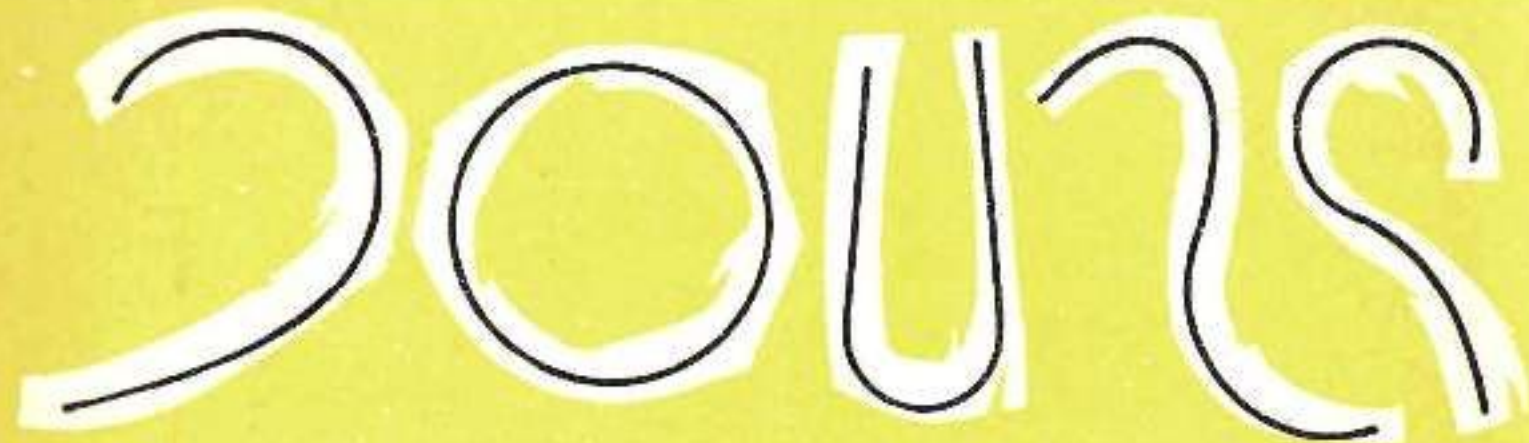
VẼ NHỮNG VẬT BẰNG ĐƯỜNG GỖY

Trong ô vuông, vẽ lớn ra những vật dưới đây.
Dùng đường thẳng mà vẽ.



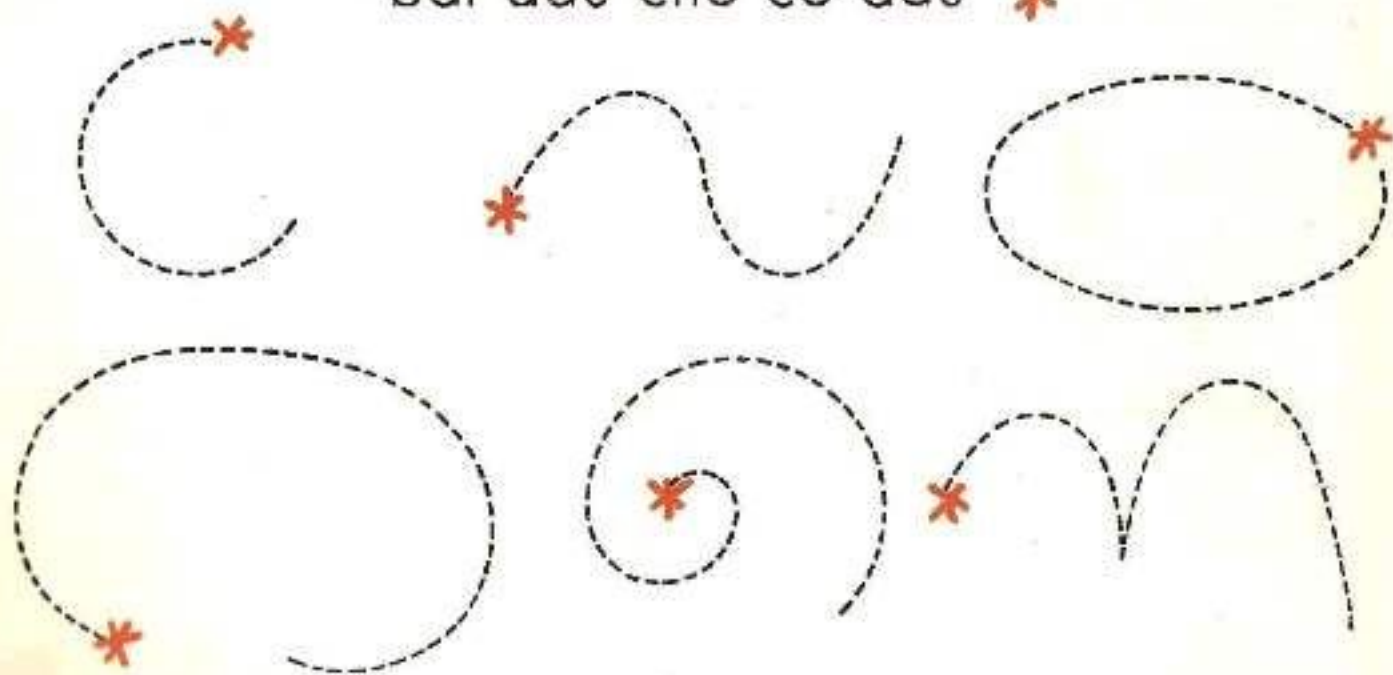
ĐƯỜNG CONG

Vài thí-dụ về đường cong :



Các em có thấy những đường cong trong hình vẽ này không? Lấy bút chì sắp tô những đường đó:

Vẽ những đường cong dưới đây theo đường chấm, bắt đầu chỗ có dấu *



PHẦN GIÁO - VIÊN :

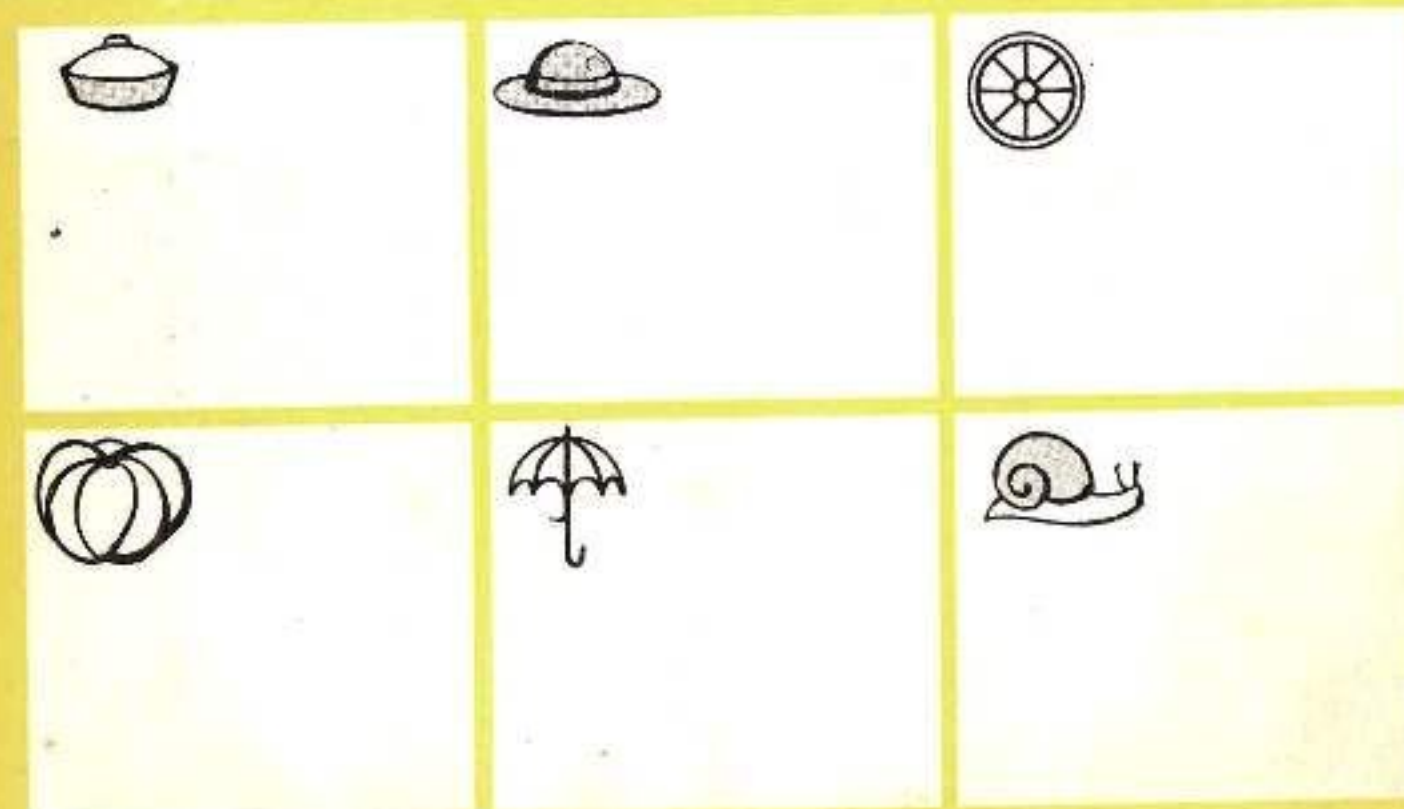
- Dùng một sợi dây chỉ cho học-sinh thấy thế nào là một đường cong. Nói cho chúng biết có đường cong đều, có đường cong không đều. Cho chúng chỉ những đường của các vật trong lớp.

VẼ CHỮ VÀ VẬT BẰNG ĐƯỜNG CONG

Vẽ những chữ dưới đây trong ô vuông bằng những đường cong và đường thẳng.

C	S	O	Q	D	P
R	B	G	U	O	P
G	Q	S	D	R	B

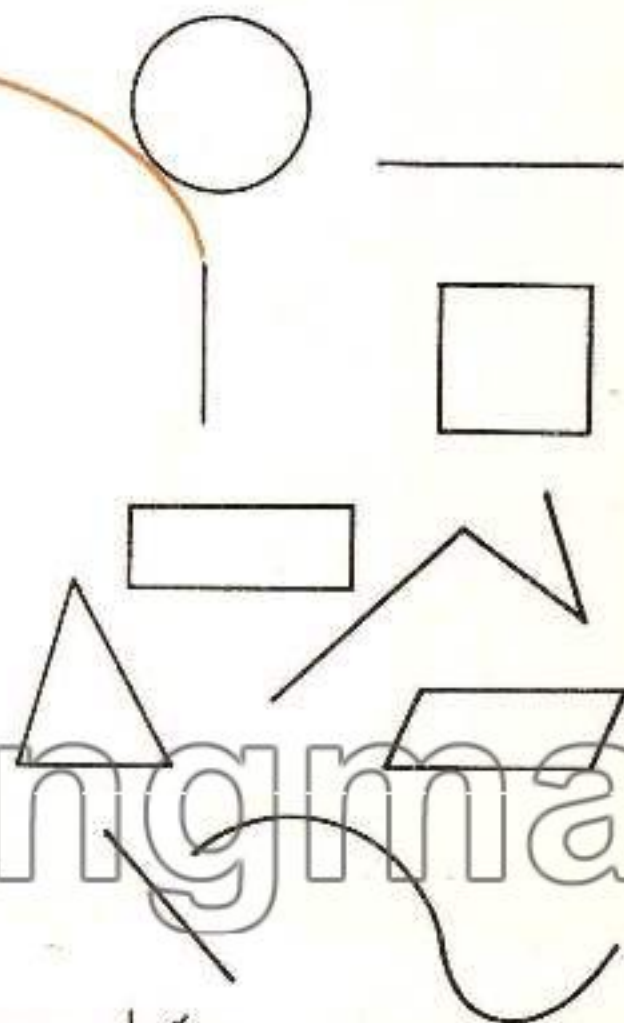
Trong ô vuông, vẽ lên ra hình các vật dưới đây.



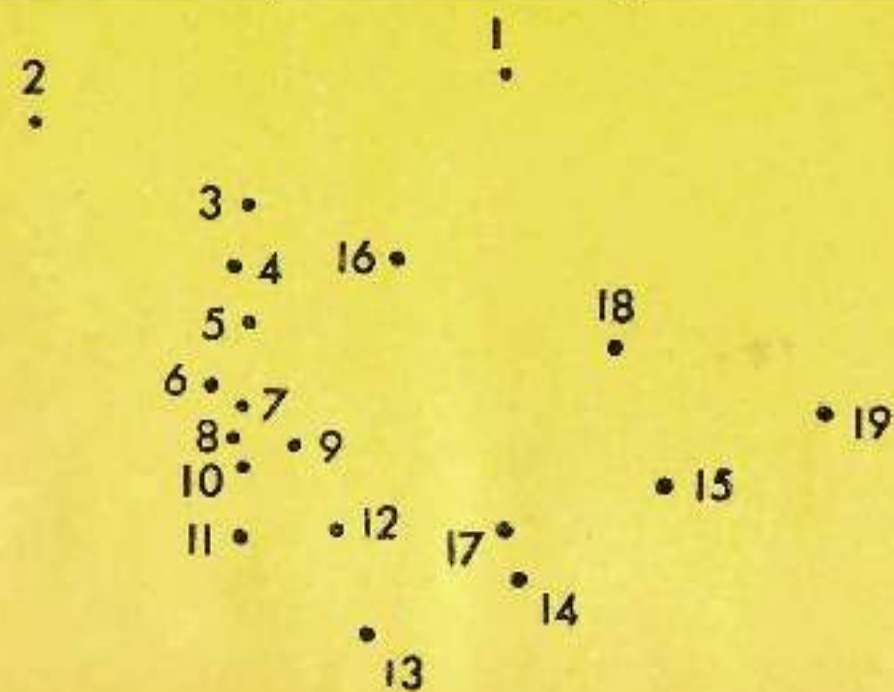
BÀI TẬP

1. Gạch đường nối từ những tiếng đến hình vẽ cho đúng.

- a) ĐƯỜNG THẲNG ĐỨNG
- b) HÌNH TAM GIÁC
- c) ĐƯỜNG THẲNG XIÊN
- d) HÌNH TRÒN
- e) ĐƯỜNG CONG
- g) HÌNH VUÔNG
- h) ĐƯỜNG THẲNG NGANG
- i) HÌNH BÌNH HÀNH
- k) ĐƯỜNG GỠY
- l) HÌNH CHỮ NHẬT

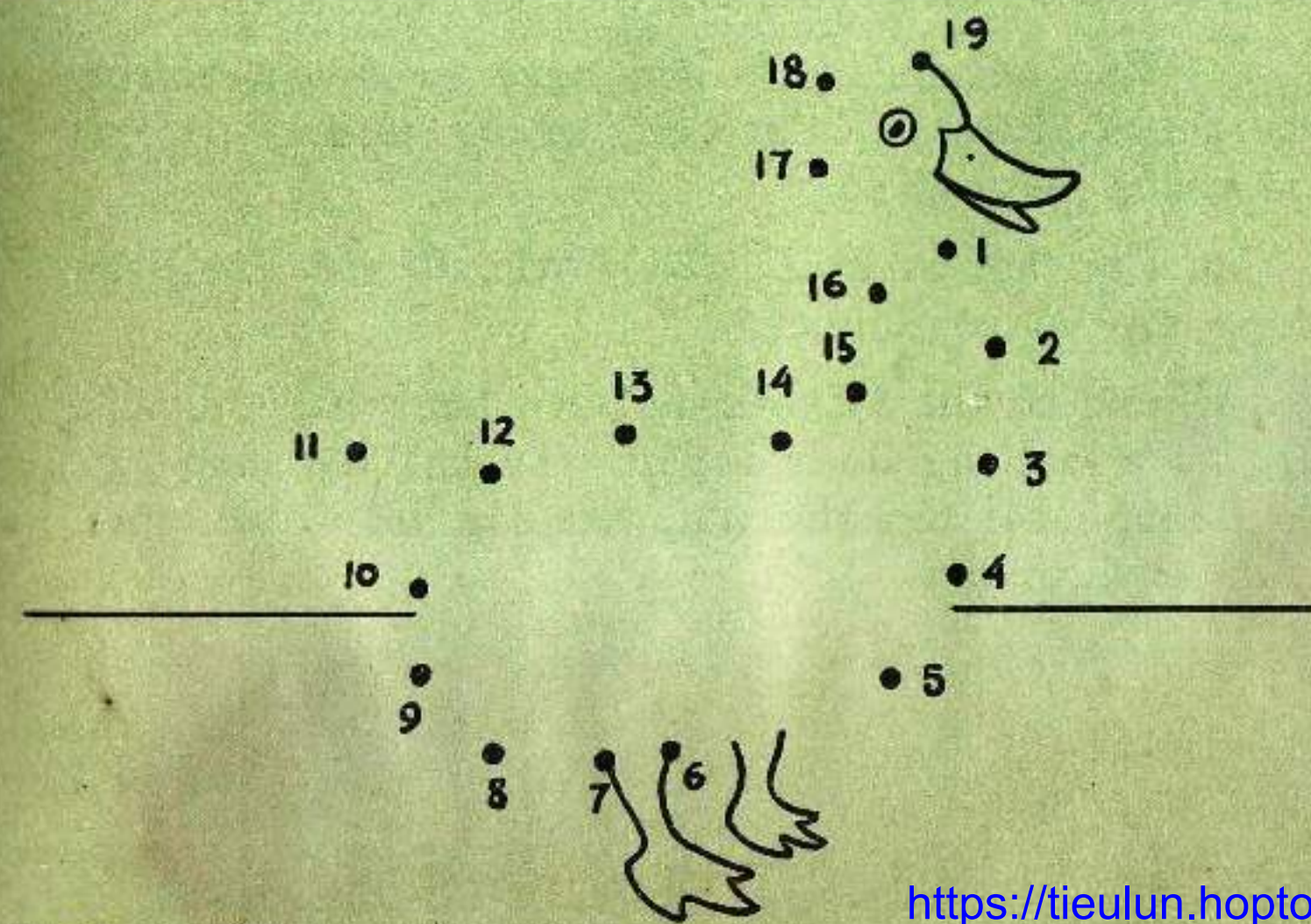
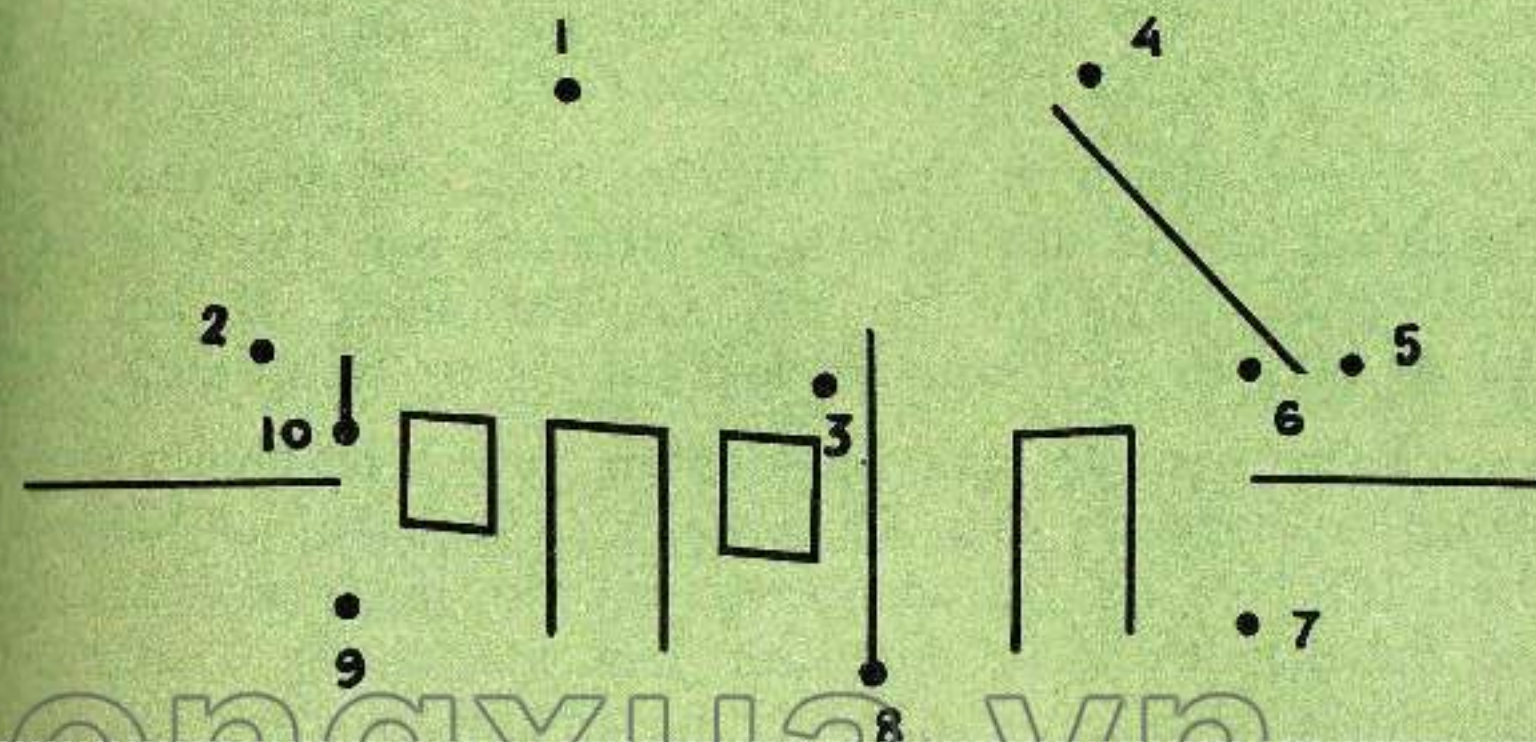


2. Vẽ hình sau đây theo đường chấm.



BÀI TẬP

Vẽ hình sau đây theo đường chấm.



Cùng Quý vị Giáo viên,

Những bài tập ở những trang sau đây là bài tập về toán cộng và toán trừ tương tự các bài tập khác trong quyển sách này.

Các bài tập được chia ra làm hai phần : bài tập về toán cộng và bài tập về toán trừ.

Trong mỗi phần, các bài tập được sắp xếp theo hệ-thống từ dễ đến khó. Giáo-viên chỉ nên cho học-sinh làm những bài tập này sau khi chúng đã học và đã hiểu rõ cách làm các loại bài tập ấy trong sách.

Phần bài tập này được soạn ra vì hai lý-do :
(1) Cho học-sinh làm thêm bài tập hoặc ôn lại bài học. (2) Nêu thí dụ về những bài tập mà giáo-viên có thể đặt ra rồi cho học-sinh làm khi chúng đang học một khía cạnh đặc-biệt nào về toán cộng và toán trừ.

Trong mỗi trang bài tập, giáo-viên có thể cho học-sinh làm nhiều lần bằng cách :

1. Cho học-sinh khởi làm ngay trong lớp những bài tập dễ, luân phiên trả lời miệng những đáp số mà không viết con số.

2. Cho học-sinh viết đáp số trên tờ giấy rời hoặc trong tập vở của chúng.

Chúng có thể đặt tờ giấy dưới hàng bài tập, viết đáp số của hàng đó rồi gấp giấy lại, đặt mép gấp dưới hàng bài tập thứ nhì, viết đáp số, v. v... theo hình vẽ dưới đây.

$$\begin{array}{r} 3. \quad \begin{array}{r} 3 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ 1 \end{array} \end{array}$$

3. 0 4 1 5 4 4 3 7

Giáo-viên cũng có thể cho học-sinh chép bài tập vào vở rồi viết đáp số. Song nên cố tránh cách này vì làm như vậy, học-sinh thường thường sẽ mất thì giờ chép bài nhiều hơn là làm bài.

3. Sau cùng, khi nhận thấy học-sinh đã làm xong một trang bài tập nào nhiều lần thì sau một thời gian, giáo-viên nên cho ôn lại và cho viết đáp số ngay vào trong sách.

Muốn cho học-sinh làm được toán cộng và trừ thật mau lẹ, giáo-viên nên cho chúng làm thật nhiều bài tập. Nếu cần, giáo-viên có thể soạn cho học-sinh những bài tập tương tự như trong sách này rồi cho chúng làm thêm càng nhiều càng tốt.

TOÁN CỘNG

$\frac{1}{2}$	$\frac{1}{3}$	$\frac{1}{4}$	$\frac{1}{5}$	$\frac{1}{6}$	$\frac{1}{7}$	$\frac{1}{8}$	$\frac{1}{9}$	$\frac{1}{10}$
(2)	(3)	$\frac{2}{4}$	$\frac{2}{5}$	$\frac{2}{6}$	$\frac{2}{7}$	$\frac{2}{8}$	$\frac{2}{9}$	$\frac{2}{10}$
$\frac{2}{9}$		(4)	(5)	$\frac{3}{6}$	$\frac{3}{7}$	$\frac{3}{8}$	$\frac{3}{9}$	$\frac{3}{10}$
$\frac{3}{8}$	$\frac{3}{9}$			(6)	(7)	$\frac{4}{8}$	$\frac{4}{9}$	$\frac{4}{10}$
$\frac{4}{7}$	$\frac{4}{8}$	$\frac{4}{9}$				(8)	(9)	$\frac{5}{10}$
$\frac{5}{6}$	$\frac{5}{7}$	$\frac{5}{8}$	$\frac{5}{9}$					(10)
(11)	$\frac{6}{12}$	$\frac{6}{13}$	$\frac{6}{14}$	$\frac{6}{15}$				
	(12)	(13)	$\frac{7}{14}$	$\frac{7}{15}$	$\frac{7}{16}$			
			(14)	(15)	$\frac{8}{16}$	$\frac{8}{17}$		
					(16)	(17)	$\frac{9}{18}$	
							(18)	

TOÁN CỘNG DỄ

- $$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$
- $$\begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$
- $$\begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$
- $$\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$
- $$\begin{array}{r} 2 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$
- $$\begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN CỘNG DỄ (tiếp theo)

$$\begin{array}{r} 1. \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 1 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 2 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2. \quad \begin{array}{l} 4 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 7 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 1 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 3 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3. \quad \begin{array}{l} 1 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 9 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 1 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 7 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 2 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4. \quad \begin{array}{l} 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 7 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5. \quad \begin{array}{l} 4 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 6 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6. \quad \begin{array}{l} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 2 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 2 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} 7 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \end{array}$$

BÀI TẬP

$$1. \quad \begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 6 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + \\ \hline 9 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 6 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + \\ \hline 10 \end{array}$$

$$2. \quad \begin{array}{r} 4 \\ + \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + \\ \hline 10 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 7 \end{array}$$

$$3. \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + \\ \hline 10 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 6 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + \\ \hline 6 \end{array}$$

$$4. \quad 3 + \square = 4 \quad 1 + \square = 6 \quad 3 + \square = 5 \quad 5 + \square = 6$$

$$5. \quad \square + 9 = 10 \quad \square + 1 = 5 \quad \square + 7 = 8 \quad \square + 3 = 5$$

$$6. \quad 5 + \square = 10 \quad \square + 8 = 9 \quad 2 + \square = 5 \quad \square + 6 = 7$$

$$7. \quad 7 + \square = 10 \quad \square + 2 = 3 \quad 4 + \square = 5 \quad \square + 1 = 9$$

$$8. \quad 2 + \square = 4 \quad \square + 3 = 5 \quad 8 + \square = 9 \quad \square + 6 = 7$$

BÀI TẬP

$$1. \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 10 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + \\ 9 \end{array}$$

$$2. \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 10 \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + \\ 10 \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 10 \end{array}$$

$$3. \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 10 \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + \\ 10 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 10 \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 8 \end{array}$$

$$4. 3 + \square = 9 \quad 2 + \square = 7 \quad \square + 4 = 6 \quad \square + 5 = 7$$

$$5. 6 + \square = 8 \quad \square + 3 = 10 \quad 4 + \square = 7 \quad \square + 5 = 9$$

$$6. \square + 2 = 8 \quad 5 + \square = 7 \quad \square + 4 = 10 \quad 2 + \square = 6$$

$$7. 8 + 2 = \square \quad 4 + \square = 7 \quad \square + 5 = 8 \quad 6 + 3 = \square$$

$$8. 7 + \square = 9 \quad \square + 6 = 10 \quad 2 + 5 = \square \quad 7 + 2 = \square$$

TOÁN CỘNG KHÓ

$$1. \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 5 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 5 \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 3 \end{array}$$

$$2. \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ + \\ 3 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ + \\ 2 \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 5 \end{array}$$

$$3. \begin{array}{r} 3 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ + \\ 4 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 4 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ + \\ 5 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 4 \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ + \\ 9 \end{array}$$

$$4. \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 5 \end{array}$$

$$5. \begin{array}{r} 9 \\ + \\ 3 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 3 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + \\ 5 \end{array}$$

$$6. \begin{array}{r} 5 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ + \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ + \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ + \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ + \\ 8 \end{array}$$

TOÁN CỘNG KHÓ

1. $\begin{array}{r} 6 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 4 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$

2. $\begin{array}{r} 8 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$

3. $\begin{array}{r} 7 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$

4. $\begin{array}{r} 9 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 4 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$

5. $\begin{array}{r} 5 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$

6. $\begin{array}{r} 8 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$

BÀI TẬP

1. $\begin{array}{r} 6 \\ + \\ \hline 12 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + \\ \hline 15 \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ + \\ \hline 11 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + \\ \hline 17 \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + \\ \hline 13 \end{array}$ $\begin{array}{r} 4 \\ + \\ \hline 12 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + \\ \hline 11 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + \\ \hline 16 \end{array}$

2. $\begin{array}{r} 5 \\ + \\ \hline 11 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + \\ \hline 12 \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ + \\ \hline 14 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + \\ \hline 13 \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + \\ \hline 14 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + \\ \hline 13 \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ + \\ \hline 15 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + \\ \hline 12 \end{array}$

3. $\begin{array}{r} 7 \\ + \\ \hline 15 \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ + \\ \hline 12 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + \\ \hline 17 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ + \\ \hline 14 \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ + \\ \hline 12 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ + \\ \hline 18 \end{array}$ $\begin{array}{r} 2 \\ + \\ \hline 11 \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ + \\ \hline 12 \end{array}$

4. $8 + 5 = \square$ $5 + 9 = \square$ $9 + 7 = \square$ $8 + 6 = \square$

5. $9 + 4 = \square$ $5 + 8 = \square$ $9 + 3 = \square$ $3 + 8 = \square$

6. $3 + \square = 11$ $6 + \square = 13$ $7 + \square = 16$ $8 + \square = 12$

7. $5 + \square = 14$ $6 + \square = 12$ $\square + 7 = 14$ $\square + 8 = 17$

8. $\square + 3 = 12$ $\square + 8 = 15$ $\square + 9 = 18$ $\square + 7 = 16$

TOÁN CỘNG BA HÀNG SỐ

	1	2	4	4	1	1	4	2
+2	+1	+2	+1	+2	+2	+2	+2	
4	3	2	4	3	1	1	2	

2.

4	1	3	1	2	1	3	4
+1	+2	+1	+2	+3	+6	+2	+1
4	4	5	6	4	1	1	3

3. $\begin{array}{r} 3 \\ +1 \\ \hline 4 \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ +1 \\ \hline 6 \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ +2 \\ \hline 5 \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ +3 \\ \hline 6 \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ +3 \\ \hline 6 \end{array}$ $\begin{array}{r} 4 \\ +1 \\ \hline 5 \end{array}$ $\begin{array}{r} 1 \\ +2 \\ \hline 3 \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ +2 \\ \hline 7 \end{array}$

4.	5	4	3	3	3	2	2	3
	+2	+4	+1	+2	+5	+2	+5	+2
	1	1	4	2	1	2	1	4

5.

5	4	4	2	5	1	5	3
+3	+3	+3	+2	+2	+3	+1	+2
1	3	2	4	2	3	3	3

[illegible]

TOÁN CỘNG BA HÀNG SỐ (tiếp theo)

1. 2 6 5 5 6 3 7 2
 +5 +1 +5 +1 +2 +4 +2 +2
 3 5 1 8 4 4 5 7

2. 6 7 6 5 5 4 8 7
 +4 +2 +3 +2 +2 +1 +1 +2
 1 6 6 5 7 8 7 7

3.

7	7	6	4	9	8	9	8
+4	+6	+8	+6	+3	+3	+6	+5
3	2	1	4	5	6	2	3

4.

9	8	5	2	6	5	7	6
+7	+5	+4	+6	+8	+4	+6	+6
2	3	7	9	3	7	4	3

5. 7 6 5 7 8 5 4 6
 +5 +6 +9 +6 +4 +5 +7 +5
 7 6 5 6 7 5 4 7

$$\begin{array}{r} 6. \quad \begin{array}{cccccccc} 7 & 6 & 6 & 7 & 8 & 9 & 6 & 8 \\ +4 & +5 & +5 & +7 & +6 & +5 & +7 & +2 \\ \hline 6 & 6 & 8 & 4 & 9 & 6 & 6 & 9 \end{array} \end{array}$$

TOÁN CỘNG HAI CON SỐ

$$1. \begin{array}{r} 23 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 53 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 41 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 34 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 82 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 26 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 74 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 52 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$2. \begin{array}{r} 10 \\ + 88 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 41 \\ + 52 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 11 \\ + 87 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 80 \\ + 10 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 35 \\ + 42 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 72 \\ + 16 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 25 \\ + 54 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 55 \\ + 34 \\ \hline \end{array}$$

$$3. \begin{array}{r} 78 \\ + 20 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 59 \\ + 30 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 61 \\ + 28 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 74 \\ + 12 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 63 \\ + 24 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 20 \\ + 70 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 23 \\ + 76 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 57 \\ + 31 \\ \hline \end{array}$$

$$4. \begin{array}{r} 44 \\ + 53 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 37 \\ + 42 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 68 \\ + 31 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 43 \\ + 63 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 84 \\ + 12 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 23 \\ + 65 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 66 \\ + 22 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 45 \\ + 54 \\ \hline \end{array}$$

$$5. \begin{array}{r} 12 \\ + 5 \\ \hline 2 \end{array} \begin{array}{r} 31 \\ + 4 \\ \hline 4 \end{array} \begin{array}{r} 60 \\ + 4 \\ \hline 5 \end{array} \begin{array}{r} 84 \\ + 1 \\ \hline 4 \end{array} \begin{array}{r} 62 \\ + 3 \\ \hline 2 \end{array} \begin{array}{r} 35 \\ + 3 \\ \hline 1 \end{array} \begin{array}{r} 42 \\ + 5 \\ \hline 1 \end{array} \begin{array}{r} 92 \\ + 4 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$6. \begin{array}{r} 12 \\ + 11 \\ \hline 23 \end{array} \begin{array}{r} 24 \\ + 51 \\ \hline 13 \end{array} \begin{array}{r} 16 \\ + 62 \\ \hline 20 \end{array} \begin{array}{r} 23 \\ + 33 \\ \hline 40 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ + 20 \\ \hline 32 \end{array} \begin{array}{r} 19 \\ + 30 \\ \hline 40 \end{array} \begin{array}{r} 21 \\ + 17 \\ \hline 51 \end{array} \begin{array}{r} 42 \\ + 24 \\ \hline 12 \end{array}$$

TOÁN CỘNG CÓ NHỚ

$$1. \begin{array}{r} 47 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 56 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 69 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 37 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 88 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 29 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 38 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 87 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$2. \begin{array}{r} 37 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 66 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 59 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 75 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 27 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 54 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 61 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$3. \begin{array}{r} 25 \\ + 66 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 48 \\ + 38 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 87 \\ + 16 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 55 \\ + 29 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 76 \\ + 18 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 67 \\ + 24 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 42 \\ + 48 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 58 \\ + 28 \\ \hline \end{array}$$

$$4. \begin{array}{r} 68 \\ + 26 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 73 \\ + 19 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 45 \\ + 37 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 39 \\ + 49 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 29 \\ + 63 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 48 \\ + 49 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 56 \\ + 28 \\ \hline \end{array} \begin{array}{r} 27 \\ + 58 \\ \hline \end{array}$$

$$5. \begin{array}{r} 6 \\ + 23 \\ \hline 39 \end{array} \begin{array}{r} 16 \\ + 7 \\ \hline 48 \end{array} \begin{array}{r} 44 \\ + 3 \\ \hline 29 \end{array} \begin{array}{r} 38 \\ + 57 \\ \hline 5 \end{array} \begin{array}{r} 22 \\ + 29 \\ \hline 9 \end{array} \begin{array}{r} 52 \\ + 7 \\ \hline 18 \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ + 13 \\ \hline 48 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ + 84 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$6. \begin{array}{r} 28 \\ + 37 \\ \hline 15 \end{array} \begin{array}{r} 43 \\ + 32 \\ \hline 18 \end{array} \begin{array}{r} 55 \\ + 19 \\ \hline 18 \end{array} \begin{array}{r} 62 \\ + 27 \\ \hline 15 \end{array} \begin{array}{r} 33 \\ + 44 \\ \hline 19 \end{array} \begin{array}{r} 19 \\ + 18 \\ \hline 17 \end{array} \begin{array}{r} 25 \\ + 25 \\ \hline 37 \end{array} \begin{array}{r} 49 \\ + 18 \\ \hline 23 \end{array}$$

TOÁN TRỪ

$-\frac{1}{0}$	$-\frac{2}{1}$	$-\frac{3}{2}$	$-\frac{4}{3}$	$-\frac{5}{4}$	$-\frac{6}{5}$	$-\frac{7}{6}$	$-\frac{8}{7}$	$-\frac{9}{8}$
	$-\frac{2}{0}$	$-\frac{3}{1}$	$-\frac{4}{2}$	$-\frac{5}{3}$	$-\frac{6}{4}$	$-\frac{7}{5}$	$-\frac{8}{6}$	$-\frac{9}{7}$
$-\frac{10}{9}$		$-\frac{3}{0}$	$-\frac{4}{1}$	$-\frac{5}{2}$	$-\frac{6}{3}$	$-\frac{7}{4}$	$-\frac{8}{5}$	$-\frac{9}{6}$
$-\frac{10}{8}$	$-\frac{11}{9}$		$-\frac{4}{0}$	$-\frac{5}{1}$	$-\frac{6}{2}$	$-\frac{7}{3}$	$-\frac{8}{4}$	$-\frac{9}{5}$
$-\frac{10}{7}$	$-\frac{11}{8}$	$-\frac{12}{9}$		$-\frac{5}{0}$	$-\frac{6}{1}$	$-\frac{7}{2}$	$-\frac{8}{3}$	$-\frac{9}{4}$
$-\frac{10}{6}$	$-\frac{11}{7}$	$-\frac{12}{8}$	$-\frac{13}{9}$		$-\frac{6}{0}$	$-\frac{7}{1}$	$-\frac{8}{2}$	$-\frac{9}{3}$
$-\frac{10}{5}$	$-\frac{11}{6}$	$-\frac{12}{7}$	$-\frac{13}{8}$	$-\frac{14}{9}$		$-\frac{7}{0}$	$-\frac{8}{1}$	$-\frac{9}{2}$
$-\frac{10}{4}$	$-\frac{11}{5}$	$-\frac{12}{6}$	$-\frac{13}{7}$	$-\frac{14}{8}$	$-\frac{15}{9}$		$-\frac{8}{0}$	$-\frac{9}{1}$
$-\frac{10}{3}$	$-\frac{11}{4}$	$-\frac{12}{5}$	$-\frac{13}{6}$	$-\frac{14}{7}$	$-\frac{15}{8}$	$-\frac{16}{9}$		$-\frac{9}{0}$
$-\frac{10}{2}$	$-\frac{11}{3}$	$-\frac{12}{4}$	$-\frac{13}{5}$	$-\frac{14}{6}$	$-\frac{15}{7}$	$-\frac{16}{8}$	$-\frac{17}{9}$	
$-\frac{10}{1}$	$-\frac{11}{2}$	$-\frac{12}{3}$	$-\frac{13}{4}$	$-\frac{14}{5}$	$-\frac{15}{6}$	$-\frac{16}{7}$	$-\frac{17}{8}$	$-\frac{18}{9}$

TOÁN TRỪ DỄ

1.	$\begin{array}{r} 6 \\ -1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ -1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ -2 \end{array}$
2.	$\begin{array}{r} 2 \\ -1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -3 \end{array}$
3.	$\begin{array}{r} 3 \\ -3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -1 \end{array}$
4.	$\begin{array}{r} 7 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -5 \end{array}$
5.	$\begin{array}{r} 5 \\ -5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -7 \end{array}$
6.	$\begin{array}{r} 7 \\ -3 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -9 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ -1 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -1 \end{array}$
7.	$\begin{array}{r} 6 \\ -6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -5 \end{array}$
8.	$\begin{array}{r} 2 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ -5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ -4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ -2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ -3 \end{array}$

thuongmaitr

1. $\begin{array}{r} 5 \\ - \\ \hline 4 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - \\ \hline 4 \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ - \\ \hline 0 \end{array}$ $\begin{array}{r} 3 \\ - \\ \hline 1 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - \\ \hline 1 \end{array}$ $\begin{array}{r} 6 \\ - \\ \hline 3 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ - \\ \hline 4 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ - \\ \hline 7 \end{array}$

2. $\frac{6}{2}$ $\frac{8}{6}$ $\frac{9}{2}$ $\frac{7}{1}$ $\frac{3}{0}$ $\frac{4}{1}$ $\frac{7}{0}$ $\frac{9}{1}$

3. $\begin{array}{r} 8 \\ 5 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ 3 \end{array}$ $\begin{array}{r} 2 \\ 1 \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ 2 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ 0 \end{array}$ $\begin{array}{r} 7 \\ 5 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8 \\ 9 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ 6 \end{array}$

4. $3 - 1 = \square$ $4 - 3 = \square$ $6 - 5 = \square$ $9 - 2 = \square$

5. $4 - 2 = \square$ $6 - 6 = \square$ $7 - 1 = \square$ $8 - 6 = \square$

6. $5 - \square = 1$ $4 - \square = 3$ $9 - \square = 5$ $7 - \square = 4$

7. $7 - \square = 2$ $5 - \square = 3$ $9 - \square = 8$ $4 - \square = 0$

8. $\square - 1 = 5$ $\square - 4 = 3$ $\square - 5 = 3$ $\square - 2 = 4$

TOÁN TRỪ KHỚ

$$1. \quad \frac{12}{6} - \frac{10}{2} - \frac{15}{6} - \frac{13}{4} - \frac{11}{3} - \frac{16}{9} - \frac{14}{6} - \frac{10}{5}$$

2. $\frac{11}{7} - \frac{14}{5} - \frac{17}{8} - \frac{10}{9} - \frac{17}{9} - \frac{13}{8} - \frac{15}{9} - \frac{12}{7}$

3. $\frac{14}{7}$ $\frac{11}{2}$ $\frac{14}{7}$ $\frac{16}{7}$ $\frac{12}{5}$ $\frac{15}{7}$ $\frac{10}{4}$ $\frac{17}{9}$

4. $\frac{11}{8} - \frac{15}{6} - \frac{13}{5} - \frac{10}{1} - \frac{16}{7} - \frac{15}{7} - \frac{14}{9} - \frac{12}{4}$

5. $\frac{15}{9} - \frac{10}{6} - \frac{16}{8} - \frac{13}{4} - \frac{14}{8} - \frac{11}{6} - \frac{18}{9} - \frac{13}{7}$

6. $\frac{10}{8} - \frac{13}{9} - \frac{17}{8} - \frac{11}{9} - \frac{12}{7} - \frac{14}{9} - \frac{13}{5} - \frac{12}{9}$

7. $\frac{12}{3}$ $\frac{14}{6}$ $\frac{10}{8}$ $\frac{15}{8}$ $\frac{13}{6}$ $\frac{14}{8}$ $\frac{11}{4}$ $\frac{16}{8}$

8. $\frac{11}{5}$ $\frac{18}{9}$ $\frac{14}{5}$ $\frac{13}{6}$ $\frac{10}{7}$ $\frac{15}{8}$ $\frac{12}{8}$ $\frac{16}{9}$

TOÁN TRỪ CÓ NHỚ

1. $\begin{array}{r} 21 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 52 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 36 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 63 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 24 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 85 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 57 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 33 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$

2. $\begin{array}{r} 42 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 66 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 27 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 53 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 34 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 71 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 26 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 42 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$

3. $\begin{array}{r} 23 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 72 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 31 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 45 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 28 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 96 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 51 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 87 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

4. $\begin{array}{r} 43 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 88 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 92 \\ - 75 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 62 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 76 \\ - 28 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 97 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 55 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 81 \\ - 69 \\ \hline \end{array}$

5. $\begin{array}{r} 72 \\ - 33 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 91 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 56 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 82 \\ - 57 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 60 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 91 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 73 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 81 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$

6. $\begin{array}{r} 93 \\ - 66 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 80 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 52 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 71 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 88 \\ - 79 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 64 \\ - 47 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 96 \\ - 59 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 46 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$

7. $\begin{array}{r} 50 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 64 \\ - 55 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 91 \\ - 22 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 30 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 80 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 64 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 72 \\ - 54 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 83 \\ - 64 \\ \hline \end{array}$

8. $\begin{array}{r} 48 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 90 \\ - 41 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 62 \\ - 59 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 74 \\ - 49 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 68 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 60 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 73 \\ - 48 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 88 \\ - 69 \\ \hline \end{array}$

